

Lich lòi thm

I . Lich lòi thm. 1931.

1/ Les contenus accessibles sur le site Gallica sont pour la plupart des reproductions numériques d'oeuvres tombées dans le domaine public provenant des collections de la BnF. Leur réutilisation s'inscrit dans le cadre de la loi n°78-753 du 17 juillet 1978 :

- La réutilisation non commerciale de ces contenus ou dans le cadre d'une publication académique ou scientifique est libre et gratuite dans le respect de la législation en vigueur et notamment du maintien de la mention de source des contenus telle que précisée ci-après : « Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France » ou « Source gallica.bnf.fr / BnF ».

- La réutilisation commerciale de ces contenus est payante et fait l'objet d'une licence. Est entendue par réutilisation commerciale la revente de contenus sous forme de produits élaborés ou de fourniture de service ou toute autre réutilisation des contenus générant directement des revenus : publication vendue (à l'exception des ouvrages académiques ou scientifiques), une exposition, une production audiovisuelle, un service ou un produit payant, un support à vocation promotionnelle etc.

[CLIQUER ICI POUR ACCÉDER AUX TARIFS ET À LA LICENCE](#)

2/ Les contenus de Gallica sont la propriété de la BnF au sens de l'article L.2112-1 du code général de la propriété des personnes publiques.

3/ Quelques contenus sont soumis à un régime de réutilisation particulier. Il s'agit :

- des reproductions de documents protégés par un droit d'auteur appartenant à un tiers. Ces documents ne peuvent être réutilisés, sauf dans le cadre de la copie privée, sans l'autorisation préalable du titulaire des droits.

- des reproductions de documents conservés dans les bibliothèques ou autres institutions partenaires. Ceux-ci sont signalés par la mention Source gallica.BnF.fr / Bibliothèque municipale de ... (ou autre partenaire). L'utilisateur est invité à s'informer auprès de ces bibliothèques de leurs conditions de réutilisation.

4/ Gallica constitue une base de données, dont la BnF est le producteur, protégée au sens des articles L341-1 et suivants du code de la propriété intellectuelle.

5/ Les présentes conditions d'utilisation des contenus de Gallica sont régies par la loi française. En cas de réutilisation prévue dans un autre pays, il appartient à chaque utilisateur de vérifier la conformité de son projet avec le droit de ce pays.

6/ L'utilisateur s'engage à respecter les présentes conditions d'utilisation ainsi que la législation en vigueur, notamment en matière de propriété intellectuelle. En cas de non respect de ces dispositions, il est notamment passible d'une amende prévue par la loi du 17 juillet 1978.

7/ Pour obtenir un document de Gallica en haute définition, contacter utilisation.commerciale@bnf.fr.

80
INDO-CHINOIS
1228
(2)



1931

✻ TÂN-VỊ ✻

Bảo Đại Lục Niên



Lịch-



Lỗi-



Thăm

Imprimerie de Quinhon
✻ QUINHON (Annam) ✻

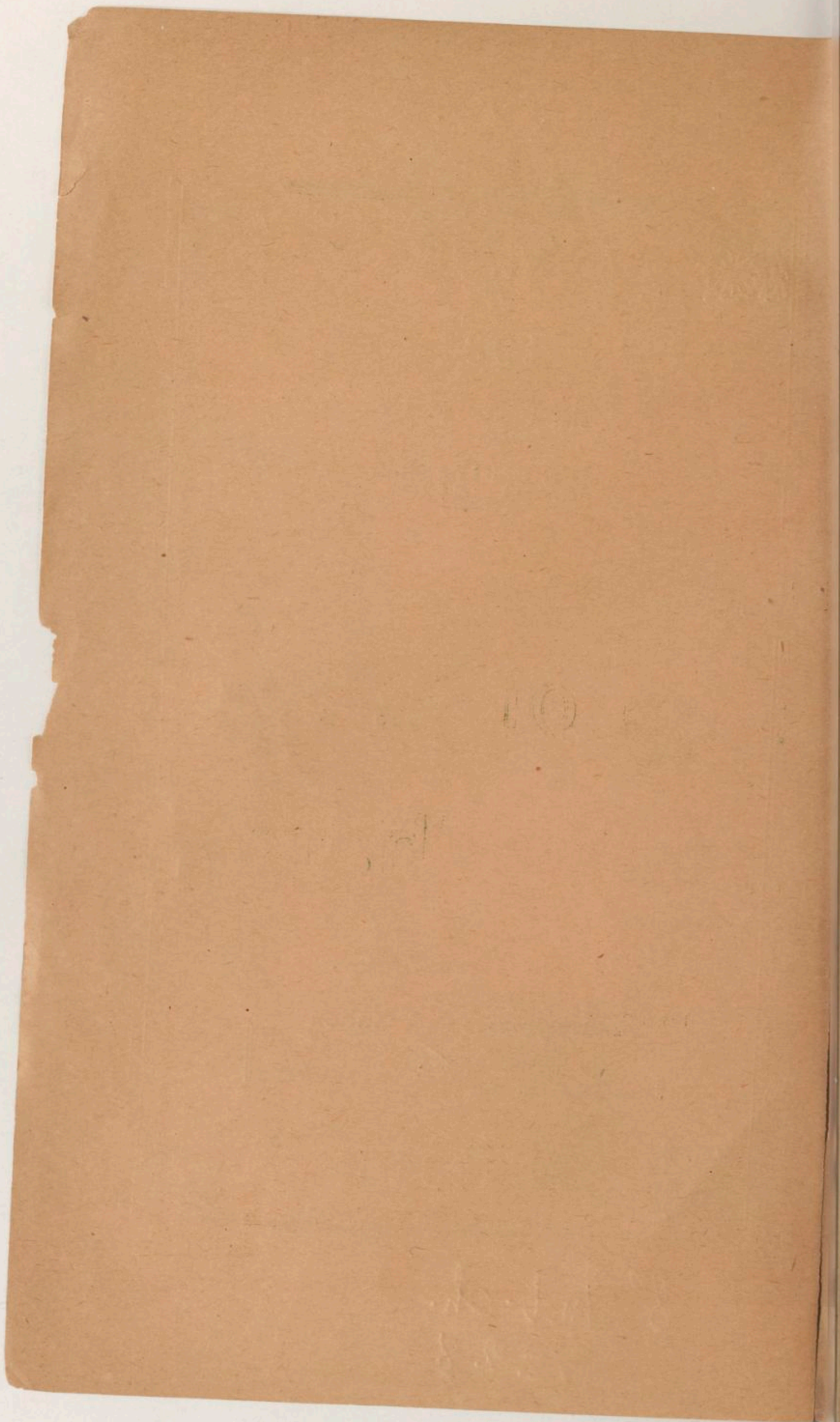


1931



80 Indoch. (C.)
1228

1228





1931

❧ TÂN-VỊ ❧

Bảo Đại Lục Niên

Lịch-



Lỗi-



Thăm

Imprimerie de Quinhon

❧ QUINHON (Annam) ❧



❧ 1931 ❧





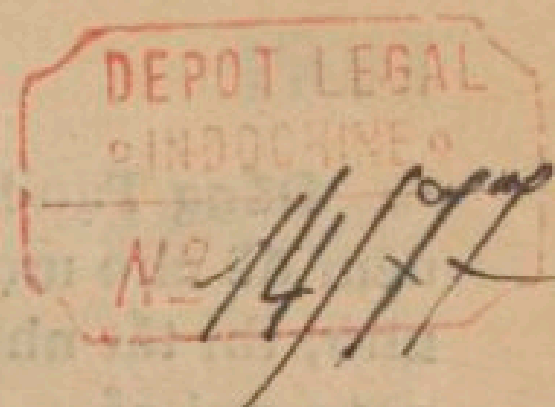
NỮ VƯƠNG NƯỚC ANNAM NGỰ TRÊN TRỜI

Cầu cho chúng tôi.

(1861)

DI 1861 DI

Thân Thân



Thấm thoắt đã qua một năm ! Nghĩ đến, lòng những xót xa, dạ những bồi hồi. Qua một năm là thêm một năm đã mất, qua một năm là bớt một năm bầy còn.

Bồi vậ trí khôn là như con mắt linh hồn, tự nhiên nhìn lại những thuở đã qua, Lết nhớ xuân lại nhớ đông, hết nhớ hè lại nhớ thu, nhớ quanh nhớ quẩn mà chạnh lòng buồn tiếc. Ra như muốn giữ cho còn cái của mình đã mất : ra như đã có cái sức gì thiêng liêng cướp giật, mà mình còn gương dành cho được lại.

Song chớ nghĩ rằng : mọi sự đã qua ấy là sự đã mất, vì lẽ sự gì đã thuận theo ý Chúa dầu đã qua đã cũ, đã phải vẽ lợt màu mặc lòng, cũng nỡ phải là sự đã hư mất mà đáng buồn đáng tiếc, bèn là sự bầy còn bầy bền vững đáng mừng đáng vui mà chớ.

Cho nên nghĩ đến năm đã qua, là như dòm trong bức gương cho biết việc năm sắp tới phải liệu làm sao : là cho biết sự gì còn thiếu mà thêm, sự gì khuy khuyết mà bồi bổ, đã đặt lợi thì gia tăng lợi.

Chỉ như kẻ chỉ quí những sự quá khứ mà ỷ ôi buồn tiếc, ấy cũng chưa là trọn khôn ; người lại hay trọng những điều vị lai mà náo nức đợi trông, ấy cũng chưa rằng vẹn khéo. Khôn khéo là nhìn biết năm tháng đã qua cũng là của Chúa, ngày giờ tiếp tới cũng là ơn ban ; nhớ hai ấy hầu an tâm định tính mà theo thánh ý Chúa.

Thánh ý Chúa là lo dùng năm tháng ngày giờ cho nên mà nên thánh. Dùng ngày giờ cho nên, là chẳng phải lo tìm phú quí danh hoa phước lộc hư hèn ở đời này, song là lo tích trữ của châu báu, là công nghiệp phước đức, để chuộc lấy phần phước vô cùng đời sau.

Vậy bầy gắng gương, bầy phấn phát. Tuy phần xác càng cao ngày dày tháng thì càng già càng yếu, càng lụn càng mòn, song linh hồn chẳng những chẳng nên biết sự già sự yếu sự lụn sự mòn, mà lại phải mỗi ngày mỗi thêm xuân thêm tráng kiện mà bước lên bước lên mãi cho tới đỉnh núi trọn lành ; phần xác càng gần đất xa trời, thì phần hồn càng phải gần trời xa đất.

Ngày tốt và ngày xấu.

Đấng Tạo-hoá dựng nên thiên địa vạn vật cùng chia ngày phân đêm đều cho mọi loài mọi vật trên mặt địa cầu này được hưởng nhờ, thì tất nhiên ngày nào của Đấng Tạo-hoá ban cho là ngày tốt, ngày quý cả.

Nhưng trong loài người có kẻ lại bày điều thêm thắt phân định ngày giờ thề nọ thề kia ; lại in rao trước rằng : ngày này là ngày tốt, nên thi hành việc nọ công kia ; còn ngày này là ngày xấu, không nên làm điều nọ, phải lánh điều kia mới khỏi hại. Đó chẳng qua là bởi mê tín dị đoan huyền hoặc mà bày điều, nào có trúng trật gì đâu.

Tác giả xin kể tích, bởi tin giữ ngày giờ tốt xấu mà phải hại. Số là năm trên ở cửa biển gần tỉnh Phan-thiết có một chủ ghe bầu kia vì coi ngày giờ tốt xấu sao đó, nên không chịu vào cửa liền, để đợi qua ngày sau sẽ vào, cứ biển bạn bè neo ghe ngoài khơi. Thình lình gà gáy trời phát giông gió lớn, biển nổi sóng dữ, lái ghe bấy giờ trở tay không kịp, nên ghe phải chìm cả vật cả người đều theo luồng sóng bạc. Còn nhiều tích khác, thấy coi ngày giờ kỹ lưỡng mà cũng không tránh khỏi nạn.

Phải chi biết phân định ngày giờ tốt xấu như vậy thì quý hoá biết bao : là ngày nào ta làm được việc phước việc thiện việc nghĩa, đó là ngày tốt cho ta ; còn ngày nào ta không làm được việc gì lành, mà lại làm những điều hung ác bạo tàn, tức ngày đó là ngày xấu cho ta.

Vậy trong năm mới này, chư quý vị có muốn ngày tốt không ?

Lại giả hiểu nghĩa như trò Ba về ngày tốt ngày xấu thế này cũng hay : là trò Ba nói trong năm cũng có ngày tốt ngày xấu như vậy : ngày này tốt, vì tôi được phép nghỉ ; còn ngày này xấu, vì tôi phải học phải làm việc nhọc. Hiểu vậy cũng cho là được.

Luôn tiện đây tác giả cũng xin nói trước những ngày tốt cho những người lớn, mà tác giả nói chắc trúng, không sai một mảy, là :

Các ngày Chúa-nhật trong năm ; và các ngày lễ cả trong đạo Công-giáo ; là lễ Đức Chúa Giê-su thắng thiên (14 Mai) ; Lễ Đức-Bà mộng triệu thắng thiên (15 Août) ; Lễ Các thánh Nam Nữ (1 Nov.) ; Lễ Sinh nhật Đức Chúa Giê-su (25 Déc.). — Ngày lễ các Đấng (2 Nov.) — Ngày thứ 2 sau lễ Phục-sinh (6 Avril), và sau lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống (25 Mai) — Ngày lễ Chánh chung (14 Juillet) — Ngày lễ Đình chiến (11 Nov.) — Ngày mừng Đức Gia-long phục quốc (17 Juin) — Ngày kỷ niệm sinh nhật Đức Hoàng-đế Bảo-Đại (13 Nov.) — Lại khi 1 lễ nào trong mấy lễ ấy trúng ngày thứ ba hay thứ 6 thì nhà nước còn nghỉ thêm ngày thứ 2 và thứ 7 nữa — Ngày tết Tây (1 Janv.) — Ngày 1,2,3 tết Annam (17,18,19 Février).

LỊCH

Canh ngọ niên

1931

Thập nhứt ngoạt đại

JANVIER

13	5	Lễ đặt Tên Đức Chúa Giê-su.	1
14	6	ông thánh Ba-xi-li-ô.	2
15	7	Bà thánh Giê-nô-vê-pha, đồng trinh.	3
16		Chúa-nhựt — Lễ kính Tên Đức Chúa Giê-su.	4
17	2	Bà thánh Ê-mi-li-a-na.	5
18	3	Lễ Ba Vua đi tìm Đức Chúa Giêsu mà thờ lạy.	6
19	4	ông thánh Ca-lê-ô.	7
20	5	ông thánh Lu-xi-a-nô.	8
21	6	ông thánh Giu-li-a-nô.	9
22	7	ông thánh Giu-li-en-mô.	10
23		Chúa-nhựt — Lễ kính Gia thất Đức Chúa Giê-su.	11
24	2	ông thánh Bê-nê-đi-tô.	12
25	3	Bà thánh Vê-rô-ni-ca.	13
26	4	ông thánh Hi-la-ri-ô.	14
27	5	ông thánh Phao-lô tu hành đầu hết.	15
28	6	ông thánh Ma-xê-lê, tử đạo.	16
29	7	ông thánh An-tôn lập dòng tu hành.	17
30		Chúa-nhựt — Lễ kính toà ô. th. Phêrô ở thành Rôma.	18

Thập nhị ngoạt tiểu

1	2	ông thánh Ma-ri-ô cùng các bạn tử đạo.	19
2	3	ông thánh Pha-bi-a-nô, tử đạo.	20
3	4	Bà thánh A-nê, đồng trinh.	21
4	5	ông thánh Vinh-sen-tê, tử đạo.	22
5	6	ông thánh Ra-y-môn-đô đệ Ben-na-pho.	23
6	7	ông thánh Ti-mô-thê-ô, giám-mục, tử đạo.	24
7		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Phao-lô trở lại đạo Chúa.	25
8	2	ông thánh Bô-li-ca-bô, giám-mục tử đạo.	26
9	3	ông thánh Gioan Kim-khẩu, giám-mục, tấn-sĩ.	27
10	4	Bà thánh A-nê.	28
11	5	ông thánh Phan-xi-cô Xa-lê-di-ô, tấn sĩ.	29
12	6	Bà thánh Ma-ti-na.	30
13	7	ông thánh Phêrô Nô-la-cô, tu hành.	31

1891

Tích hạnh Đức Không-tử.

Năm 551 trước giáng sinh, ở nước Lỗ, rày là một phần tỉnh Sơn-dông bên Trung-quốc, quan võ kia sinh hạ đặng con trai có ngày danh tiếng lẫy lừng khắp cả miền Viễn-dông này. Trai ấy sớm mồ côi cha, song mẹ goá quyết cho theo gót thầy học hành kinh sử; không qua mấy tháng mà đã lướt thắng bạn học, văn hay lý suốt đã rồi, lại lễ lệ thông minh, lễ nhạc chí thú. Trai ấy sau này cả mấy triệu con người bên Trung-quốc từ dân đến, chí Thiên-tử đều xưng là Thầy, là Thần trên trời sai xuống, trai ấy là Đức-Không-phu-tử. Vừa đến tuổi trưởng thành, vào làm tôi ông chư hầu nước Lỗ, trước làm quan coi kho nhà-nước, đến 50 tuổi bổ lên tổng đốc, cách một năm thăng lên làm đầu bộ Hình trong cả quận; qua ba năm lãnh chức thượng thư tùy. Bởi tính hạnh không hay tây vị, một mực công bình liêm chính, nên đời người làm quan, nước Lỗ được sum vầy sung túc Song rủi thay, vì ông chư hầu ham mê theo tính xấu, bụng tai không muốn nghe lời tôi trung thẩn khuyển dụ, nên Đức Không-tử từ chức quan, một mình với mấy môn đồ trung tín 13 năm tròn những đi nước này qua nước nọ, khuyên các vua chúa bắt chước gương lành các đấng hiền thánh thuở xưa, đề trời ban cho nhà nước tấn bộ văn minh. Đến 67 tuổi mới dời gót về quê quán, bèn tra tay thảo góp làm ba quyển sách các lễ lệ, sách sử, văn thơ thánh hiền đời xưa đã chép, mà thầy Không-tử lấy làm vừa ý; chính tay người có chép thẻ chú sách bói thuật, lại dấu sức lực đã mòn, người còn gắng dọn pho sử nước Lỗ. Song rủi trong sách ấy có pha nhiều đều không ám hợp với luân lý, như vẽ với những cách giầu giếm làm thói, những cách giả hình bói bác, những nỗi vu oan. Đến năm 479 trước Chúa giáng sinh, thầy Không-tử mất, được 73 tuổi. Các lời người truyền dạy thì các môn đệ đã lật lượm thành sách, lại có công thẻ chú cho hậu lai được rõ ý này mình.

Bởi đó mà có nhiều thầy nổi tiếng thông minh, sử còn bia danh cho đến rày, như thầy Tăng-tử, như chính cháu nội thầy Không-tử, là thầy Tử-ur, đã có công dọn pho sách Đại-học và Trung-dụng; thầy Mạnh-tử dẫu sinh hạ hơn 100 năm sau thầy Không-tử, song đề tiếng trọng chẳng kém gì thầy Tăng-tử và Tử-ur. Đến đời thứ 12 sau Chúa giáng sinh có thầy Châu-bì xưng mình về phái thầy Không-tử, song đối ý nghĩa lời quan thầy mình.

Pierre Thục.

FEVRIER

14	Chúa-nhứt bảy mươi.	1
15	2 Đức Bà đem Đ. C. G. vào đền thánh.	2
16	3 ô. th. Bơ-la-xi-ô, giám mục, tử đạo.	3
17	4 ông thánh An-rê Cô-xi-nô, giám mục.	4
18	5 Bà thánh A-ga-ta, đồng trinh, tử đạo.	5
19	6 ông thánh Ti-tô, giám mục.	6
20	7 ông thánh Rô-mu-an-đô, cai dòng.	7
21	Chúa-nhứt sáu mươi.	8
22	2 ông thánh Xi-ri-lô, giám mục.	9
23	3 Bà thánh Xi-cô-la-ti-ca, đồng trinh.	10
24	4 Đức Bà hiện ra tại Lộ-đức.	11
25	5 Bảy đấng lập dòng tôi tôi tá Đức Bà.	12
26	6 ông thánh Bê-ni-nhơ.	13
27	7 ông thánh Va-len-ti-nô.	14
28	Chúa-nhứt năm mươi.	15
29	2 ông thánh Ô-nê-di-mô.	16

Tân vị niên

Chánh ngọt đại

1	3 Minh niên. Lễ ô. thánh Thê-ô-đu-lê.	17
2	4 Lễ tro. Đầu mùa Chay cả. <i>Kiêng thịt.</i>	18
3	5 ông thánh Công-ra-đê.	19
4	6 ông thánh O-kê-rô. <i>Chay lòng.</i>	20
5	7 ông thánh Phô-tu-na.	21
6	Chúa-nhứt thứ nhứt mùa Chay cả.	22
7	2 ông thánh Phê-rô Đa-mi-a-nô.	23
8	3 ông thánh Mát-thi-a, tông-đồ.	24
9	4 ông thánh Xê-da-rê. <i>Kiêng thịt.</i>	25
10	5 ông thánh Nê-tô-rê,	26
11	6 ông thánh Lê-an-đơ-rê. <i>Chay lòng.</i>	27
12	7 ông thánh Rô-ma-nô.	28

Nghĩa chữ Thiện là gì. ?

Nhiều người, bụng-dạ rất nhân-từ, nhưng xử thế chấp-nệ quá, phía nào cũng muốn cho được lòng, cuối cùng lại chẳng được lòng ai, rồi mình lại cứ ôm lấy mình mà than-van.

Hôm nọ, có một vị quan cai-trị kia cùng tôi nói chuyện mà rằng « Ôi phiền quá ! Khi đêm tôi có bắt được một đám đánh-bạc. Bắt xong, đưa thì kêu : quan ác ; thả thì trách : quan hay thò-mò ; đưa thì lạy-lục ; thả thì năn-nỉ. Chúng nó làm âm cả nhà, điếc cả tai ! Ghét mặt, sáng dậy tôi liền sai... thả chúng nó đi hết ! »

Vị quan cai-trị ấy, nếu có đọc Luận-ngữ, nếu có biết câu-chuyện của Đức Khổng-tử và thầy Tử-cống, chắc khỏi làm phải sự quái-gở ấy.

Thầy Tử-cống hỏi Đức Khổng-tử rằng : « Người trong làng đều thương cả thời sao ? »

Đức Khổng-tử trả lời rằng : « Không được. »

Thầy Tử-cống lại hỏi : « Thế nếu người trong làng đều ghét cả thời sao ? »

Đức Khổng-tử lại trả lời : « Cũng không được. Phải : những kẻ lành trong làng thương, những kẻ ác trong làng ghét, mới được. »



Chữa mặt trăng.

Bên Tàu người ta có thuật chuyện lão Cheu cứu mặt trăng nghe cầm cười không dặng.

Cheu thật người kiên tâm chí khí anh hùng.

Buổi chiều nọ chủ nhà sai va đi múc nước. Cheu đi và đang khum lưng múc nước thấy bóng trăng dưới giếng. Chững va mới nghĩ rằng : « Ôi thôi ! Mặt trăng rớt xuống giếng rồi ». Cheu cứ việc rán múc nước cứu mặt trăng một hồi lâu. Bỗng chốc một mẻ té ngựa thở ã le lưỡi, trực ngó lên thấy mặt trăng. Cheu mới nói rằng : « Ôi ! Mệt thiệt quá sức, nhưng mà tôi đã cứu được rồi. »

Đâu đó cũng hiếm chi người như Cheu này. Nhiều người lấy sự giả làm làm chắc thật ; dầu thiên hạ cười chê cũng chẳng xem sao, cứ theo tính kiêu căng, nói mình là phải.

MARS

13	Chúa-nhựt thứ 2 mùa Chay cả.	1
14	2 ông thánh Xim-li-xê.	2
15	3 Bà thánh Cu-nê-gông-đa.	3
16	4 ông thánh Ca-xi-mi-rô. <i>Kiêng thịt.</i>	4
17	5 ông thánh A-đơ-ri-a-nô.	5
18	6 Bà th. Phê-li-xi-ta-tê, tử đạo. <i>Chay lòng.</i>	6
19	7 ông thánh Tô-ma, tấn sĩ.	7
20	Chúa-nhựt thứ 3 mùa Chay cả.	8
21	2 Bà thánh Phan-xi-ca.	9
22	3 Kính 40 đấng tử vì đạo.	10
23	4 ông thánh Phi-mi-nô. <i>Kiêng thịt.</i>	11
24	5 ông thánh Ghê-gô-ri-ô, giáo tông.	12
25	6 ông thánh Rô-đi-gê. <i>Chay lòng.</i>	13
26	7 Bà thánh Ma-tin-đê.	14
27	Chúa-nhựt thứ 4 mùa Chay cả.	15
28	2 ông thánh A-ba-ra-ham,	16
29	3 ông thánh Pha-tê-ri-ô, giám mục.	17
30	4 ông thánh Cy-ri-lô, giám mục. <i>Kiêng thịt.</i>	18

Nhị nguyệt đại

1	5 ông thánh Giu-se, bạn Đức Bà.	19
2	6 ông thánh Gio-a-kim. <i>Chay lòng.</i>	20
3	7 ông thánh Bê-nê-đi-tô, cai dòng.	21
4	Chúa-nhựt Sự Thương khó Đức Chúa Giê-su.	22
5	2 ông thánh Phi-đê-lê.	23
6	3 Tổng lãnh thiên thần Ga-bi-ri-e.	24
7	4 Đức Bà chịu truyền tin. <i>Kiêng thịt.</i>	25
8	5 ông thánh Em-ma-nu-ê-lê.	26
9	6 Bảy sự Thương khó Đức Bà. <i>Chay lòng.</i>	27
10	7 ông thánh Gioan Ca-bi-tra-nô.	28
11	Chúa-nhựt Lễ Lá.	29
12	2 ông thánh Ba-tô-rê.	30
13	2 ông thánh Ben-gia-minh.	31

Vinh Tết

Đông cũ qua xuân mới lại sang,
Hoa xuân sắc trắng, nhụy màu vàng,
Én bay phất phới trên sườn núi,
Oanh liệng ngược xui trước cửa hang.



Oanh liệng ngược xuôi trước cửa hang,
Tân xuân sắc-sở đoá thiếu quang,
Kính mừng xuân nhật nay vừa tới,
Bái chúc minh niên đầy đã sang.

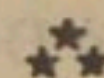


Bái chúc minh niên đầy đã sang,
Thiếu quang thịnh tiến thấy vinh vang,
Khẩn cầu bách thọ giai linh ứng,
Nguyện vọng khương ninh ước vững-vàng.

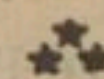


Hựu thơ.

Mừng xuân oanh én liệng non đoài,
Sắc trắng hoa xuân quyết chẳng phai,
Ngào-ngạt hương lan xông trước án,
Trắng hồng tươi tốt giải hiên ngoài.



Hồng trắng xinh tươi giải cảnh ngoài,
Hoa mân, hoa quế với hoa nhài (lài)
Hương thơm bát-ngát bay muôn dặm.
Ong bướm vui xuân hút nhụy mai.



Ong bướm dập dìu hưởng nhụy mai.
Tươi màu hoa nở bởi quyền ai?
Tạo thành vạn vật do tay Chúa.
Điều đó rành rành hẳn chẳng sai.

J. M. Huy-Hường.

AVRIL

14	4	ông thánh Hu-ghe. <i>Kiên cố thệ.</i>	1
15	5	Lễ truyền phép Thánh Thê.	2
16	6	Ngày Chúa chịu nạn. Lễ hôn chơ. <i>Chay lòng.</i>	3
17	7	Lễ thánh thủy.	4
18		Chúa-nhựt — Lễ Phục sinh.	5
19	2	ông thánh Bơ-ru-đen-tê.	6
20	3	ông thánh E-dê-xi-phô.	7
21	4	ông thánh An-be-rô-tô.	8
22	5	Bà thánh Ma-ri-a ở Ê-giêp-tô.	9
23	6	ông thánh Phun-be-rê-tô.	10
24	7	ông thánh Lê-ô cả	11
25		Chúa-nhựt thứ 1 sau lễ Phục sinh.	12
26	2	ông thánh Ê-mê-ni-gin-đô.	13
27	3	ông thánh Giu-ti-nô.	14
28	4	Bà thánh A-na-ta-xi-a.	15
29	5	ông thánh Phơ-ruc-tu-ê.	16
30	6	ông thánh A-ni-xê-tô.	17

Tam nguyệt tiểu

1	7	ông thánh Be-rô-phê-tô.	18
2		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh E-phê-gi-ô.	19
3	2	ông thánh Thê-ô-đô-rô.	20
4	3	ông thánh An-xê-mô.	21
5	4	ông thánh Giu-se, bốn mạng cả Hội-thánh.	22
6	5	ông thánh Giê-o-gi-ô.	23
7	6	ông thánh Phi-đê-lê.	24
8	7	ông thánh Mat-cô, thánh sử.	25
9		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Ma-xem-li-nô.	26
10	2	ông thánh Phê-rô Ca-ni-xi-ô.	27
11	3	ông thánh Phao-lô thánh Giá.	28
12	4	ông thánh Phê-rô, tử đạo.	29
13	5	Bà thánh Ca-la-ri-na, đồng trinh.	30

Tự-do-lý-tưởng

Ông xưng rằng ông là người tự do-lý-tưởng, muốn tưởng nghĩ làm sao mặc thích. Mà quả thật ông có được tự do mà tưởng như ý làm vậy chẳng ? Tôi xin hỏi thử :

Ông có được tự do mà tưởng 2 với 2 thành 5 chẳng ?

Ông có được tự do mà tưởng vua Gia-long và Đức thầy Phêrô không có chẳng ?

Ông có được tự do mà tưởng kinh đô Paris và cửa Hong-kong là sự người ta bày đặt chẳng ?

Quả thật ông không được sự tự do lý tưởng trong :

PHÉP TOÁN,

SỬ KÝ,

PHÉP ĐO,

ĐỊA DƯ, vân vân.

Bất quá ông được tự do lý tưởng trong sự đạo là cùng.

Con ruồi.

Loại ruồi sinh sản nhiều quá kể chẳng xiết. Thầy Howard xét đi nghiệm lại, thì tính một con ruồi mỗi lần đẻ 4 đùm trứng, mà mỗi đùm 120 trứng, chừng 10 ngày đã nở con, nửa đực nửa cái. Như vậy tưởng một con ruồi cái 6 tháng ruồi đẻ tới năm ngàn sáu trăm triệu con ! Nền một dòng họ con ruồi cứ sắp nối đuôi từng con, thì dài cũng bằng từ trái đất lên tới mặt trăng 15 lần.

Con ruồi dơ nhớp hay đập đập đậu chỗ nhớp nhúa, rồi bay cùng gập đầu bá đó, nhứt là trên đồ ăn, rui ăn nhắm nó, ắt phải mửa liền, nó hay sinh bệnh nên phải giữ thể.

Đó cũng là chưa đáng gớm bao lắm ; có một sự nầy là ta không canh giữ để các giống nết xấu lén vào lòng ta và chầm rế sâu trong linh hồn, mà ta chẳng lo nhờ cho tuyệt gốc mới thật là đáng gớm mà chớ.

Vậy hằng giây hằng phút ta phải dùng mọi phương thế đập phá nó cho dứt, kéo ngày sau phải khôn đời đời.

MAI

14	6	ô. th. Phi-lip-phê và ô. th. Gia-cô-bê.	1
15	7	ông thánh A-tha-na-xi-ô giám mục tấn sĩ.	2
16		Chúa-nhứt — Lễ tìm đặng rất thánh Giá Đ. C. Giê-su.	3
17	2	Bà thánh Mô-ni-ca goá.	4
18	3	ông thánh Phi-ô, giáo tông.	5
19	4	ông th. Gioan chịu vạc dầu sôi.	6
20	5	ông thánh Xi-ta-ni-la-ô.	7
21	6	Tổng lãnh thiên thần Mi-ca-e hiện ra.	8
22	7	ông thánh. Ghê-gô-ri-ô, giám mục tấn sĩ.	9
23		Chúa-nhứt — Lễ ông th. An-tô-ni-nô, giám mục.	10
24	2	ông thánh Ma-mê-rô-tô.	11
25	3	ông thánh Nê-rê-ô.	12
26	4	ông thánh Gioan thủ khâu.	13
27	5	Lễ Đức Chúa Giê-su thăng thiên.	14
28	6	ông thánh Gioan đệ La-xan lập dòng.	15
29	7	ông thánh U-ban-đô.	16

Tứ nguyệt đại

1		Chúa-nhứt — Lễ ông thánh Bac-ca-lê tu hành.	17
2	2	ông thánh Vê-nan-xi-ô.	18
3	3	ông thánh Phê-rô Xê-lê-ti-nô, giáo tông.	19
4	4	ông thánh Bê-na-đi-nô đệ Xi-en-na.	20
5	5	ông thánh Ô-phi-xê.	21
6	6	ông thánh Ê-mi-li-ô.	22
7	7	ông thánh Đi-đi-ê.	23
8		Chúa-nhứt — Lễ Đức Chúa Thánh Thần hiện xuống.	24
9	2	ông thánh U-rô-ba-nô.	25
10	3	ông thánh Phi-lip-phê Nê-ri-ô, tu hành.	26
11	4	ông thánh Bê-đa, tấn sĩ.	27
12	5	ông thánh Au-gu-ti-nô, giám mục.	28
13	6	Bà thánh Ma-ri-a đệ Ba-dê.	29
14	7	ông thánh Phê-đi-nan-đô.	30
15		Chúa-nhứt — Lễ Đức Chúa Trời ba ngôi.	31

Đều nên biết

Đèn dầu.

Mới bày được cách làm cho ít hao dầu và lại khỏi khói bay đen nhà dơ cửa.

Lấy muối nấu cho tan ra nước và lọc nước ấy cho sạch ; đoạn bỏ tim lông vô, rồi vớt ra phơi khô. Dùng tim này mà thắp thì sáng lắm, lại không khói nữa.

Còn dầu thì pha lộn nửa dầu nửa nước muối đã lọc ấy, và đánh nhau một hồi lâu, rồi nghỉ cho đến khi dầu ấy lỏng nổi lên trên mặt cho hết ; đoạn gạn dầu ấy ra. Dầu này thắp chắc được lâu hơn dầu thường bội phần.

— Muốn thắp đèn ít tốn bớt hao dầu thì cũng dễ : Hễ mỗi lần rót dầu vào đèn, thì cứ mỗi chai dầu thêm vô một muổng muối cho đầy, rồi rót vô đèn. Có nhiều người lại dùng long não thay vì muối.

Khỏi cháy.

Người ta thường có thói quen tối tối thắp đèn chong cho sáng trong nhà trong cửa, soi giường bắt rệp ; lại quen hút thuốc liệng tàn, quăng diêm bỏ quẹt nơi nọ xó kia ; nhiều khi bởi vô ý mà bị cháy những máng tạ, màn vải treo trong nhà, có khi cháy luôn cả nhà đi nữa.

Vậy muốn cho màn vải treo trong nhà khi rủi ro làm vậy mà khỏi cháy thì khi giặt khi hồ nó, phải lấy 30 grammes phèn chua mà pha vào nước giặt, hoặc nước hồ cũng đặng.

Khỏi hư.

Mùa nóng nực lúc sấm sét làm sao để thịt được lâu mà không hư ? — Muốn khỏi hư thì phải làm thế này : lấy than cây tán nhỏ rất bao bốn phía miếng thịt ; rồi muốn đem đi đâu xa hoặc để giành lâu cũng không hư chi cả. Khi nấu nó, thì lấy nước lạnh mà xối rửa cho sạch than ấy.

Ống bằng cao-su khỏi hư.

Muốn cho ống bằng cao-su khỏi hư, phải lấy nước nóng rửa cho sạch, và lấy miếng bông vắn vào cộng thép, chấm chút thí nước glycerine, lau trong ngoài cho kỹ. Cách một ngày làm một lần nữa. Lại một năm cứ như vậy ba bốn kỳ, thì ống khỏi hư nát.

16	2	ông thánh Bam-phi-lê.	1
17	3	ông thánh Ma-xê-li-nô.	2
18	4	Bà thánh Cô-lô-tin-đê goá.	3
19	5	Lễ Minh thánh Đức Chúa Giê-su.	4
20	6	ông thánh Bô-ni-pha-xi-ô.	5
21	7	ông thánh No-be-rô-tô, giám mục.	6
22		Chúa-nhựt — Mừng lễ Minh thánh Chúa.	7
23	2	ông thánh Mê-đa.	8
24	3	Bà thánh Bê-la-di.	9
25	4	Bà thánh Ma-ga-ri-ta.	10
26	5	ông thánh Ba-na-bê, tông đồ.	11
27	6	Lễ Rất thánh Trái-tim Đức Chúa Giêsu.	12
28	7	ông thánh An-tôn đệ Ba-đu-a.	13
29		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Ba-di-li-ô.	14
30	2	ông thánh Vi-tô và ông thánh Mô-đê-tô.	15

Ngũ nguyệt tiểu

1	3	ông thánh Phan-xi-cô Rê-di.	16
2	4	ông thánh A-vi-tô. Gia-Long kỷ niệm.	17
3	5	ông thánh Ê-phê-rem, tấn sĩ.	18
4	6	Bà thánh Giu-li-a-na.	19
5	7	ông thánh Xin-vê-ri-ô.	20
6		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Lu-y Gong-gia-ga.	21
7	2	ông thánh Phao-li-nô.	22
8	3	ông thánh Giê-nô-ni-ô.	23
9	4	Sinh nhựt ông thánh Gioan-Bao-ti-xi-ta.	24
10	5	ông thánh Giu-li-en-mô.	25
11	6	ông thánh Gioan cùng ông thánh Phao-lô.	26
12	7	ông thánh La-đi-la.	27
13		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh I-rê-nê-ô, giám mục tử đạo.	28
14	2	ông thánh Phê-rô cùng ô. th. Phao-lô tông đồ.	29
15	3	ông thánh Ma-xi-a-lê.	20

Hộp tóc rối,

Ông giáo Huỳnh-Công đang dạy Địa-dư trong lớp, bỗng có một trẻ gõ cửa xin vào, trao cho ông một bì thư nhỏ. Ông xé niêm ra, vừa đọc vừa trợn mắt dửng mảy, vỗ bàn xô ghế.

Thừa ư ông giáo lớp nhì có dịp đi ngang, thấy Huỳnh-Công đang giận dữ, mới hỏi duyên do. Ông múa tay mà rằng : « Cái thằng khốn kíp ! BẠN NGHĨ COI ĐÁNG GIẬN KHÔNG ? BIỀU NÓ ĐEM HỘP « BÍCH-KI » ĐỰNG THUỐC TRÈ CHO ÔNG HUYỀN, NÓ LẠI ĐEM..... ĐÂY BẠN ĐỌC THÌ HẢN... »

Ông giáo nhì tiếp lấy lá thư của quan Huyện, đọc rằng : « Vợ con tôi có đủ tóc mà bới, chẳng cần có tóc mượn, mà ông phải gởi cho tôi một hộp tóc rối... Nhớ lại coi, tôi mượn ông mua thuốc trà để hút ống điếu bình, thì phải... »

Phiền bạn coi chừng giùm lớp, tôi về nhà bẻ cổ thằng khốn ở với tôi mới ưng dạ... »

Ông lấy nón ra đi như luồng đông, trận bão...



Về gần đến nhà, hơi giận tràng hồng. Nghĩ tới lại thẹn thăm cùng quan huyện. Ông Huỳnh-Công tưởng cho kẻ qua người lại, thấy nhìn ngó ông và cười chê ông « làm lếu », nên chi ông quyết về ăn gan thẳng tới nhà cho đã giận.

Thật, ông bước vào nhà như cơn trốt, kêu thẳng tới hỏi rằng : « Hộp tóc rối của bà mi dân, đem coi »

Thằng tớ chưa hiểu việc chi, nửa sợ nửa lo, vào lấy hộp « bích-ki » tưởng là đựng tóc rối. Chừng dỡ ra, thấy thuốc trà mới rõ mình đã lầm đem hộp tóc. Nó liền khép nép chấp tay, xá Huỳnh-Công mà rằng : « BẦM ÔNG, TÔI LỖ DẠI, BỞI VÔ Ý MÀ RA, THẬT TÔI HẾT LÒNG LO SỢ, XIN ÔNG DUNG THỨ PHEN ĐẦU, TÔI NGUYỆN CHẴNG HỀ TÁI PHẠM »

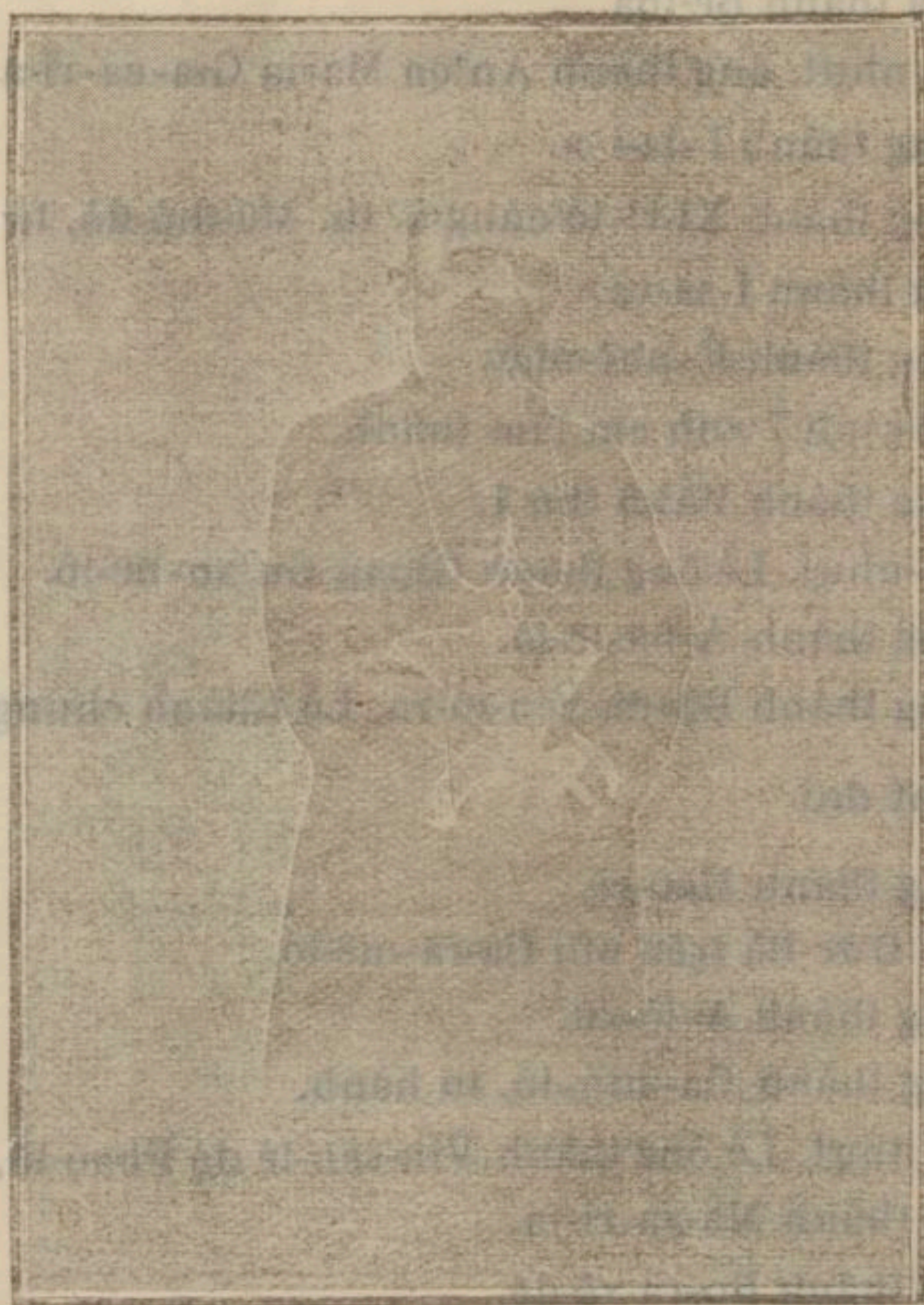
Nghe mấy lời, bao nhiêu nư giận của Huỳnh-Công đều tan bay như sa mù bị nắng, bởi thằng tớ lo buồn, ăn năn lỗi mình đã lầm lỡ. Thấy nó thật thà, chẳng chút chữa mình, thú

JUILLET

16	4	Lễ Kính Máu rất châu báu Đức Chúa Giê-su.	1
17	5	Lễ Đức-Bà đi viếng bà thánh I-sa-ve.	2
18	6	ông thánh Léo thứ II. ông thánh A-na-tô-lê.	3
19	7	Bà thánh Bê-tha.	4
20		Chúa nhật. ông thánh An-ton Maria Gia-ca-ri-a.	5
21	2	ông thánh I-da-i-a.	6
22	3	ông thánh Xi-ri-lô cùng ô. th. Mê-thô-đô, tử đạo.	7
23	4	Bà thánh I-sa-ve.	8
24	5	ông thánh Ê-phê-rem.	9
25	6	Lễ kính 7 anh em làm thánh.	10
26	7	ông thánh Phi-ô thứ I.	11
27		Chúa-nhật. Lễ ông thánh Gioan Gu-an-bê-tô.	12
28	2	ông thánh A-na-lê-tô.	13
29	3	ông thánh Bô-na-ven-tu-ra. Lễ Chánh chung.	14

Lục nguyệt đại.

1	4	ông thánh Hen-ri.	15
2	5	Lễ Đức-Bà trên núi Ca-ra-mê-lô.	16
3	6	ông thánh A-lê-xù.	17
4	7	ông thánh Ca-min-lô, tu hành.	18
5		Chúa nhật Lễ ông thánh Vin-sen-tê đệ Phao-lô.	19
6	2	Bà thánh Ma-ga-ri-ta.	20
7	3	Bà thánh Bơ-ra-xê-dê.	21
8	4	Bà thánh Ma-đa-lê-na thống-hối.	22
9	5	ông thánh A-phô-li-na-rê, giám mục tử đạo.	23
10	6	bà thánh Ki-ri-xi-ta-na.	24
11	7	ông thánh Gia-cô-bê, tông đồ.	25
12		Chúa nhật. Lễ bà thánh An-nà mẹ Đức-Bà.	26
13	2	ông thánh Ban-ta-lê-ô.	27
14	3	ông thánh Na-da-rô và ông thánh Xên-xê.	28
15	4	bà thánh Mat-ta.	29
16	5	ông thánh Ap-đôn cùng ông thánh Sên-nê-nô.	30
17	6	ông thánh I-na-xi-ô, lập dòng tu hành,	31



Đức-cha Au-gu-ti-nô Phú (Mgr Tardieu)

thọ quờn Giám-mục địa-phận Quinhon,

1 MAI 1930.

thật cách đơn sơ chơn chít, thì ông có ý tỏ thăm, lại e thằng tở còn lo sợ, nên ông an ủi rằng : « Chẳng lẽ chi, con đừng lo ngại. Để ông trả lời cho quan huyện thì xong... »

— Đội ơn ông có lòng quảng đại ! Mà có lẽ quan huyện cũng đủ hiểu đó là bởi con làm mà phải. »



Nghĩ cũng lạ ! Hồi đi thì toan vặng hòng bẻ hầu thằng có lỗi, mà khi về lại chạnh lòng thương ! Tại sao vậy ?

Ông hỏi lấy ông, rồi ông trả lời rằng : « Ấu là thằng tở nó thẳng đặng tôi vì ba lẽ này : một là nó xưng thật, hai là nó tỏ lòng ăn năn, ba là dốc lòng chừa cải... Thật ! nó làm cho tôi phải nhịn thua nó...! »

Ông Huỳnh-Công đương suy tới nghĩ lui, đã gần đến học đường, bỗng gặp bạn tri âm là Phan-Ngọc đang kia đi lại, mà gương mặt có sắc âu lo, liền hỏi rằng : « Hiền-hữu đi đâu, mà coi bộ chẳng vui vậy ? »

— Đi xưng tội !

— Ý cha ! Cử-trối hôm nay trốc gốc !

— Thật thế ! nhưng mà nhờ bạn nhà tôi, nên hôm đầu mùa Chay đến nay, tôi đi đọc kinh xem lễ, và nghe giảng thường thường, mới rõ tôi bội bạc cùng Đức Chúa Giêsu thối thậm. Có lẽ Người trách giận tôi chẳng sai !

— Phải ! Chúa thấy hiền-hữu « cứng đầu » có lẽ nào thương được. Nhưng mà hiền-hữu chớ sợ làm chi, vì Đức Chúa Giêsu phải chịu thua hiền-hữu mà chớ !

— Cổ-giáo tưởng chắc vậy chăng ? Cổ-giáo ôi ! ý Chúa muốn cho tôi gặp cổ-giáo giờ này, thì phiên cổ-giáo đưa tôi đến nhà thờ, ở lối gần Toà giải tội, coi chừng giùm tôi có lẽ gì... Cổ-giáo ứng tiếp ...

— Đi thì đi, bắt quá bỏ một buổi dạy !



Đến nhà thờ, Phan-Ngọc vào xưng tội, Huỳnh-Công ngồi dưới ngó chừng và nghĩ thăm rằng :

Phan-Ngọc cũng như thẳng hộp tóc rối : xưng thật, ăn năn, dốc lòng chừa cải... Rồi Chúa làm gì được Phan-Ngọc... Thì cũng tha thứ...

Nghĩ đến vậy, Huỳnh-Công chỉ xiết vui mừng. Khi Phan-Ngọc trong toà trở ra, khí sắc hân hoan khác lạ. Huỳnh-Công phẩn hỏi : « Giam mấy tháng?... Cha nói làm sao ?

— Chúa tha hết các tội lỗi của tôi, tha hết 10 năm bỏ lương, bỏ mấy mùa Phục-sinh cũng tha... tha hết...

— Mà Cha có nói với hiền-hữu vì lẽ nào bạn được sạch tội chẳng ?

— Cha rằng ! Bởi tôi xưng thật, bởi tôi ăn năn thật, dốc lòng chừa thật và quyết tình bồi bổ những năm ương yếu trẻ tràn.

— Phải, Đức Chúa Trời phải đẹp cơn thanh ngộ, phải nhịn thua ta, khi ta có đủ ba tình ấy.

Bởi tôi đã thấy chán chường trong một việc nhỏ mọn, mới hồi nãy đây, đã xảy ra cho thẳng tóc rối của tôi...

— Thẳng tóc rối của cố-giáo ? Nói chi lạ thế ?

— Hiền-hữu chẳng cần hỏi làm chi, song hãy nói lại cho cả thầy nam nhưn phụ nữ biết rằng : chẳng có sự chi dễ cho bằng đi xưng tội mùa Phục-sinh, dầu cho năm 50 năm trong đồng tội đáng sa chốn muôn đời. Là đến cùng Thầy cả, là đáng thay mặt Đức Chúa Giêsu nơi toà Giải tội, mà xưng thật hết các tội lỗi mình, ăn năn tội cho thật, dốc lòng cho thật ; thì Đức Chúa Giêsu phải nhịn thua.

— Xin cố-giáo chớ sợ ; tôi sẽ cao rao cho mọi người đăng biết đều ấy, vì chừng hôm nay tôi có phước vô ngần.

Phan-Ngọc tạ từ Huỳnh-Công ra đi lòng tri nhẹ nhàn, mặt mày hớn hờ.

Còn Huỳnh-Công trở lại học đường và nói một mình rằng : Tôi sẽ chép việc nầy cho những kẻ còn dự dự chưa lo đi xưng tội mùa Phục-sinh đăng rõ.

E. ĐINH-VĂN-SẮT.

	AOÛT
18 7 ông thánh Phê-rô khỏi tù rạc.	1
19 Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Ac-phông-xô đệ Li-gô-ri-ô.	2
20 2 Bà thánh Ly-đi-a.	3
21 3 ông thánh Đô-mi-ni-cô, lập dòng, tu hành.	4
22 4 Lễ Đức Bà xuống tuyết.	5
23 5 Lễ Đức Chúa Giê-su tỏ mình sáng láng.	6
24 6 ông thánh Ca-giê-ta-nô, tu hành.	7
25 7 ông thánh Xy-ri-a-cô.	8
26 Chúa-nhựt — ông thánh Gioan Maria Vi-an-nê, tu hành.	9
27 2 ông thánh Lô-ren-sô, tử đạo.	10
28 3 Bà thánh Xu-dan-na,	11
29 4 Bà thánh Ca-la-ra đồng trinh.	12
30 5 ông thánh Hy-bô-li-tô,	13

Thất nguyệt tiểu

1 6 ông thánh Êu-dê-bi-ô. <i>Kiêng thịt và Chay lòng.</i>	14
2 7 Lễ Đức Bà mộng triệu thăng thiên.	15
3 Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Gio-a-kim, là cha Đức Bà.	16
4 2 ông thánh Hy-a-xin-tô.	17
5 3 Bà thánh Lô-rê.	18
6 4 ông thánh Gioan Au-dê, tu hành.	19
7 5 ông thánh Bê-na-đô tấn sĩ.	20
8 6 Bà thánh Gio-an-na Phan-xi-ca goá.	21
9 7 ông thánh Ti-mô-thê-ô.	22
10 Chúa-nhựt — Lễ ô. th. Phi-lip-phê Bê-ni-xi-ô, tu hành.	23
11 2 ông thánh Ba-tô-lô-mê-ô, tông đồ.	24
12 3 ông thánh Lu-y, vua nước Lang-sa.	25
13 4 ông thánh Giê-phi-ri-nô.	26
14 5 ông thánh Giu-se Ca-la-xan-xi-ô, tu hành.	27
15 6 ông thánh Au-gu-ti-nô, giám mục, tấn sĩ.	28
16 7 ông thánh Gioan Bao-ti-xi-ta chịu chém.	29
17 Chúa-nhựt — Lễ bà thánh Ro-sa, đồng trinh.	30
18 2 ông thánh Ra-y-môn-đô Nô-na-tô.	31

PHƯƠNG NGÔN TẠP CÚ.

- | | |
|---|---|
| — Dưỡng bất giáo phụ chi
quá. (<i>Tam tự kinh</i>) | Nuôi không dạy, ấy lỗi tại
cha. |
| — Vong đàm bĩ hoãn,
Mị thị kỷ tường ;
Tín sử khả phúc,
Khí dục nan lương. (<i>T. 7.
văn</i>) | Chớ nói sự lỗi kẻ khác,
Đừng cậy tài năng mình ;
Đã hứa ra lo làm cho' được,
Độ lượng phải có vô ngần. |
| — Tri sở tiên hậu, tắc cận
đạo hĩ. (<i>Đại-học</i>) | Biết cái gì là trước, cái gì
là sau, thì là gần đạo vậy. |
| — Đạo dã giã, bất khả tu du
lị dã. (<i>Trung-dụng</i>) | Đạo thì dầu một giây phút
cũng chẳng nên lìa. |
| — Quân tử thực vô cầu bảo,
cư vô cầu an. (<i>Luận-ngữ</i>) | Người quân tử ăn chẳng vụ
cho no ; ở chẳng cầu cho yên. |
| — Cường vi thiện như dĩ hĩ.
(<i>Mạnh-tử</i>) | Gắng sức mà làm lành thì
đủ rồi. |
| — Huệ dịch cát, tòng nghịch
hung ảnh hưởng. (<i>Kinh-
thơ</i>) | Ở lành gặp phước, theo dữ
lâm họa, như bóng, như tiếng
đội vậy. |
| — Ngạo bất khả trưởng, dục
bất khả túng, chí bất khả
mãn, lạc bất khả cực. (<i>Lễ-
kỷ</i>) | Tánh kiêu ngạo đừng cho
nó lớn lên, tánh tham lam,
đừng duông quá, ý muốn
đừng cho phỉ, vui đừng vui
cho tột. |
| — Nhứt bộ nhứt cõn. (<i>Tục-
ngữ</i>) | Mỗi bước mỗi lùi. |
| — Nhứt bộ ai nhứt bộ. (<i>Tục-
ngữ</i>) | Bước trước kéo bước sau |

D. HỒ-NGỌC-CẦN.

SEPTEMBRE

19	3	ông thánh Di-lê.	1
20	4	Vua thánh Xi-tê-pha-nô.	2
21	5	ông thánh Man-suy.	3
22	6	Bà thánh Rô-sa-li-a.	4
23	7	ông thánh Lô-ren-ti-nô Giu-ti-ni-a nô.	5
24		Chúa-nhựt — Lễ bà thánh Bê-gi-a.	6
25	2	Bà thánh Rê-nê.	7
26	3	Lễ sinh nhựt Đức Bà.	8
27	4	ông thánh Go-gô-ni-ô.	9
28	5	ông thánh Mi-cô-la-ô đệ Tô-len-ti-nô.	10
29	6	ông thánh Hy-a-xin-tô.	11

Bát ngọat tiểu,

1	7	Lễ kính tên Đức Bà.	12
2		Chúa-nhựt — Lễ ông thánh A-mê-tô.	13
3	2	Lễ kính Rất thánh Giá Đức Chúa Giê-su.	14
4	3	Lễ kính bảy sự Thương khó Đức Bà.	15
5	4	ông thánh Cô-nê-li-ô.	16
6	5	ông thánh Phan-xi-cô chịu năm dấu.	17
7	6	ông thánh Giu-se a Cu-bê-ti-nô, tu hành.	18
8	7	ông thánh Gia-nu-a-ri-ô và các bạn tử đạo.	19
9		Chúa-nhựt — ông thánh Êu-ta-ki-ô và các bạn tử đạo.	20
10	2	ông thánh Mat-thê-ô, tông đồ.	21
11	3	ông thánh Mô-ri-xi-ô.	22
12	4	ông thánh Li-nô	23
13	5	Lễ Đức Bà chuộc kẻ phải làm tội.	24
14	6	ông thánh Phi-mi-nô.	25
15	7	Kính đấng chơn phước Im-bê-tô, tử đạo.	26
16		Chúa-nhựt — Hai th. Cô-xi-mô và Đa-mi-ê-nô, tử đạo.	27
17	2	ông thánh Ven-xê-la-ô.	28
18	3	Tổng lãnh thiên thần Mi-ca-e.	29
19	4	ông thánh Hi-ê-rô-ni-mô, tấn sĩ.	30

Chuyện của Chú Từ Đốt

Tôi tự hậu không thêm giận ai nữa ! Mệt trí, mệt xác lắm ! Tánh tôi thì hay hờn mát, hay bắt lỗi bắt phép, hay chịu theo ý riêng tôi mà thôi, nên cả năm cứ giận người này hờn người kia. — Cuối năm, gần ăn Tết, nên tôi xét mình lại, nghĩ lại mà tức mình. Người ta nói thật là trúng : « *Giận lấy sâu cùi !* »

Đây, tôi giận tên kia ; tôi ghét nó lắm, muốn phân thầy nó ra mà phôi khô đem bán cho Chệc : muốn bằm nó ra mà làm mắm hay là nem, song không dám, vì sợ đi Cồn-nôn hay là chết chém, uổng mạng.

Thấy cái mặt nó thì phát nổi gan, mà làm gì nó không dặng. Tránh nó chừng nào, lại gặp nó chừng nấy. Đi đám nào cũng thấy nó, phát phùng phùng như nước sôi..... Nghĩ lại chuyện gì mà đại dương ấy, giận chúng làm chi cho thêm cực thêm mệt cho mình ! ...

Lại bõ lòng bẽ mặt nó, nên đi xưng tội chịu lẽ không được, vì dõc lòng chưa không đành... rồi chết thình lình, coi hại cho ai ? Cho chúng hay là cho tôi...? Mà phải người tôi giận như vậy lo lắng chi tới sự tôi giận nó, mà rầu rĩ bỏ ăn bỏ uống gì, còn mặt cái tấm lòng tôi chút, còn phỉ tính tôi chút ! Không dẫu ! Coi bộ nó không thêm sá kể gì đến hết. Lại nếu nó gặp dịp thì đâm tiểu tôi, kiếm chước mà làm hại tôi nữa. Té ra tôi phải mệt lỗ tai, cực lòng thêm, và phải giữ mình trong sự chúng oán rừu...

Tức mình, đi kiếm người này người kia mà đòi chối. Ai ngồi mà nghe tôi phân bua, thì tôi mắng rở, rần mà cắt nghĩa cho rõ ràng như là thưa kiện với quan Toà vậy. Thôi, thất công chẳng, mà khi làm cho người ngồi nghe tôi thêm ghét tôi nữa, vì tôi làm mất ngày giờ người ta.....

Nghĩ lại cho cùng, thì sự giận hờn là hại cho mình mà thôi ; chớ không nưu ích gì hết.

Xét vậy mà nhớ mấy bài giảng của Cha sở : « Ta phải tha lỗi cho kẻ khác » — « Ta chớ đoán xét ai, thì ngày sau khỏi bị Chúa đoán xét ta... Ta hãy quên, hãy bỏ qua những việc quấy kẻ khác làm cho ta, thì sau Chúa sẽ bỏ qua sự ta đã làm lỗi cùng Người. » Tương tự như vậy mà là hay hơn. Trước là dẹp ý Chúa, sau ta được : « *Mạnh hơn khoẻ xác* »

20	5	ông thánh Rê-mi-gi-ô, giám mục.	1
21	6	Các thiên thần giữ mình người ta.	2
22	7	Bà thánh Tê-rê-xa bửu hiệu Giê-su Hải-đồng.	3
23		Chúa-nhứt — Lễ ông thánh Phan-xi-cô khó khăn.	4
24	2	ông thánh Bê-la-xi-đô.	5
25	3	ông thánh Bê-ru-nô, lập dòng.	6
26	4	Lễ Đức Bà Mối-khôi.	7
27	5	Bà thánh Bi-ri-gi-ta goá.	8
28	6	ông thánh Đê-ô-ni-di-ô.	9
29	7	ông thánh Phan-xi-cô Bô-rô-gi-a.	10

Cửu nguyệt đại.

1		Chúa-nhứt — Lễ ông thánh Ni-kê-gi-ô.	11
2	2	ông thánh Vin-phi-ri-ô.	12
3	3	ông thánh Ê-đu-a-rô-đô.	13
4	4	ông thánh Ca-li-xi-tô, giáo tông, tử đạo.	14
5	5	Bà thánh Tê-rê-xa, đồng trinh, lập dòng.	15
6	6	Bà thánh Hê-vi-gia.	16
7	7	Bà thánh Magarita Ma-ri-a.	17
8		Chúa-nhứt — Lễ ông thánh Lu-ca, thánh sử.	18
9	2	ông thánh Phê-rô đệ A-can-ta-ra.	19
10	3	ông thánh Gioan Can-xi-ô, tu hành.	20
11	4	Bà thánh U-xa-la.	21
12	5	ông thánh Mat-cô.	22
13	6	ông thánh Xê-vê-ri-nô.	23
14	7	Tổng lãnh Thiên thần Ra-pha-e.	24
15		Chúa-nhứt — Lễ Đức Chúa Giê-su là Vua.	25
16	2	ông thánh Ê-va-ri-tô.	26
17	3	Bà thánh Va-len-ti-na.	27
18	4	ông thánh Xi-mong. ông thánh Giu-đa.	28
19	5	ông thánh Na-xi-xa.	29
20	6	ông thánh Lu-ca-nô.	30
21	7	Bà thánh Lu-xi-la.	31

Nhàn đàm.

Thầy thuốc nọ tình cờ ngó ra ngõ, thấy người ta kẻ bung quả, người xách gà ; bèn hỏi thằng nhỏ trong nhà : Con, con, dọn cái bàn xây, bung ghế...

Vào lấy áo mặc tử tế xây ra coi, thấy họ đã xây lưng] đi ngõ khác.

Té ra ba bốn cái xây, mà cái nào cũng hỏng !



Hai người Giudêu allemands kia, một anh tên là Lévy, còn một anh tên là Bloum, cả hai đi dự tiệc tối nhà giàu có kia.

Anh Bloum thấy trên bàn có 2 nửa bằng bạc tốt quá, va ãa bỏ bụng mới nói nhỏ với Lévy rằng :

— Hề anh ! Tôi có 2 cái nửa đây nể !

Lévy — Úy ngộ ! Anh được 2 cái nửa quý quá chừng !

Bloum — Đề tôi lén bỏ một cái vô bị áo cho rồi.

Lévy — Ừ ! anh có bỏ được vô túi cũng càng phước.

Cả bữa ăn anh Lévy tiếc đồ khác dạng mà gấp dỡ, và kiểm không ra, thì đứng dậy trở cách liền xáo rằng :

Chường quý khách, đề tôi làm phép thuật lạ nầy chơi mà coi ! Hề ! coi cái nửa đây, đề tôi bỏ bị áo của tôi ; tôi đếm : một ! hai ! nó liền qua bị áo anh Bloum nầy.

Vừa dứt lời anh Lévy và cời nút áo anh Bloum và nói : ớ anh Bloum, trật áo cho ai nấy coi.

Bloum cực chẳng đã phải trật áo ra, và phải trả nửa lại, mà hồ thắm, bị mưu anh Lévy.

Chừng cả hai ra về, dọc đường tên Lévy rằng : Anh không xảo quyết cho mấy : lén lấy nửa mà chẳng biết giữ, phần tôi lấy trước mặt họ mà còn nửa đây !



Người kia ngồi ăn trứng gà lộn nhậu rượu : hể lột một cái lúm rồi nhai vài lá rau sống, chấp chấp nuốt, đoạn núc một chén phì phà coi ãa rất ngon. Thằng con thấy vậy thêm, bèn lại đứng gần nói dèm : trứng gà lộn ăn vậy ngon lắm cha hể ?

— Ngon thiệt con, song con còn nhỏ chưa nên ăn, vì nhỏ ăn trứng gà lộn thì độn trí, học kinh học thiên không thuộc, học chữ nghĩa không thông.

— Vậy thuở nhỏ cha đã ăn nhiều trứng gà lộn lắm sao ?

— Hả, hả, hả ! Phải nên rày cha mới chịu dốt ! !

NOVEMBRE

22	Chúa-nhựt — Lễ các thánh Nam-nữ.	1
23	2 Lễ cầu cho các Đấng linh hồn.	2
24	3 ông thánh Hu-bê-tô.	3
25	4 ông thánh Ca-rô-lô, giám mục.	4
26	5 Bà thánh Be-rơ-tin-đê.	5
27	6 ông thánh Lê-ô-na-đô.	6
28	7 Làm phép đèn thờ Hội giảng đạo.	7
29	Chúa-nhựt — Lễ ông thánh Gô-đê-rô-a.	8
30	2 Làm phép đèn thờ Chúa Cứu-thế.	9
Thập nguyệt tiếu.		
1	3 ông thánh An-rê A-vê-li-nô, tu hành.	10
2	4 ông thánh Mat-ti-nô, giám mục. Lễ đình chiến.	11
3	5 ông thánh Rê-nê.	12
4	6 ông thánh Đa-xê.	13
5	7 ông thánh Gio-gia-phát, giám mục tử đạo.	14
6	Chúa-nhựt — Lễ Bà thánh Giê-tu-đê, đồng trinh.	15
7	2 ông thánh Ê-môn-đô.	16
8	3 ông thánh Giê-gô-ri-ô.	17
9	4 ông thánh Ô-đô-ni-ô.	18
10	5 Bà thánh I-sa-ve-hoàng hậu.	19
11	6 ông thánh Phê-li-xê, tu hành.	20
12	7 Đức Bà phú mình vào đền thánh.	21
13	Chúa-nhựt — Lễ Bà th. Xê-xi-li-a, đồng trinh, tử đạo.	22
14	2 ông thánh Cơ-lê-mên-tê.	23
15	3 Chơn phước Gioan Gabirie cùng các bạn tử đạo.	24
16	4 Bà thánh Ca-ta-ri-na, đồng trinh, tử đạo.	25
17	5 ông thánh Xi-li-vê-tê, cai dòng.	26
18	6 Bà thánh Ô-đê-ta.	27
19	7 Bà thánh Xô-tê-nê.	28
20	Chúa-nhựt thứ nhứt mùa Ấp-ven-tô.	29
21	2 ông thánh An-rê tông đồ.	30

Nguyệt thực ở xứ Lào.

Một bữa kia độ mười giờ khuya ở Vientiane thành lịnh nghe tiếng rầm rĩ : nào là cồng, mõ, chiêng, trống lộn với tiếng pháo tiếng súng cùng là tiếng gươm hét ồn ào, kẻ chạy, người đi, rộn khắp mọi nơi ; làm cho ai nấy phải một bữa thất đảm, hồn kinh. Hỏi ra mới biết là dân Lào hưng binh để đánh giặc với yêu quái đã hiện tới thực nuốt trộm cái mặt trăng đẹp đẽ kia ở trên trời.

Lần này dân Lào đã phải một trận đại chiến kiệt lực vì là con ác long năm nay lớn lắm, nên nó đã nuốt mất cả mặt trăng đi hơn mấy giờ đồng hồ. May nhờ ơn trời đất giúp đỡ và linh thần trị chiến giữ lăm, nên nó mới thua mới chịu nhả mặt trăng ra, không thì chúng ta đã mất trăng thanh soi sáng ban đêm, thì uổng biết chừng nào ! Chúng ta hãy cảm ơn dân Lào... !

Chuyện nghe nói thiệt kì, nhưng xưa nay vốn có vậy ; các dân tộc mọi rợ vốn có cái tin dị đoan rằng : yêu quái là kẻ nghịch thù của loài người, nên chúng nó hằng theo ta mà nhiều hại luôn cả hồn cả xác ; đến đổi có một mặt trăng mà chúng nó cứ tính nuốt trộm hoài. Vậy nên dân Lào và nhiều dân tộc Mọi rợ khác mới có cái thói quen hằng thấy nhựt thực, hay là nguyệt thực thì cho là điềm xấu, có ma quỷ hiện ra phá hại tinh tú, dễ làm khốn cho ta ; nên mới đồng lòng giúp binh đánh giặc hảo như vậy.

Phải chi dân họ biết phép thiên văn địa lý như ta, thì đỡ biết bao nhiêu là khí lực, hao tổn xương như vậy. Phải dân họ đặng mau mở mang biết Chúa biết trời và biết khẩu diệt oan gia tam thù một cách kiệt lực như vậy, thì chắc là ma quỷ sẽ phải đại bại thật mà chớ.

Focylene.

Nhân đàm.

— Trên ngọn cây kia có năm con chim. Thành lịnh có thợ săn tới, bắn chết hai. Còn mấy con ?

— Không còn con nào sót, vì bay hết.

CÁCH CỬU NGƯỜI CHẾT ĐUỐI. **DECEMBRE**

22	3	ông thánh Ê-lo-y.	1
23	4	Bà thánh Bi-bi-a-na.	2
24	5	ông thánh Phan-xi-cô Xa-vi-e.	3
25	6	ông thánh Phê-rô Kim ngôn, giám mục, tấn sĩ.	4
26	7	ông thánh Ni-xê-tô.	5
27		Chúa-nhật thứ 2 mùa Áp-ven-tô.	6
28	2	ông thánh Am-rô-xi-ô.	7
29	3	Đức Bà chẳng hề mắc tội lỗi tông.	8
Thập nhật ngoạn đại.			
1	4	Bà thánh Lê-ô-ca-di-a.	9
2	5	ông thánh Men-ky-a-đê.	10
3	6	ông thánh Đa-ma-xô.	11
4	7	ông thánh Va-lê-ri-ô.	12
5		Chúa-nhật thứ 3 mùa Áp-ven-tô.	13
6	2	ông thánh Ni-ca-đê.	14
7	3	ông thánh Mê-ni-nô.	15
8	4	Bà thánh A-đê-la-i-đa.	16
9	5	ông thánh La-da-rô.	07
10	6	ông thánh Ga-ti-a-nô.	18
11	7	Bà thánh Phô-ta.	19
12		Chúa-nhật thứ 4 mùa Áp-ven-tô.	20
13	2	ông thánh Tô-ma, tông đồ.	21
14	3	ông thánh Phi-vi-a-nô.	22
15	4	Bà thánh Vi-tô-ri-a.	23
16	5	Bà thánh I-ri-mi-na. <i>Kiên nhẫn và Chạy lòng.</i>	24
17	6	Lễ Sinh nhật Đức Chúa Giê-su. <i>Khởi kiên nhẫn.</i>	25
18	7	ông thánh Xi-tê-pha-nô, trí mạng chi thủ.	26
19		Chúa-nhật — Lễ ông thánh Gioan tông đồ, thánh sử.	27
20	2	Các thánh Anh-Hài, tử đạo.	28
21	3	ông thánh Tô-ma, giám mục, tử đạo.	29
22	4	ông thánh Xa-bi-a-nô, ông thánh Ri-ca-rô-đô.	30
23	5	ông thánh Xi-li-vê-tê, giáo tông.	31

Cách cứu người chết đuối.

1 Nhiều khi có người chết đuối, có biết cách cứu thì cũng sống được, bằng không biết phương thì họ đi luôn.

2 Ở nhà quê khi có người chết trôi, thì họ hay xóc nước và ủ. Xóc nước thì họ nắm hai chun đề thông đầu xuống mà xóc, hoặc là cõng ngược lên vai mà chạy lóc-xóc cho ỏi nước ra. Ủ thì họ dùng tro nóng, hoặc tử chiều đắp mền, hay là đốt lửa dưới giường chõ ấm. Hoặc họ bày lấy lông nọ kia ngoáy mũi lẫn xằng..., mười người may cứu được một với hai.

3 Theo phép Tây dạy khi có người chết đuối, thì phải thay áo quần cho nó, đoạn đề nằm ngửa ra, nghiêng-nghiêng về phía tay mặt một thí, đầu phải đề lên cho cao-cao. Một người lấy lược cạy răng nó ra, lấy khăn nắm lưỡi mà kéo ra thụt vô cho có chừng ; một người nữa nắm hai tay nó đỡ lên đỡ xuống mãi, người khác xoa cả mình nó cho mạnh. Cứ làm như vậy cho lâu lâu, chớ thấy không hiệu mà bỏ nản.

4 — Khi nào nó thở được, thì lấy một chén nước nóng pha muồng giấm vào cho uống là xong.

5 Còn theo cách ông SCHAEFER mới bày ra, thì đề người chết đuối nằm sấp lại, chơn xuôi thẳng xuống, tay duỗi ngược lên. Mình quì chằng-hằng ra, hai đầu gối kẹp hai bắp vế người chết đuối ; úp hai bàn tay lên trên lưng nó : hai ngón tay cái gân khít nhau mấy ngón tay con đề theo mấy xương sườn cụt ; mình chồm tới trước hai tay cứ đề như vậy mà nhận xuống cho mạnh rồi đỡ lên. Cứ nhận xuống đỡ lên trong một phút đồng hồ chừng 16 lần như vậy cho đều nhau.

6 Dùng cách này rất giản-tiện : khỏi mấy thí giờ và dầu ở nơi chật hẹp cũng làm được, và dầu làm lâu cũng không mệt mấy. Làm như vậy thì một chập, người bệnh sẽ mửa nước nhớt ra và thở được.

7 Những kẻ chết ngột, hoặc chết vì hít phải hơi độc, cũng dùng cách này mà cứu được.

THOMAS-TRỨ.

Nhàn đàm.

Trò Hai có hai đứa em gái. Có kẻ hỏi nó : « Mày có em không ? » — Nó trả lời : « Không có. » — Tại sao ? — Tại nói láo chớ sao.



— À lịch sự ! bộ
mặt vậy mà xin
hoài.



— Thừa phải, lúc
trước, con giàu có
thiệt, bởi ở bất
nhơn nên ra vậy.



Xin anh kêu chó lại, kẻo nó cắn tôi chết.
— Tôi muốn lắm mà không biết tính sao vì chưa có tên.

BÌNH KÉC.

- Anh Hai, đã đi thăm ông hương Thâm chưa ?
- Chưa. Nghe ông đau, cũng muốn đi thăm chút, mà mắc việc quá đi chưa được.
- Chú mi có biết ông đau chứng bệnh gì hay không ?
- Nghe rằng : ông ăn nói được như thường, mà càng ngày càng róc-ráy ròm-rời, còn da bọc xương ; nằm thở ra như kẻ thất tình ; đau chứng gì vậy ?
- Đau chứng bệnh *kéc*.
- Bệnh *kéc* là bệnh gì ? phải là bệnh *kiết* chăng ?
- Không phải là bệnh *kiết*, song là bệnh *kéc* mới ngộ chớ ! mà ta cũng phải biết đừng giữ thể kéo phải lây. Số là cái chứng ông ấy, tưởng anh cũng đã biết, hay phân bì ghen tương ; thấy ai có vật gì tốt, làm nên việc gì khá ; được thanh lợi phần hồn phần xác, thì ông ganh đàng ghét ngố ; kiếm thể gièm chê, làm cách nọ thể kia mà hại cho bỏ ghét. Dầu trong thân thích ông, thì ông cũng chả từ.



Bữa nọ ông tới nhà bà cả Mãn là cô họ ông, thăm chơi ; bà ấy chào hỏi tử tế, mời trầu nước lịch sự hân hiên ; lễ thì ông vui mừng, té ra ông ngăm-ngăm ghen ghét ; vì thấy nhà bà goá mà trang hoàng, sạch sẽ ; đồ vật gì đâu có thứ tự lớp lang ; đứa cháu gái ở giúp bà thì nghiêm trang, lễ nghi phép tắc. Chẳng lành chớ bà cả lại khoe : « Anh bé trẻ có hay nuôi *kéc* không ?

- Không ; mà cô có nuôi nó sao ?
- Thì chưa nuôi, song quan lớn Chưởng hứa sẽ cho tôi một con ; nghe nói : con *kéc* ấy khôn, hiền và nói rõ ràng gần như người vậy. Mà cực tôi đợi hai bữa nay chưa thấy gởi xuống : sợ bữa đem xuống tôi không có ở nhà, vì mai tôi phải đi thăm ông sui, có khi ở lại chơi năm ba ngày ; trên có đem xuống xin phiền anh nuôi giùm cho tôi ít bữa, kéo dề đây sợ trẻ nuôi không xong, bỏ mèo ăn, hoặc thả bay mất uồng ; con cháu ở giúp tôi đây, nó ở bờ linh làng lắm. »

Ông ta nghe, thì trong bụng sôi sục-sục ; nghĩ mụ goá mà lại thân quan ; mình làm ông hương trong làng, mà chưa dám

mò đến cửa quan, hưởng lựa thân quan ; gớm nhĩ ! Nghĩ vậy đoạn nói ra rằng : oả ! cô có quen với quan Chưởng lĩnh sao ?

— Cũng không quen chi ; song vì thứ làm quan hồi-hưu, có lúc cũng túng xài ; bữa có xuống mượn của tôi ít chực, nên ông muốn trả ơn chút đó thôi. »

Hương Thâm ta phát ghét trong lòng quá sức ; song rần cầm lại mà rằng : « ừ, cô cứ việc đi, dặn trẻ trong nhà khi nào trên gọi kéc xuống, thì biểu xách ngay lại nhà tôi. Thôi cô nghỉ, tôi về. »

— Được, cảm ơn anh, xin chịu phiền nuôi kỹ cho tôi hũ ? »



Ông Thâm về nhà đêm ngày càng nghĩ càng tức ; thân phận mình vậy, mà chẳng bằng mục goá. Xảy có kẻ xách kéc vào và nói : « Thừa ông, kéc trên quan Chưởng lĩnh xuống cho bà cả Mãn, song bà có dặn ; phải đem qua cho ông nuôi, bả mắc đi khỏi. Thừa ông tôi về. »

Ông ta thấy kéc phát xung, miệng lúng búng, tay xách treo mây cửa ; rồi đứng coi con kéc thiệt tốt, mỏ đỏ thắm, lông mượt láng có ngời, lại hiền lành, thò tay vào chọc nó không cắn, lại ngược cò lên mà nói rằng : *Đừng khuấy kéc làm chi ; hãy cho kéc cục đường, kéc ăn kéc kéo đờn ca nhịp cho mà nghe.*

Hương Thâm nghe vậy sững sốt, tuy ghét, song cũng chạy đi lấy cục đường cho con kéc. Con kéc lấy mỏ ngậm rồi đưa chon lên nếm cục đường, miệng liền nói : *Cảm ơn ; rồi tiếp : hò xư xang, ý hò xư xang... tí tí te, tí te tí te...*

Cha ôi cha ! Tức mình tức mảy ; của quý làm vậy, mà mục goá lại được ! Trời đất ôi ! Tao vật con kéc này đi, rồi nói : nó mắc gió mà chết, có được không ? Nghĩ bức mình quá, liền xách dù ra đi cho giải khuây một chút.

Ông ta đi một đôi, ngang qua tiệm khách trú, vắng nghe tiếng kéc nói om sòm ; bước vào coi, thấy con kéc hình thù cũng in hệt như con kéc kia, song tính dữ dằn lắm, thò tay vào thì nó cắn bầu, và chưởi rửa. Vừa thấy ông ta vào dòm liền mắng : *Đồ bá láp, đi đâu đi cho rảnh !* Đoạn chưởi tục om sòm.

Hương Thâm ta nghe, liền nghĩ đến mưu sâu, đề mua con kéc này về tráo kéc kia, đặt trác mục goá chơi cho bõ ghét. Nghĩ đoạn kêu chủ tiệm hỏi có bán kéc này chăng ?

Chủ tiệm nói : « Có mua thì bán ; giá 2 \$ đó. »

— Mặc quá ! Trả cho chú 1 \$, bán không ?

— Không đâu ; 1 \$90 cũng không bán nữa mà ! »

Ông ta ngẫm nghĩ : Hỡi ! ta liệu hai đồng bạc, miễn trác được mụ goá thì thôi ; liền đưa 2 \$ cho chủ tiệm, xách kéc về.



Về đến nhà, nghe kéc kia chào : *ai đó ? cho kéc cục đường kéc hát cho mà nghe.* Ông ta chường gan, lại mở cửa lồng hắt kéc ấy ra vườn, rồi thả kéc mới đem về vào lồng đóng cửa. Con kéc nọ tuy được thả, song vì bị hắt ra mạnh phải té xỉu, lại vì bị nhốt lâu bay không được, cứ thủng thỉnh đi lần ra hàng rào. Ông ta nghĩ : kẹ kiếp nó, chút nữa mèo gặp sẽ ních, nó lo chi. Rồi cứ chọc con kéc trong lồng dặng nó chưởi cho mà nghe.

Cách vài bữa ông ta qua nhà bà cả hỏi thăm bữa nào bà về. Con cháu giúp bà nói : « Bà cho tin về nói : chiều nay bà về. » Ông lật đật chạy về xách kéc qua và dặn : « Nề, con kéc của bà đây, hãy để cho kỹ kẻo mèo ăn, bà về trách tao, thì tao đánh mấy chết chẳng tha. Lại phải để nó nghỉ, đừng có chọc nó nghe không ?

— Thừa ông, tôi có rảnh rang chi mà hòng chọc ? Bây giờ lo dọn quét, rồi lo nấu đồ ăn : chắc bà đi về mệt, phải sắm món gì ngon dặng bà xơi cho bổ sức. »

Ông ta nghe mấy lời sau càng thêm ghét, nghĩ mình hào phú làm ông kia ông nọ mà chẳng bằng mụ đờn bà, đi đâu về có đưa lo sắm đồ ngon đồ bổ !

Ông ta treo kéc ra về ; con ở với bà cả khép cửa ra dọn dẹp ngoài hè. Chẳng may con chó thấy cửa hé hé lên chun vào ; con kéc thấy chó thì mắng : *đồ bá láp ải đâu đi rảnh...* Con chó ngó lên bèn nhảy chồm chụp lồng kéc rớt ; sồ cửa lồng kéc ra bầu cấn chó trầy mỗ trầy đầu. Chó nổi xung ngoáp kéc một miếng nhai chết ngắt, rồi ngồi giữ đó.



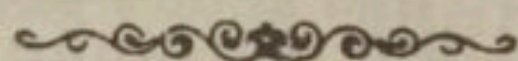
Con ở với bà vào thấy kéc chết, và chó bị đồ máu nơi mũi mỗ, thì hiểu là bị kéc cắn nên trả thù. Song than ôi ! biết làm sao cho kéc sống ? này là của quý bán bà đi có dặng dò kỹ cang ! lại ông hương mới ngăm : nếu bỏ kéc chết thì đánh chết mình ! ôi trời đất, ôi ! Tôi biết làm sao bây giờ ?

Đang ngồi than khóc, xảy thấy một người xách miếng thịt vào nầy. Tên ấy hỏi : « Chuyện chi mà khóc vậy, cô ? Bà chừng nào về ? miếng thịt hươu, đem ướp tử tế, bà về xào cho bà xơi.



Cụ Nhiếp chánh **ĐẠI THẦN TÔN-THẤT-HÂN**
đang cầm quờn trị nước Nam thay
Đức Hoàng-đế **BẢO-ĐẠI** du học bên Tây.

Điều nên biết.



Bị muỗi cắn.

Bị muỗi cắn, ngứa nổi giắc, thì làm cách này : là lấy cục xà-bong ướt (thứ xà-bong hiệu Marseille tốt hơn) thoa chỗ ngứa. Chừng ít phút hết ngứa. Như có còn, thì nhúng nước xà-bong chà lại chừng một khắc nữa. Đó là cho hết ngứa, chớ không trừ muỗi được đâu.

Cách chùi đồ đựng dầu hoả cho sạch.

Đồ đựng dầu hoả, (pétrole), như chai, chén, thùng, vò, v. v. muốn chùi cho khỏi nghe mùi hôi, thì hoà vôi trong nước, có chlorure de chaux, thêm vào một ít càng tốt ; rồi nấu nước ấy, đoạn đổ vào đồ mình muốn chùi mà chùi. Như vậy thì khi chùi rồi không còn nghe mùi dầu hoả nữa.

Cách giữ xác lâu sinh và bớt hôi.

Lấy chừng một cân trà phe bỏ vào trã rang cho cháy sém. Đoạn xay sơ sơ rồi bỏ vào trong đĩa bần để dưới giường người chết nằm, thì xác ấy chẳng có mùi chi cả, chỉ nghe có mùi trà phe mà thôi. Lại xác ấy cũng chậm sinh nữa. Phải năng khuấy trộn trà phe ấy lên.

Hoặc lấy một nồi lửa khá lớn, để nơi phòng có xác, và lấy trà phe bột, hay là chè khô, tục gọi là chè Huế, bỏ vào mà xông, thì cũng bớt mùi hôi hám. Vả khi có ai đau bệnh lở loét thúi tha, thì cũng làm cách này, đừng kể giữ người liệt dễ chịu hơn.

Răng rụng.

Khi răng muốn rụng, thì trước nó nhức, sưng ăn uống khôngặng. Có cách này làm cho nó êm luôn đến ngày nó rụng thì rụng tự nhiên chằng còn nhức nữa.

1° — Phải cạo vỏ cây dúi (lá nó nhám nhám) hay là lột, chừng một nắm.

2° — Bỏ nó trong siêu và bỏ thêm trổng một ít hột muối ; đồ vỏ 2 chén nước.

3° — Sắc đến khi nó còn đặng một chén trà, để nguội, ngậm 2 lần, mỗi lần chừng 1 khắc.

— Ôi, cậu ôi ! khốn tôi quá chừng ! ông hương mới xách con kéc của quan Chương cho bà ! tôi treo đó rồi ra dọn ngoài hè ; chẳng hay con chó vào cắn chết kéc đây nì, khốn cực chưa ? »

Tên nọ xách con kéc coi đi coi lại rồi nói : « Không sao dân, cô. Bên nhà tôi cũng có con kéc giống in như con kéc này, và biết nói biết hát, ca bài đờn giỏi lắm. Của ai thả sầy không biết, tôi xí được ngoài hàng rào hôm kia, không biết chủ đâu mà trả lại. Thôi, để tôi đem thể mạng con kéc này cho cô ; cô hãy lo ướp miếng thịt tử tế, thì xong.

— Cám ơn cậu, song cậu chớ nói việc ấy với ông hương.

— Lẽ nào tôi nói ? cô đừng lo ; đưa xác con kéc này đây tôi chôn rảnh. »

Nói đoạn về xách kéc đem tới nhốt vô lồng.

Xế chiều bà cả về vừa bước vào nhà nghe chào : « ai đó ? cho kéc cực đường, kéc hát cá cho mà nghe... Bà sững sờ, ngó lên con kéc ; sức nhớ là kéc của quan Chương hứa cho ; bà mừng quá bội, chạy đi lấy đường đưa cho kéc, kéc ngậm, rồi cầm nơi chơn, và nói : *kéc cám ơn lắm* ; rồi tiếp : *hò xự xang*, v. v. Bà nghe lấy làm khoái chí lạ lùng : bèn xách lồng kéc treo trong sân sau chỗ bà nghỉ mát.

Đến chiều mát ông hương Thâm qua, bà ra chào và cám ơn đã lo nuôi con kéc kỹ ; đoạn biếu đem rượu và thịt hươu ướp nướng mời ăn nhậu rượu chơi. Ông ta ăn nhai chắp lấy làm ngon, nhậu một chén lấy làm khoái, bèn hỏi thịt gì, Bà nói là thịt hươu của người trong xóm mới đem cho. Ông ta nghe thì dường như gai xóc vào ruột ! Song cũng gắp gượng qua-lao cho rồi mấy miếng thịt ; đoạn hỏi con kéc nói nghe rõ lắm chẳng ?

Bà rằng : « Mời anh ra sau đây mà nghe ». Ông ta chơn đi lòng nghĩ : Ra đây chắc bị kéc chưởi ; mà nó đã chưởi mụ nọ hồi nãy đến giờ rồi. Té ra vừa tới nơi : nghe kéc chào và xin đường nghe ngọt xớt ! Ông ta làm bộ vui cười trong lòng tức tối, không lười nào kể xiết.

Từ đó thì ông nhuốm bệnh ốm o gầy mòn mãi ; nên trong họ gọi là bệnh kéc.

Hèn chi thấy họ vẽ diễn mấy mối tội đầu, đến tội ghen ghét thì họ vẽ một người ốm teo ốm téo, mà chỉ là người phân bì ghen ghét.

PIERRE KÝ.

Giải trí.

1 — Bà con thế nào ?

Bữa kia các thầy trường đi dạo gặp hai đứa nhỏ : một thằng độ 10 tuổi mặc áo quần tử tế và đội thúng; còn một thằng chừng 7 tuổi mặc cái áo không. Các cô thầy kia nói với thằng lớn đang đội củ rằng; em đội củ đi đâu ? cho qua ít cái nường ăn chơi, em.

Thằng nhỏ nghe vậy bèn ứng tiếng : Thằng cháu tôi đó, tôi biếu nó đội củ đi ăn giỗ với tôi đây.

Các thầy nghe vậy tức cười, bèn hỏi thằng lớn : em phải là cháu nó không ?

— Dạ phải. — Vậy em kêu cha mẹ nó là gì ? — Tôi kêu cha nó là *chú*; mẹ nó là *dì*. — Còn nó kêu cha mẹ em làm sao ? — Nó kêu cha tôi là *anh*, mẹ tôi *dì*. — Oã, còn nó kêu em là *chị* ? — Nó phải kêu tôi là *anh*. — Còn em kêu nó ? — Tôi kêu nó là *chú*.

Các thầy xây hỏi thằng nhỏ : Thằng kia nói nhằm không vậy em ?

— Thằng cháu tôi nó nói nhằm mà không trúng. — Oã ! vậy nói sao cho nhằm và cho trúng em nói thử coi : em kêu cha mẹ nó làm sao ? — Tôi kêu cha nó bằng *anh* hoặc bằng *giương*; còn kêu mẹ nó hoặc *chị*, hoặc *dì*. — Nó kêu cha mẹ em làm sao ? — Nó kêu cha tôi bằng *ông*, mẹ tôi bằng *bà*, hoặc đôi khi kêu *giương dì* cũng được. — Còn em kêu nó ? — Nó là cháu tôi, thế mà ! — Nó kêu em làm sao ? — Nó kêu tôi là *chú*, và đôi khi bằng *anh*.

2 — Bài đố.

Thùng nước đầy kia, người ta lấy bớt ra $\frac{1}{3}$ rồi lấy $\frac{1}{4}$ nước nữa, còn lại 7 phần và 16 litres. Hỏi thùng ấy đựng hết bao nhiêu nước ?

3 — Câu đố.

1 — Ai chạy mau lắm, mà in dấu chơn ?

2 — Cái gì sống, chết và chết rồi sống lại ?

3 — Ai ở trên nước, dưới nước được, mà không ở trong nước ?

4 — Ai đội nón lủng luôn ?

5 — Cái gì sinh trong nước, mà hễ rớt xuống nước, thì chết liền ?

6 — Ai là to tiếng hơn một con heo ? (Coi trang 51)

Được ơn mà mất công.

Bà phú hộ kia có tài bòn dãi của người, còn của mình, thì rít róng : đêm ngày lo mưu kia chước nọ mà thân của, còn xuất phát thì tiện tận vô hồi ; vì thế, người ta quen gọi bà là « mụ rán sành ra mỡ ».

Trong nhà không có tội tở, vì bà nghĩ rằng : đời bây giờ mượn dũa ở lắm nhiều tiền, mà rủi nhằm dũa bất trung, thì không hơi đâu mà gìn giữ ; lại cha mẹ nó tới lui mượn mỗ xin xỏ, thì càng sinh sự tốn hao.

Ngày nọ có tin ông tá điền sẽ đến nạp bạc ruộng đã mượn. Bà ta nghĩ : Sở ruộng ấy tốt, đề năm nay ta bắt giá lên ; song chàng va tới, thì ta phải thết dãi bĩ bàng, đành hể « ăn xoi chùa thì ngọng miệng ». Nhưng bà lại nghĩ : nếu biếu dũa đi chợ mua cá mua thịt về, thì nó ăn bớt tiền ; rồi về không ai nấu ; có kêu dũa nấu, thì nó đòi tiền thuê ; lại uốn éo đòi món nầy vật nọ khó lòng. Thôi, thà ta biếu nhà quán bán cơm dọn một bữa ăn cho tử tế hết sức, bất quá giá chừng 5 \$ thì chủ và khách ăn lừ lừ, còn dư ta sẽ ăn bữa khác cũng hay.

Đến giờ hẹn, tên bồi ở quán cơm đội đồ ăn đến. Bà coi các món, món nào cũng thơm tho, thì khen vui ; đoạn biếu đem ngay lên từng trên đề nơi phòng dựng đồ ăn.

Bà thấy tên bồi sạch sẽ lại chảnh hoành, thì khen dũa và mượn ra dọn bàn. Thằng nhỏ tánh vui vẻ nhậm lẹ hay chịu khó, nghe mượn thì sẵn lòng dọn bàn sắp đặt thứ tự tử tế. Bà thấy nó vui lòng làm, thì lại mượn giùm việc nọ giúp việc kia ; và nói năng với nó cách dịu dàng dễ nghe.

Thằng nhỏ thấy vậy, lo dọn mọi sự theo ý bà ; mà trong lòng quyết chắc : bề nào bà cũng sẽ trả công.

Người tá điền đến, bà tiếp rước cách lịch sự nườm nỏ lắm.

Tên tá điền lấy bạc ra, xin bà coi bạc. Bà rằng : « Xin thông thả, nỡ lật đặt chi ; đồ ăn đã dọn rồi, tôi đợi ông tự hồi sớm. Hãy vào ngồi bàn dùng bữa cơm măm rồi tôi lấy thảo.

Tên tá điền vào thấy các món ăn thì choá mắt, món nào món nấy thiệt ngon ; trong lòng nghĩ thầm : đời nào mà tá điền được đồng bàn với bà phú hộ và được ăn mâm cao cỗ đầy như thế ?

Đang hồi ăn bà mở ra nói : « Nề ông, cái sở ruộng tôi cho ông mượn đó, nay có kẻ xin mượn cao giá hơn 20 \$, mà tôi nghĩ, ông mượn có thì có chung, tôi chưa dám chịu cho họ mượn, đợi ông tới trả bạc bữa nay, thì hỏi ông ; nếu ông không bằng lòng mượn như giá họ trả, thì tôi lấy lại cho họ mượn. »

— Ý chà ! mắc quá. Mấy mùa trước còn khá, mùa này đây tôi chịu lỗ đi, bà ơi !

— Tôi tưởng không mắc ; nếu mắc, sao có kẻ kê giá lên ?

— Họ thấy tôi làm khá tốt, mà họ không biết tôi phải chịu tổn hao khó nhọc chừng nào, nên họ mắc mớp đó thôi.

— Thôi, thì ông làm có thì chung, đã khó nhọc tổn hao, tôi hạ bớt cho ông 10 \$; nếu không ưng, thì trả bạc rồi rút giấy ông đã mượn.

Tên tá điền phần sợ không có ruộng làm, phần được bữa ăn sung sướng vô hồi, chắc từ này bà cũng thết như vậy nữa ; nên đành chịu mượn cao giá hơn 10 \$.

Ăn uống bạc tiền trả xong, tên tá điền ra về ; còn tên bồi dọn bàn cất các món còn dư... rồi thưa ra về.

Bà ừ, cảm ơn em lắm lắm. Tên bồi được tiếng cảm ơn mà không thấy bà thưởng công xu nào, thì chúm chím cười ; rồi nghĩ : có khi bà đợi để chiều lại lấy dĩa chén bà sẽ thưởng công.

Bà phú hộ còn một mình, coi kiểm mấy tờ giấy bạc, lấy kim găm từ chực sắp vào tủ một cách rất phỉ tình ; để lại tờ giấy 5 \$ đăng mai trả cho chủ quán. Sắp đặt xong, coi đi ngó lại cho thoả lòng rồi khoá tủ. Còn 5 \$ để lại không biết cất vào đâu cho dễ nhớ và khỏi ai thấy mà ăn cắp. Ủ ề ề đây, dưới cái khăn bàn ai mà biết được ?

Bà vừa nghĩ đến đó, liền nghe gõ cửa ; bà liền tưởng có khi ai đem bạc tới nữa chẳng ; tức thì dứt tờ giấy bạc 5 \$.

giấu dưới khăn bàn, bước lại mở cửa, và nói : « Ai đó, hãy vào ».

— É, cái thằng ! đi đâu đó ? làm tao tưởng...

— Thưa bà, con lại bưng đĩa chén.

— Ừ, để thúng xuống, tao soạn cho mà sắp dặng dôi về.

Sắp đĩa chén xong, bà nói : Thôi, dôi về. Đi cho khéo kéo.....

— Dạ thưa bà...

— Thưa gì ?

— Thưa bà cho con ít cắt về cho mẹ con măng ».

Bà đỏ phừng mặt, cắt gì ? chuyện chi mà xin ít cắt ?

— Dạ thưa bà... con... dọn bàn giúp bà cả buổi trưa...

— Úy ! đi đâu đi cho rảnh na ! Đồ khốn ! Làm chút chi thì đều đòi tiền công thấy cả. Chủ mấy hán đồ ăn mắc cây, có móm khét ngòm, mà mấy còn đòi công nữa !

— Dạ thưa, hồi mai bà... khen thơm mà !

— Thơm gì ? Đi đâu đi rảnh, xớ rờ tao...

Thằng nhỏ thất kinh ; và bởi nó có tính hiền lành, thì làm thỉnh nhịn nhục ; lấy thúng dôi lên đầu, lải rải bước xuống thang lầu, và đi và bát.

Bà nọ sẵn đương giận, nghe tiếng nhỏ hát, thì càng chướng gan, tay thì bốp cái khăn bàn, chơn bước lại cửa sổ, giở miệng xuống mắng : nin đi cho rồi ; đồ khốn kiếp, đòi chột ruột còn bát hồng nữa ha ! Mắng rồi cầm cái khăn bàn thò ra ngoài mà giữ.

Thằng nọ mất vía nin khe, dôi thúng đĩa chén về, giở ra thấy tờ giấy bạc 5 \$ thì sững sờ và nói : « Cha ôi ! bà rộng rãi quá chừng, bà trả công cho tôi năm đồng mà bà làm bộ giận dữ với tôi chớ ! Tôi thấy hình dạng bà thì xét quấy cho bà. Thôi, từ nầy lo chừa hồ nghi sự trái cho người ta ! Nói đoạn đem 5 \$ về khoe với mẹ. Cả mẹ cả con, mừng quính và cảm mến đức rộng rãi bà.

Còn bà nọ khi nhớ sự đến 5 \$ để dưới khăn bàn, chạy lại kiểm, thì nó đã biến đâu mất. Chứng mới hỏi ôi, chắc mình giữ khăn bàn, thì bạc đã rơi dưới đất. Lật đặt xuống nơi ngay cửa sổ, tò mò kiểm nát chòm cỏ, mà nó được cái chi, chỉ được cái tha-thiết, chắc-luối, gãi đầu mà thôi ! Tối bữa ấy ăn không ngon, nằm không ngủ, những tiếc năm đồng bạc, thành tọc hoá bạc thêm.

Còn mẹ con tên bồi hể gặp bà đầu, thì bái chào thiết sâu, cùng tỏ dấu kính vì hết sức.

Ấy bà được ơn mà mất công là vậy. THỐI-HA.

Sư tử, chó sói, trứng gà.

Ngày kia sư tử rủ chó sói đi dạo chơi, tỉnh bề đi xa, nên mỗi thú đều có đem một vật để dùng. Sư tử thì đem con thỏ; chó sói thì đem con gà mái.

Đi đến trưa sư tử mệt, ghé bóng mát nghỉ, gió hiu hiu buồn ngủ, liền chó sói ngồi giữ con thỏ với gà luôn thề. Khi sư tử thức dậy, sửa soạn đi, thì chó sói thấy một trứng liền tri-hô : úy may ! gà tôi để được một trứng.

— Mày nói bá láp ! trứng thỏ, chó phải trứng gà đâu ? Con thỏ của tao để hồi tao ngủ ; mày tưởng tao khờ lắm sao, mà muốn phỉnh ? Trứng đó về phần tao.

— Dạ bẩm ngài, xin ngài xét lại chút ; thỏ nay chưa hề nghe thỏ để trứng bao giờ.

— Ý ! mày đừng già mồm ! thôi, ta cứ việc đi, hễ gặp thú nào, thì ta hỏi ; nếu các thú đều nói là trứng thỏ, thì mày đừng trách số ! Để cái trứng đó tao cầm cho chắc tay, mày cầm lu lơ bề thì mất tang.

Cả hai ra đi, gặp con lừa ; sư tử hỏi : « Lừa, mày phải nói cho thiệt : trứng này là trứng thỏ, phải không ? »

— Dạ... bẩm... (run lập cập), ừ... ừ... ngài nói nhầm... nhầm ! »

Sư tử xây nói với chó sói : « Mày ngoáy tai mà nghe, có phải mày nói bá láp chẳng ? Thật là trứng thỏ mà ! »

Cứ việc đi mãi, gặp nai, hươu, bò, dê, v. v. sư tử đến hỏi, thì thú nào cũng âm ỉng, rồi nói là trứng thỏ.

Vậy sư tử khoai chí sửa soạn lủm trứng, may đâu có con khi đang nhảy xà xon trên nhánh, thì chó sói kêu van xin sư tử hỏi một lần nữa cho cùng lý, mới chịu thua.

Sư tử gườm ngó khi một cách oai nghi, đoạn mở giọng nghiêm trang ghé góm mà hỏi khỉ : « Trứng này là trứng thỏ hay là trứng gà ? »

Khỉ bèn nhảy thót lên nhánh cao, rồi rần sức mà la lên : « Là trứng gà ! là trứng gà ! Gà đẻ trứng, thỏ đẻ con ! »

Ấy là bài dạy cho biết : Kẻ có quyền thế hay nạt nộ bắt kẻ khác ừ gật theo ; bằng ai muốn nói cho ngay thẳng với kẻ có quyền thế, thì trước phải ở xa xa đã.

Ngô-Xử.

VUA NƯỚC ANNAM

Lúc ban đầu

Trước Chúa ra-đời ?

? — 257 Nhà Hồng-bàng (không chắc)

Nhà Thục.

257-208 An-dương-vương chiếm nước vua Hùng-vương cùng kêu là Âu-lạc. Vua này trị nước đặng 50 năm, đoạn phải Triệu-đà là tướng nhà Tần (bên Ngô) tiếm vị.

Nhà Triệu.

207-137 Triệu-đà xưng vương Nam-việt, hiệu là Triệu-vô-vương. Năm 183 lại xưng hiệu là Triệu-vô-đế, cách bốn năm lại từ chức ấy vì sợ hoàng đế bên Tàu. Vua ấy trị nước được 71 năm, rồi băng-hà.

136-125 Cháu vua Triệu-đà, tên là Hồ, trị nước được 12 năm, hiệu là Triệu-văn-vương, sống được 52 tuổi.

124-113 Anh-tể còn làm thái-tử đã đi ở làm con tin bên Tàu, khi vua cha băng-hà mới về kế vị, hiệu là Triệu-minh-vương.

112 Hưng là con thứ vua Minh-vương, mẹ là người Tàu tên là Cù, kế vị cha, hiệu là Triệu-ai-vương, cách một năm vua ấy bị giết, thì anh nối ngôi.

111 Triệu-vương-kiến-đức, là anh ông Hưng. Vua này bị tướng nhà Hán bắt, thì nước Nam-việt phải làm tôi nước Tàu.

Nhà Lý-tiền.

Sau Chúa ra-đời.

544-548 Năm 541, Lý-Bồn khởi ngụy đuổi toàn quyền Ngô, rồi năm 544 lên làm vua, hiệu là Triệu-đức. Khi vua ấy băng-hà, thì có một tướng vua ấy nối ngôi, hiệu là Triệu-việt-vương-Quang-phúc, cai trị từ năm 549 tới năm 571, đoạn phải Lý-phật-Tử bắt.

549-555 Anh ông Lý-Bồn xưng vương, hiệu là Lý-đào-Lang-vương-Thiên-bảo trị nước 7 năm.

571-602 Có người nhà Lý, là tướng Phật-tử kế vị, hiệu là Lý-hậu-Đế-phật-tử, trị nước được 32 năm, rồi phục các tướng nhà Tùy. Vậy nước An-nam lại phai làm tôi nước Tàu hơn ba trăm năm nữa.

Nhà Ngô

939-944 Ngô-vương-Quyền thắng được kẻ nghịch và các tướng Tàu.

944-965 Ngô-vương-Quyền băng-hà, thì em vợ tiếm vị, song đến năm 950 lại mất ngôi, mà con Ngô-Quyền là Ngô-nam-tấn-Vương-xương-Văn trị nước chung với anh là Ngô-thiên-sách-Vương-xương-Ngập.

Nhà Đinh

968-979 Đinh-bộ-Lãnh cai-trị, hiệu là Đại-thắng-Vương, rồi lấy hiệu Đinh-tiên-hoàng-Thái-Bình.

Nhà Lê tiền

980-1006 Lê-dại-Hành là Thiên-Phúc tiếm vị, rồi qua-đời được 65 tuổi.

1006-1009 Lê-long-Đĩnh là con Thiên-Phúc kế-vị, hiệu là Cảnh-Thủy song hư nết quá mà chết.

Nhà Lý :

1009-1028 Lý-thái-Tổ hay là Thần-võ-hoàng-Đế trị 19 năm, sống được 55 tuổi.

1028-1054 Con là Phật-Ma hay là Đức-Chính, hiệu là Lý-thái-Tôn trị được 27 năm, được 55 tuổi.

1054-1072 Con cả là Lý-thánh-Tôn, kêu là Nhật-Tôn, sống được 50 tuổi, trị được 17 năm.

1072-1127 Lý-nhơn-Tôn là con cả kêu là Kiến-Đức, hồi mới lên trị nước, thì phải nhờ có mẹ giúp ; vua này sống được 63 tuổi, trị nước được 36 năm.

1127-1138 Lý-thần-Tôn cháu vua trước, sống được 23 tuổi, trị nước được 11 năm.

1138-1175 Lý-anh-Tôn, là con cả, lên ngôi hồi mới ba tuổi, hiệu là An-nam-quốc-Vương, sống được 40 tuổi.

1175-1210 Lý-cao-Tôn là con thứ sáu vua trước, trị nước 35 năm, sống được 38 tuổi.

1210-1224 Lý-huệ-Tôn là con cả, thế vị cha hồi 16 tuổi, vua này chọn con-gái thứ hai mình, tên là Phật-kim (Chiêu-hoàng) nối vị, đoạn vào chùa ; hồi ba năm thì bị giết ; đã trị nước được 14 năm.

Nhà Trần

- 1225-1258 Trần-thái-Tôn lên ngôi hồi còn thơ ấu, nhờ cha là Trần-Thừa phụ chánh ; vua ấy trị nước được 33 năm, rồi nhường vị cho con, nhường vị rồi còn sống được 19 năm, cả thảy là 60 tuổi.
- 1258-1278 Trần-thánh-Tôn làm vua 21 năm, từ chức rồi sống được 23 năm, cả thảy là 51 tuổi.
- 1278-1293 Trần-nhơn-Tôn cai trị 14 năm, từ chức rồi sống được 13 năm nữa, cả thảy là 51 tuổi.
- 1293-1314 Trần-anh-Tôn là con đầu lòng vua trước, sống được 54 tuổi ; từ chức rồi sống được 6 năm nữa.
- 1314-1329 Trần-minh-Tôn là con thứ bốn vua trước, cai trị 15 năm, từ chức rồi còn sống 28 năm nữa, sống là 58 tuổi.
- 1329-1341 Trần-hiến-Tôn là con thứ vua trước cầm quyền 13 năm, sống được 23 tuổi.
- 1341-1369 Trần-dũ-Tôn, là con thứ mười Trần-minh-Tôn, lên ngôi mới được sáu tuổi hồi cha còn sống ; sống được 34 tuổi mà băng-hà vô hậu kế đại.
- 1370-1372 Trần-ngệ-Tôn, là con thứ ba Trần-minh-Tôn cai-trị 2 năm, rồi từ chức nhường vị cho con, cách 27 năm nữa thì qua-đời, được 74 tuổi.
- 1372-1377 Trần-duệ-Tôn, là con thứ mười một Trần-minh-Tôn, chết hồi 41 tuổi, bị giết trong nước Chiêm-thành.
- 1377-1388 Trần-đế-Hiến, là con cả vua Trần-duệ-Tôn ; vua Nghệ-Tôn từ chức mà tôn người lên ngôi, cách 12 năm lại bắt từ chức mà thất cớ đi.
- 1388-1398 Trần-thuận-Tôn, là con út vua Nghệ-Tôn. Có quan lớn tên là Lê-quí-Lê ép vua nhường ngôi cho con trưởng nam, rồi sau lại thất cớ mà chết.
- 1398-1407 Trần-thiệu-Đế mới 3 tuổi lên làm vua, khởi-hai-năm quan Lê-quí-Lê làm vua một năm, rồi nhường vị cho con là Hồ-hán-Thương, cả hai bị bắt mà điếu qua nước Tàu.
- 1407-1409 Trần-đế-Quý, là con thứ Trần-ngệ-Tôn. Vua này bị kẻ theo phe bỏ mà chọn cháu vua.
- 1409-1413 Trần-đế-quí-Khoảng lên ngôi ; đoạn tướng Tàu bắt.

(6871-6871)

Nhà-Lê.

1671-1675

1418-1433 Lê-Lợi hay-là Bình-định-Vương. Được 51 tuổi, trị nước 6 năm, không kể 10 năm đánh giặc với Tàu.

1433-1442 Lê-thái-Tôn là con thứ vua Lê-Lợi qua-đời mới có 21 tuổi.

1442-1459 Lê-nhơn-Tôn lên ngôi, rồi phải anh giết, sống được 19 tuổi.

1460-1497 Lê-thánh-Tôn sống được 56 tuổi.

1497-1504 Lê-hiến-Tôn sống được 44 tuổi.

1504 Lê-túc-Tôn được 17 tuổi, trị nước được một năm.

1504-1509 Lê-uy-Mục-đế. Vua này trị nước được 5 năm, rồi bị giết, sống được 22 tuổi.

1509-1516 Lê-tương-Dục-đế trị nước được 8 năm, rồi bị giết, sống được 24 tuổi.

1516-1522 Lê-chiêu-Tôn chạy trốn Mạc-đăng-Dung, song quan này bắt được mà giết, sống được 26 tuổi.

1522-1527 Lê-hoàng-đệ-Xuân được 21 tuổi, lên ngôi năm 1522, rồi năm 1527 phải ép mà từ chức.

1527-1533 Nhà Mạc tiếm vị : Mạc-đăng-Dung, Mạc-đăng Doanh.

1533-1548 Lê-trang-Tôn là con vua Lê-chiêu-Tôn, nhờ ông Nguyễn-Kim giúp mà phục nghiệp, được 34 tuổi.

1548-1556 Lê-trung-Tôn được 22 tuổi, vô hậu.

1556-1572 Lê-anh-Tôn sống được 42 tuổi.

1572-1599 Lê-thế-Tôn được 33 tuổi.



Những vua thế vị vua Lê-thế-Tôn thì không quyền hành gì nữa, mọi việc đều tại tay chúa : chúa Trịnh ở Đàng-ngoài, chúa Nguyễn ở Đàng-trong.

Dầu vậy cũng kể tên các vua ấy ra đây :

Lê-kính-Tôn (1599-1619) Lê-gia-Tôn (1671-1675)

Lê-thần-Tôn (1619-1643) Lê-hi-Tôn (1675-1705)

Lê-chân-Tôn (1643-1649) Lê-dũ-Tôn (1705-1729)

Lê-thần-Tôn (1649-1662) Lê-duy-Phường (1729-1732)

Lê-huyền-Tôn (1662-1671) Lê-thuần-Tôn (1732-1735)

Lê-ý-Tôn (1735-1740) Lê-mân-Đế (1786-1793)
Lê-hiền-Tôn (1740-1786)

Nhà-Nguyễn.

1558-1613 Nguyễn-Hoảng hay-là Tiên-Vương, là con thứ hai ông Nguyễn-Kim, sống được 89 tuổi.

1613-1635 Hi-Tôn hay-là Sãi-Vương, là con thứ sáu Nguyễn-Hoảng, được 73 tuổi.

1635-1648 Thần-Tôn hay-là Công-thượng-Vương là con thứ hai vua Hi-Tôn, được 48 tuổi.

1648-1687 Thái-Tôn hay-là Hiễn-Vương là con thứ hai vua Thần-Tôn được 68 tuổi.

1687-1691 Anh-Tôn hay-là Ngãi-Vương là con thứ hai vua Thái-Tôn, được 43 tuổi.

1691-1725 Hiễn-Tôn hay-là Minh-Vương, là con cả vua Anh-Tôn, được 51 tuổi.

1725-1738 Túc-Tôn, hay-là Ninh-Vương, là con cả vua Hiễn-Tôn, sống được 43 tuổi.

1738-1765 Thế-Tôn hay-là Võ-Vương, là con cả vua Túc-Tôn, được 52 tuổi.

1765-1777 Duệ-Tôn hay-là Duệ-Vương, là con thứ mười sáu vua Thế-Tôn cai-trị thế Hưng-Tồ, là con thứ hai vua đã từ.

1778-1802 Nguyễn-Anh là Gia-long, là con thứ ba ông Hưng-Tồ ; năm 1802 mới cai được cả nước.

1802-1820 VUA GIA-LONG. — Nước Annam được quyền bảo hộ nước Cao-mên năm 1807, song nước Xiêm chẳng nhận quyền ấy, nên phải đánh giặc với nước ấy ; đến năm 1813 mới lập được hoà ước La-bích ; từ đó quân Xiêm mới chịu nhận Annam có quyền bảo hộ nước Cao-mên.

Các quan Lang-sa đã giúp vua Gia-Long, lần lần trở về Tây hết, mà nước Annam thì cứ muốn ở riêng, chẳng chịu thông thương với các nước thiên hạ.

(1807-1808) Vua Gia-Long băng hà mà cũng còn đề danh thom tiếng trọng, người người đều kính vì khen ngợi.

1820-1841 VUA MINH MẠNG. — Vua ăn ở độc-dữ với dòng họ vua, với các người thân nghĩa cùng vua cha, với các thầy-cả Tây giảng đạo, cùng kẻ có đạo. Đời vua ấy cũng chưa nước nào được vào buôn-bán trong nước Annam, Quân Cao-mên khởi ngụy, mà phải thua năm 1822 ; vua cũng thắng được quân Xiêm, cùng đặt Néắc-ông-Chấn làm vua Cao-mên năm 1834.

Trong Nam kỳ có giặc ngụy Lê-văn-Khôi (1833-1835), ngoài Bắc-kỳ có giặc ngụy Nùng-văn-Vân và Lê-duy-Lương, song vua dẹp được cả.



1841-1847 VUA THIỆU-TRỊ. — Vua này thua nước Xiêm (1841-1847) chịu hoà cùng giao cho nước ấy xứ Bát-tam -bang, Ang-kor và xứ Lào bên nam, cùng chịu đề cho nước Xiêm đặt Néắc-ông-Đuông làm vua nước Cao-mên. Năm 1847 vua toan mưu đốt hai chiếc tàu Langsa, thì lại phải mất hết một đạo binh thủy, mà lính Langsa kéo lên cửa Hàn.



1847-1883 VUA TỰ ĐỨC. — Vua Tự Đức ra hai sắc bắt đạo (1848 và 1851). Trót đời vua quân nhà Lê hằng muốn khôi phục ngoài Bắc-kỳ luôn, ở Huế lại có phe muốn hạ chức vua.

Nước Cao-mên về quyền Langsa năm 1863, Langsa giúp vua nước ấy dẹp phe loạn Pù-kấm-bô.

Vua không cho sứ nước Langsa vào chầu, nên nước ấy bắt cửa Hàn (1848), bắt Sài-gòn (1859), đánh quan Nguyễn-trí-Phương tại Chí-hoà (1861), lấy mấy tỉnh trong Nam-kỳ. Ngày 5 tháng sáu năm 1862 có hoà-ước nhường cho nước Langsa ba tỉnh Mỹ-tho, Sài-gòn và Biên-hoà.

Có sứ Annam qua Langsa và I-pha-nho xin chuộc

ba tỉnh mới nhường (1863-1864), song không được việc gì. Năm 1867, nước Langsa có ý dẹp loạn cho xong, thì bắt thêm ba tỉnh trong Nam-kỳ mà quan Phan-thanh-Giảng thì tự-vận

Năm 1873 vua xin nước Langsa tính việc ông Đốc-phủ-Nghĩa ngoài Bắc-kỳ, thì lại sinh chuyện, nên bị mất thành Hà-nội.

Nước Annam không giữ lời giao ngày 15 tháng ba tây năm 1874, nên Langsa bắt thành Hà-nội một lần nữa (1882). Đất Nam-kỳ dầu loạn-lạc trộm-cướp, song dân-sự một ngày một thịnh.



1883 Vua DỤC-ĐỨC lên ngôi trị nước được ít ngày mà thôi. Rồi tới HIỆP-HOÀ trị được bốn tháng. Ngày 25 tháng tám tây có hoà-ước chịu nước Langsa bảo hộ nước Annam và đất Bắc-kỳ.

1883-1884 Vua KIẾN-PHUỐC. — Ngoài Bắc-kỳ giặc giã hoài. Ngày 6 tháng sáu tây năm 1884, có hoà ước mới với nước Langsa.

1884-1885 Vua HÀM-NGHI. — Vua lên ngôi ngày mồng hai tháng tám, mà việc chưa thành, tới ngày 17 tháng ấy mới xong.

Nước Tàu chẳng giữ hoà ước Thiên-tân, thì nước Langsa phá đồn Phước-châu (1884) vây cù lao Đài-loan, đoạn năm 1885 bắt gò Bành-hồ. Ở Bắc-kỳ quân Langsa đánh quân Tàu nhiều trận cùng chịu vây lâu ngày tại Tuyên-quang. Ngày mồng 9 tháng sáu tây năm 1885 có hoà ước ở thành Thiên-tân, thì giặc mới yên và binh Tàu rút ra khỏi Bắc-kỳ.

Năm 1885-1886, nước Langsa đánh quân loạn Si-Vattha bên Cao-mên, rồi dẹp Nguyễn-văn-Bường trong Nam-kỳ tháng hai tây năm 1885.

Đêm mồng năm mồng sáu tháng bảy năm 1885, binh Annam xông đánh quân Langsa khi bất ý.

song cũng phải thua. Vua Hàm-Nghi với quan Tôn-thất-Thuyết trốn mất, mà cách ít lâu quan ấy lại bỏ vua. Còn quan Nguyễn-văn-Tường bị đày.

Quân Văn-thân truyền giết đạo ; chết hết mười Cổ và hơn sáu muôn bốn đạo.

1885-1889 Vua ĐỒNG-KHÁNH. — Vua Hàm-Nghi bị nộp cho nước Langsa năm 1888, Nhà nước đày qua A-lợi-tur, còn kẻ theo vua lại hàng.

Đất Đông-pháp được quan toàn quyền thứ nhứt 1887.

Annam nhượng Hà-nội, Hải-phòng cho nước Langsa năm 1888.

1889-1907 Vua THÀNH-THÁI. — Loạn lạc nhiều nơi, nhứt là loạn Phan-dình-Phụng ngoài bắc Trung-kỳ (1893-1895). — Năm 1907 vua Thành-Thái đau từ chức.

1907-1916 Vua DUY-TÂN. — Loạn Đồng-bào bên Trung-kỳ, năm 1908.

Năm 1916, vua dấy loạn, bị bắt phải đày cù-lao La Réunion.

Vua Thành-Thái ở Vũng-tàu cũng phải điệu đi cù-lao ấy.

1916-1925 KHẢI-ĐỊNH. — Khải-Định là con vua Đồng-Khánh lên ngôi. Năm 1918 đi Bắc-kỳ. Năm 1922 đi qua bên Tây. Năm 1924, mừng lễ Tứ-tuần.

Năm 1922 vua phong Hoàng-thái-Tử Vĩnh-Thụy làm Đông-Cung, rồi đem đi theo qua bên Tây ở đó mà học.

Lúc giặc cả bên Tây (1914-1918) bên ta thì giúp lính thợ hơn vẹo rưởi và tiền bạc nhiều triệu.

Năm 1925 mồng 6 tháng 11 tây, Vua băng-hà.

1926-... Vĩnh-Thụy lên lấy hiệu BẢO-ĐẠI lại cứ đi học bên Tây.

Muru thần hơn ngụy kẻ.

Tên thợ sơn X... có tính ôn hoà vui vẻ, hay nói đùa làm cho người ta tức cười, mà cũng là một tay trí lự khoan dung, hay giúp đỡ bạn đồng nghề, và cũng hay thương người khốn cực.

Ngày kia người ta mượn va đi sơn thếp một toà ở chỗ nọ. Việc xong anh ta đi ngoạn cảnh lối nhà quê, hễ gặp ai đều làm quen nói chuyện.

Chàng va đi ngang qua một lều tranh, thấy đứa nhỏ độ 8, 9 tuổi đang ngồi ngạch cửa khóc lủ lủ, dừng chơn hỏi : « Hỡi em, thế thường cười thì vui hơn khóc ; cơ sao em khóc mà chẳng cười ? »

— Hi hi ! Cười sao cho được, cậu ?

— Ý ! sao không được ? Thôi thì em hãy kể cho qua biết tại sao em khóc ; thì qua sẽ làm cho em cười.

— Hi, hi ! Vốn vẹn có con sáo, làm sao cho được con bò, mà không khóc ?

— Cha chả ; em nói cái chi qua hiểu không đặng ?

— Cậu muốn hiểu thì hỏi má tôi, chớ tôi biết có bấy nhiêu ; mà cũng vì bấy nhiêu mà mẹ con tôi phải than khóc. » Nói đoạn lại cúi xuống khóc ầm ức rất thảm thương.

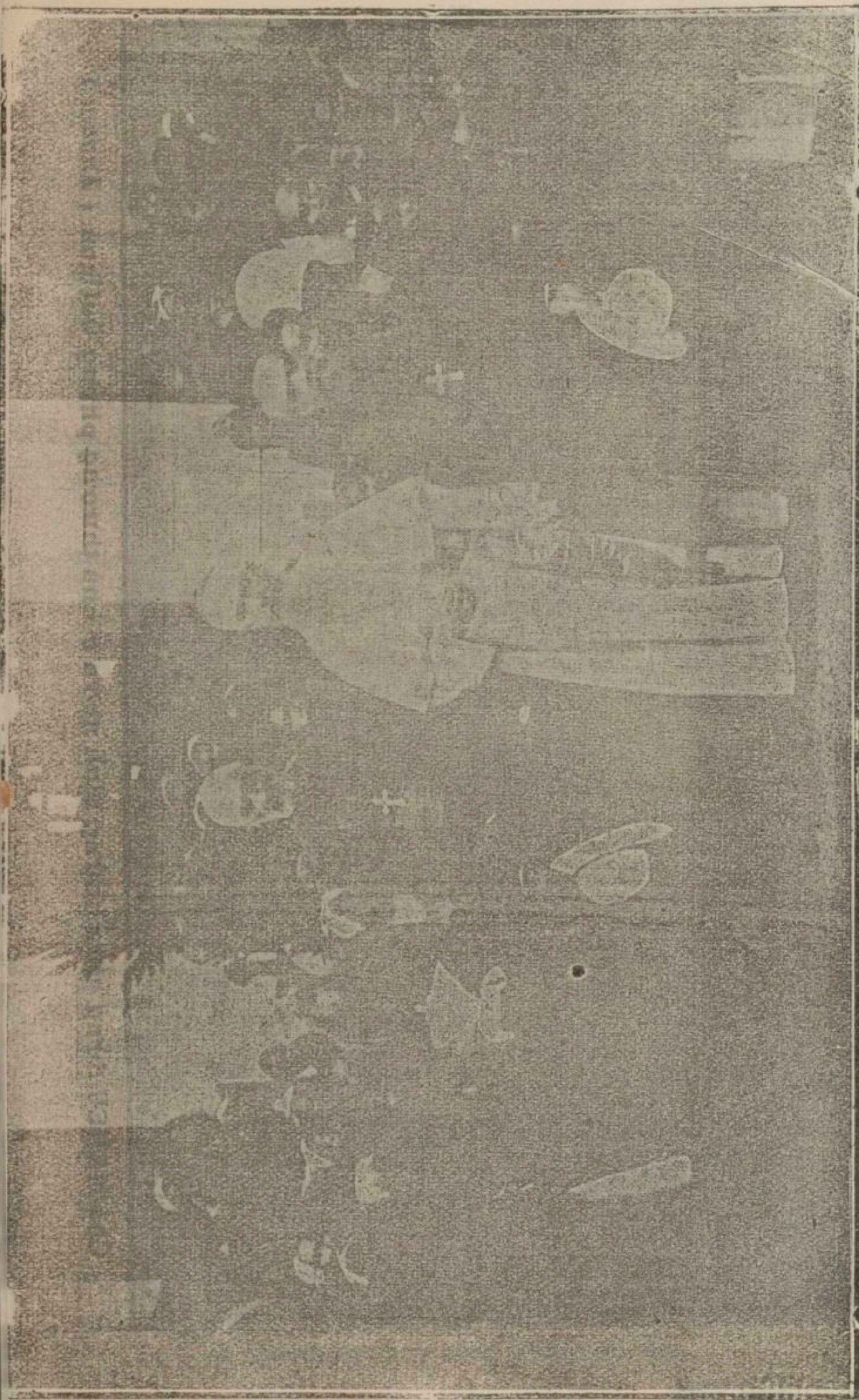
Cậu thợ X... bỡ ngỡ, muốn bước vào hỏi, thì thấy mẹ đứa nhỏ bước ra, mặt mũi ưu sầu kêu đứa nhỏ : « Con đừng có leo mếp thầy lay, nói việc nhà mình cho kẻ khác. Hãy vào đây cho mau. »

Anh ta nghe vậy sững sờ, bèn đáp : « Phải chi chị cho tôi biết công việc thế nào, có lẽ tôi giúp được mẹ con chị một phen kéo tội nghiệp. »

— Ôi, cậu có giỏi hơn quan toà hay sao ?

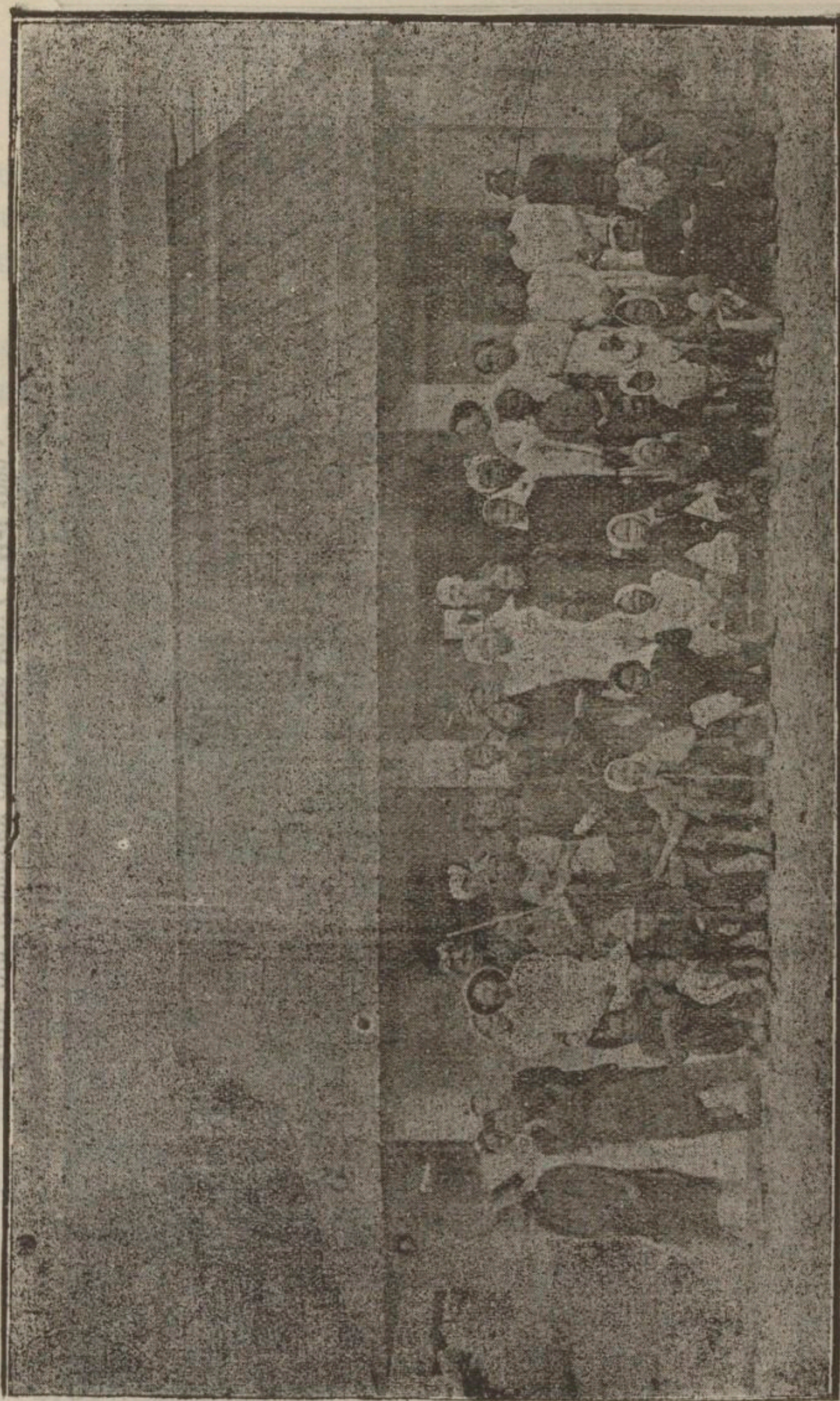
— Chị ơi, dẫu tôi không giỏi bằng quan toà, song nếu có thể giúp được, thì sẽ lo giùm cho chị.

Mẹ nọ bèn thuật : chồng tôi đi lính bị tử trận, mà chết khi chẳng phải liều thân. nên nhà nước không ban phần côi tử



Đức cha Phú, Đức Khâm-sứ. Đức cha Trung, Đức cha Thịnh.

NHON DỊP LỄ TRUYỀN CHỨC ĐỨC PHÚ (1 Mai 1930).



Cha MAHEU đứng giữa những bệnh nhân ở nhà thương phung Qui-hoà. (Annam)

quả phụ. Vì vậy tôi phải tay bồng tay dắt mấy đứa con kiếm ăn từ bữa, thật là thấm nảo mọi bề.

Vã chồng tôi có người anh ruột chẳng con cái gì, làm ăn cũng khá giàu, mà bõn tin thẳng đầy tớ, nên của cải bao nhiêu nó lén tóm thâu ; khi anh mạng một còn có con bò đực to và một con sáo đã biết nói. Trong tờ chúc ngôn anh viết rằng : Giao con bò và con sáo cho tôi bán, rồi giá bạc con bò thì phải giao cho thẳng đầy tớ ; còn giá bạc con sáo thì về mẹ con tôi. Cậu ơi, thế tình làm vậy ai chẳng ngồn ngang thấm nảo ? Phải chi mẹ con tôi được giá bạc con bò, thì lấy buôn bán cũng được vừa ấm no ; chỉ như giá con sáo là bao, mà hồng trông cậy ?

— Không sao đâu, chị. Nếu chị bằng lòng để tôi liệu, thì chị sẽ được như ý muốn.

— Cha ôi ! nếu được vậy tôi cần lắm chớ ? Vậy cậu tính sao được, thì mặc ý cậu.

Thợ ấy về vài bữa, tới biểu đứa nhỏ xách lồng đựng sáo, còn va dắt con bò và cầm tấm bản. Ra đến chợ phiên anh ta treo tấm bản vẽ với sơn thếp khéo léo lắm. Giữa tấm bản đề giá bò và sáo rằng : « Giá con bò 1 \$ — Giá con sáo 50 \$. »

Người ta vũ lại coi đông nức ; ai cũng rằng : « Thiệt kỳ cục sao giá con bò thì rẻ mà con sáo lại đắt như thế. Thôi, tôi ưng mua con bò 1 \$. Bạc đây chú hãy giao bò. »

— Ổi dễ chưa ? Tôi bán cả hai một lượt, vì hai vật bấy lâu làm tôi một chủ, đã quen biết và thương yêu nhau, nếu rày phân rẽ ở riêng, nó nhớ nhau sẽ phải mòn hao rũ liệt, mà thiệt cho chủ mua ».

Sau hết có kẻ xét con bò đực thiệt tốt giá đáng hơn 50 \$; thì đành lòng mua cả hai ; vì 51 \$ thật là giá con bò, còn con sáo là như đồ thêm đó thôi.

Vậy anh ta giao 1 \$ cho tên đầy tớ ông kia ; còn 50 \$ cho mẹ con bà nọ y như lời trong chúc ngôn. Tên đầy tớ dấu tức mình mà chẳng làm chi dạng, vì đã lãnh bạc giá bán con bò.

Ấy mưu thần hơn ngụy kế là nhằm đó vậy.

KIỀU-NGỤ.

Con mèo cốt phật.

Con mèo ta nuôi ở trong nhà để giỡn chơi cho vui vì giống nó tính nết sạch sẽ và dễ thương, lại giỏi nghề bắt chuột là loài dơ nhớp hay phá hại áo quần, gặm khoét bàn tủ và làm ô huế phẩm thực của ta : lắm khi lại truyền-nhiễm bệnh dịch hạch hại ta và loài vật khác nữa.

Con mèo nuôi chơi có ích lại vui, mà dùng thịt cũng dặng. Thịt mèo làm cho sạch sẽ và nấu màu mỡ cho khéo, thì cũng ngon như thịt thỏ rừng và trị dặng bệnh siêng nữa ; nên người Ấn-độ hay ưa xơi mèo. Ở nhiều nơi có lắm nhà hàng dùng mèo để thỏ nấu món xi-vê ngon lạ !

Ở bên Tàu người Hoa-kiều dùng thịt mèo nên thuốc và nói rằng cái nhau đầu lòng của mèo tam thể trị được bệnh ho lao, không biết có thật chăng ? người Hoa-kiều còn tin nhầm rằng : xác người chết nhắm giờ linh ứng mà có mèo nhảy qua ngang xác, thì cái thây ma đó sẽ bị quỷ nhập tràng thành yêu đứng dậy chạy quanh nhà phá tán ghê gớm lắm. Đó là dị đoan vô lý ở bên Tàu đưa sang ta chẳng nên tin bậy.

Ở Ai-lao người Lào tin con mèo là cốt phật, nên trọng đãi và tôn kính lắm. Hỏi sao thì họ nói rằng : thuở xưa ở Lào có nhiều bệnh hoạn nguy hiểm đã giết hại dân Lào khổ sở, sau nhờ có phật ra công tế độ nhơn dân, mới đầu thai làm sãi phật để chữa bệnh tật và cứu giúp người Lào. Một bữa kia sãi phật mệt mỗi năm queo xó chùa ngủ quên, rủi có con quỷ chuột đi qua thấy vậy mới rình đến khoét mắt sãi phật ăn chơi ; may sao lại có con mèo cốt phật vừa tới, mèo liền cắn cổ chú chuột xơi no một bữa rồi liếm mắt cho sãi phật hết đau, lại sáng rõ như trước. Sãi phật tỉnh dậy biết ơn chú mèo mới truyền rằng : « Con mèo là cốt phật đã cứu chữa thân ta, thì cũng như tái sanh ta một lần nữa, ta thương kính con mèo như mẹ ta vậy ». Từ đó về sau dân Lào mới sùng kính con mèo chẳng hề dám ních thịt và đập đánh bao giờ.

Trí thức hẹp hòi sợ xằng tin sai như vậy ngày sau toả mắt văn minh chắc là sẽ bỏ thói tục dị đoan vô ích.

Focgane.

Giải trí.

Trả lời bài đố việc bà con số 1 (trang 35)

Hai đứa bà con với nhau cả hai bên nội ngoại : số là hai chú cháu cưới hai chị em — Chú sanh hạ thằng 7 tuổi ; cháu đẻ thằng 10 tuổi. Bây giờ cứ xét lời hai đứa khai :

1° — Lời thằng 10 tuổi. Nó kêu cha thằng 7 tuổi là *chú*, ấy là *chú ông*, vì là chú ruột cha nó ; kêu mẹ thằng 7 tuổi là *dì*, vì là chị mẹ nó. Nó lại nói thằng 7 tuổi nó là *anh*, ấy là *anh vị* hay là *anh con* ; *anh vị*, vì nó lớn hơn thằng kia ba tuổi, không lẽ thằng nhỏ tuổi kêu đứa lớn là *thằng*, nên phải kêu theo con, gọi là *anh con*, nghĩa là giả như đứa nhỏ ấy có con, thì con nó phải kêu thằng lớn ấy là *anh*, nên tục gọi là kêu *theo con*. Sau nữa thằng 10 tuổi kêu thằng 7 tuổi là *chú*, vì là em chú bác với cha nó. Vậy thằng 10 tuổi nói nhảm.

2° — Lời thằng 7 tuổi : nó kêu cha thằng 10 tuổi là *anh chị* cũng được, vì là anh em *chú bác* ; kêu là *giuông dì* cũng xong, vì là bà con *bạn dì*. Còn thằng 10 tuổi kêu cha mẹ thằng 7 tuổi là *ông bà*, thì phải, vì là *ông chú* hay là *chú ông*, như đã nói trên ; còn kêu là *giuông dì*, vì là bà con *bạn dì*. Sau hết thằng 10 tuổi kêu đứa 7 tuổi là *chú*, thì nhảm và có kêu *anh* cũng được vì bà con phía mẹ. Vậy thằng 7 tuổi nói nhảm và trúng thiệt. Ấy vậy cả hai đều nói phải chẳng sai.

Giải bài đố số 2 (trang 35)

Người ta lấy bớt nước 2 lần là :

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{4} = \frac{4}{12} + \frac{3}{12} = \frac{7}{12} \quad \text{nước trong thùng ấy}$$

$$\text{Còn lại} \quad 1 - \frac{7}{12} = \frac{5}{12} \quad \text{phần thùng}$$

$$\frac{5}{12} \quad \text{phần thùng bằng} \quad \frac{1}{7} \quad \text{bởi} \quad \frac{7}{12} \quad \text{nghĩa là}$$

$$\frac{1}{12} \text{—thùng và 16 litres. 16 litres ấy là} \quad \frac{4}{12} \text{—hay là} \quad \frac{1}{3} \text{—phần thùng.}$$

Vậy thùng ấy chứa được : $16 \text{ litres} \times 3 = 48 \text{ litres}$.

Giải câu đố số 3 — (trang 35)

1. Ngòi viết — 2. ngọn đèn — 3. một người qua cầu đội vò nước — 4. cái đèn có chụp — 5. muối — 6. hai con heo.

Điều nên biết.

Cách nuôi heo cho mập.

Muốn nuôi heo cho mập, thì mỗi bữa cho ăn chừng vài nắm lúa trộn muối. Lúa trộn muối phải làm như vậy:

Kiểm một cái thùng bỏ một lớp lúa lớp muối, làm cho đủ ăn chừng 2 ngày, rồi lấy tay vắt và chế nước trộn, lúa nở đầy thùng. Làm thử, dễ lắm.

Ép gà đẻ.

Có người Hồng-mao nuôi chim mới bày cách ngộ nầy làm cho gà đẻ có chừng. Là đóng một cái lồng, nhốt con gà lại và chặn cổ nó. Hễ khi nó đẻ một trứng, thì trứng liền rơi xuống, nghiêng máy bật ra, và con gà được chun ra thông thả. Thử vậy ba bốn lượt, con gà hiểu biết phải đẻ một trứng cho dặng ra. Nên hễ khi nào nó thấy cái lồng, liền lo đẻ một trứng. Cách nầy đơn lắm, hãy làm thử coi.

Gà mái hay hút trứng.

Muốn trừ nó, thì lấy vỏ trứng gà khô bỏ vào lò và tán nhỏ trộn vô đồ nó ăn. Thường gà mái hay hút trứng, vì trong mình không có vôi đủ mà thành ra vỏ, vậy nó phải kiếm cho được.

Gà săn chuột.

Muốn cho gà săn chuột giỏi, thì phải làm thế nầy :

Bắt chuột chết cho nó ăn cho quen, sau thì bắt chuột sống thả vào chuồng thì gà vẹt đều đuổi bắt ăn liền. Làm thế, nó ăn quen, sau nó thấy chuột thì săn tự nhiên.

Dùng nước mặn giặt đồ.

Thanh-diêm (*soude*) bỏ vô nước biển, thì nước đục ; vôi và đồng hoàng-thạch (*magnésie*) lóng dưới đáy. Muốn làm cho nước biển sạch giặt đồ được thì phải bỏ thanh-diêm cho nhieu tùy ý, làm vậy chẳng phải là cho muối trong nước lóng xuống hết cho mau, song làm cho nước có diêm-cường vừa phải.

Chuyến xe tối.

Mưa tuôn rí rả, gió thổi hắc-hiu, trên trời mây đen bay cuộn-cuộn, làm cho cảnh chiều mà quá thê bảy giờ hôm.

Trong nhà-ga Saigon-Mỹ-tho, hành khách giành nhau mua giấy, ngoài sân, bọn tiểu-công cãi-cọ tranh ăn.

Năm giờ thiếu 10 ! còn 10 phút nữa thì xe-hoả Saigon-Mỹtho chạy.

Lẽ thì tôi đề chuyển xe sáng sẽ đi Mỹtho cho khỏi gió mưa lạnh lẽo, nhưng nghĩ vì có việc rất cần, nên phải đánh liều, đi chuyển này cho kịp.

Tôi mua một giấy hạng nhì, bước lên xe vừa khỏi cửa, mưa tuôn như đổ. Hạng ba thì hành-khách khá đông, hạng nhì có một mình tôi với người Langsa về Chợlớn.

Đương cơn đông gió ồn ào, nước mưa tạt vào cửa kiến nghe như có tay người nhịp gõ, bỗng nghe một tiếng « hoét » vang dầy, xe-hoả thỉnh-thoảng giã Saigon đi Mỹ.....

Tới Chợlớn, người Langsa ngồi cùng tôi một xe bước xuống, một ông Annam bước lên, đầu vấn khăn đen, mình mang áo-lạnh, tư-cách nếu chẳng phải là phủ-huyện, ắt cũng là hội-đồng cùng là cai-tổng.

Thật, tôi tưởng chẳng sai, vì khi làm quen chuyện văn nhau xong, tôi mới rõ ông là cựu hội-đồng Văn ở về Phú-hự.

Hai bên chỗ ông ngồi thì nghinh ngang rương tráp, gói lớn gói nhỏ bọn bâng, cho nên ghế dài non ba thước, mà ông với đồ hành-lý của ông đã choáng hết. Tôi ngồi ngang ông, cả hai đương đàm-đạo ôn tồn, bỗng chúc tôi nghe một cái « Khoè », ngó kỹ lại thì ông đã cúi đầu, nhắm mắt (dễ nuôi dễ dỗ lắm).

Thôi, người ngủ thì tôi cũng ngủ, không lẽ ngồi mà nói chuyện với gió mưa cho lạnh. Tôi kéo bầu áo-lạnh lên cho ấm cổ, lấy nón kê đầu làm gối, nằm dài xuống, chấp tay lên ngực mà đợi con ngủ đến.

Không rõ, con ngủ đến hồi nào, tôi ngủ mê hay là tỉnh thức, nhưng mà có một lúc xe ngừng, tôi thấy cửa xe mở ra, mưa tạt vào cả lạnh. Kế một người cao-lớn, đầu đội mũ-đen

minh choàng áo-lạnh, bước vô, tay cầm một gói lớn ngoài bao giấy đen. Đóng cửa xe lại đoạn, người ấy rón rén bước lại gần ông Hội-đồng, ngó dáo dác trước sau, ngó tôi, rồi nhẹ nhẹ đề gói ấy lên trên gác.

Gió đã dịu hẳn, mà mưa thì càng lớn. Chắc là nhằm nơi đồng trống, nên xe chạy cả mau. Người đội mũ đen, cứ đi tới đi lui, dường như có việc chi áy náy trong lòng, khi thì đứng bước dòm trong mặt tôi, khi lại đứng ngó ông Hội-đồng đương « gục gặc ». Một đôi khi cũng kê mặt vào cửa kiến ngó ra, hình như nhìn chỗ hay là đón ai vậy. Sau hết, người ấy đứng trên đầu tôi một hồi, rồi mới chịu bước qua ngồi kề ông Hội-đồng mà hút thuốc. Tôi mảng lo sợ cho sinh-mạng ông Hội-đồng, mà cơ khờ thì thôi, ông cứ ngó trời chào đất !

Cách chừng một giờ sau, người đội mũ đen ấy đứng dậy, ngó ông Hội-đồng, ngó trước ngó sau ra tuồng kinh-hãi, bước qua ngó tận mặt tôi, rồi trở lại nhón gót lấy gói đề trên gác, mở cửa sổ ra mà ném. Đoạn nhẹ bước mở cửa ra đi, như tuồng đưa sát-nhơn trộm của.

Tôi nín thở, đợi cho người ấy đóng cửa lại rồi, tôi dòm lại ông Hội-đồng. Ôi ! thấy mà kinh tâm, tóc trên đầu dựng đứng.

Đầu ông thì ngất lên gục xuống, mặt mũi vấy đầy những máu, khăn đen cũng máu, trên áo nơi tay cũng máu !

Tôi tốc tả ngồi dậy, vừa mở miệng muốn la, thì ông cũng vừa mở mắt. Ông ngó tôi một cách hãi-hùng ông dòm lại ông, thấy máu vấy tay, lấm áo, ông rờ mặt, rờ khăn, cũng máu, liền la lên một tiếng ngã ngửa ra mà chết...

Tôi hoảng hốt cũng la lên, thì cửa xe mở lớn, hành-khách tràn vào trước sau chật cứng.

Ai nấy xúm lại, kẻ hỏi người tra, tôi điên đầu không biết đầu mà phân giải. Kế một chức-việc sở xe bước vào, tôi đọc tự sự sau trước chưa dứt câu, ông chỉ trong mặt tôi mà rằng : « Chú là người sát-nhơn ».

Rụng rời kinh khiếp chưa ! Tôi đương sáng-sốt như đũa mất hồn, bỗng đâu một người ngoài cửa xô lấn chen vào, và hô lớn lên rằng : « Đứa sát-nhơn là tôi đây »

Tôi cầm trí, coi lại là người đội-mũ-đen ném gói !

Người ấy tỉnh-táo nói rằng : « Nội đây không ai là đứa sát-nhơn, mà cũng không ai bị giết. Vì máu vấy nơi mặt ông nằm đây vốn là máu chồn, chẳng phải máu của ông trong mạch chảy ra mà chết... »

Mọi người đương ngo-ngáo trước cái án-mạng mặt-nhiệm này, thì người ấy tiếp rằng : « Số là tôi đi Tân-an thăm chú tôi, sẵn dịp, bọn tá điền săn được một con chồn mướp, sắc lông cả đẹp, tôi mới xin chú tôi đem về lấy da phơi khô, còn thịt thì xào lẫn uống rượu. Tôi gói giấy kỹ cang, nhưng rủi vì xe chạy động, máu chảy ra, lại cũng bõ tại tôi bất-cần, để gói ngay chỗ ông này ngồi, cho nên mới..... Thấy mặt mũi ông, tôi dãn lòng chẳngặng, lấy gói ấy ném ra ngoài, bước qua xe hạng-ba ngồiặng..... »

Nói tới đây ông nín chẳngặng, liền ré lên mà cười ngặt.

Bổng-chức thấy ông Hội-đồng Vân dụi mắt, lồm-cồm ngồi dậy, khóc ngặt mà rằng : « Chẳng còn ai chơi như thấy nữa.. »

E. ĐINH-VĂN-SẮT.

Cách phòng-bị bệnh ghíp.

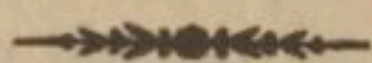
Nước Ta, từ mấy năm nay, phải bệnh Ghíp có lắm xứ dân gian chết nhiều. Con vi-trùng bệnh Ghíp (*bacille de Pfeiffer*) sống trong họng người. Đàm, nước miếng, nước-mũi đều có loài vi-trùng ấy ở.

Cách « lây » của bệnh Ghíp hiện nay y-học chưa được tường. Chỉ mới biết được hai sự này là chắc : một là lây bởi nước-miếng nước-mũi của người bệnh ho mà văng ra, hai là lây bởi sự vận-động nghĩa là bởi người qua kẻ lại, xe đi tàu về.

Bởi những cơ đó nên chi, muốn phòng-bị bệnh Ghíp phải để người bệnh nằm riêng một nơi, nếu không vì bộn-phận thời không nên qua lại gần ; phải dùng vị thuốc *huile goménolée* bôi trong lỗ-mũi để ngăn vi-trùng bệnh Ghíp ở ngoài bay vào ; phải nên xa những chốn đông người ; phải cấm chợ búa ; phải bãi trường-học ; phải bớt sự qua lại xe ngựa tàu-bè (3 sự sau này thuộc về cách phòng-bị chung cho cả xứ).

TRẦN-ĐINH-NAM.

Cách-trí thiết hành.



Hai cái đinh làm một cái kệ.



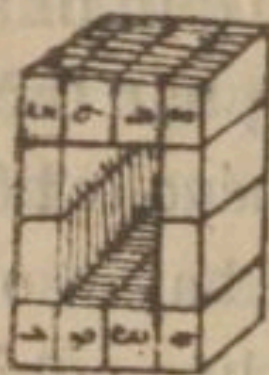
Muốn dùng cái bệ đóng vào vách cho cứng mà nhẹ đồ nặng như khuôn tượng ảnh, ván ván, thì lấy hai cái đinh đóng cũng đủ. Hai cái đinh ấy phải đóng như hình vẽ theo đây ; là cái đinh ở dưới phải đóng lún mà đầu đinh ở dưới phải đỡ đầu đinh ở trên. Đóng cách này đinh dính vào vôi chắc lắm không sợ rớt. Đinh dài 5 phân đóng vào vách vôi có sức chịu nổi đồ nặng 12 đến 15 kilo ; đinh dài 7, 8 phân đóng vào cây móc được đồ nặng 30 đến 50 kilos..

Bình tưới tự nhiên.



Thấy nhiều người hay trồng cây, hoặc bông hoa trong chậu kiềng chưng để trong phòng khách, hoặc trên bệ cửa sổ cho tốt, nhưng thấy cây ít bữa rồi héo chết là tại không tưới nước ; mà xách nước tưới, thì khó lòng lắm. Vậy xin bày cách này rất tiện, là sắm thêm một cái chậu kiềng khác to hơn đựng nước, rồi để cái chậu trồng cây vào đó, phải đặt chậu nước ấy cho kỹ, không thì nước khô mau lắm, và lấy một hoặc nhiều cái tim đèn để trong ống như cách lọc nước bằng dây tóc dẹt, làm vậy nước ở trong chậu nhỏ vào chậu bông. Phải tưới cho có chừng, có khi phải bớt hay là thêm ống tùy nghi. Khi đầu hãy nhúng tim trong nước thấm cho đều. — Lại cũng cách này mà tưới thùng trồng rau ngoài vườn cho có chừng cũng được.

Làm cái tủ nhỏ tiện không tốn tiền.



Lượm gộp vỏ ống quẹt không, để dành đóng cái tủ đựng đồ lặt vặt tốt lắm. Là cứ sắp vỏ ống quẹt lên từng ngăn theo như hình vẽ kiểu đây ; dán lại cho chắc, ngoài bao một lớp giấy cứng, chừa ở giữa cho trống khá rộng, và từ 3 đến 7 cái thì cho miếng cây ngang qua làm cầu đỡ mấy cái ống ở trên cho chắc. Làm bấy nhiêu đó thì thành cái tủ đựng đồ lặt vặt ; kim găm, ngòi viết, cục tẩy, giấy rỏ viết, đinh nhỏ. v. v.



Nghề nuôi vịt.

Nuôi vịt cũng là một việc đại lợi, vì vịt dễ nuôi hơn các thứ : tạp ăn và mau lớn mau mập. Vịt nuôi cho béo mà ăn thịt cũng ngon và bán cũng có lời. Nhưng xứ này người ta ít nuôi vịt mà bán con, chỉ nuôi 5, 7 con thả ăn dọc ruộng, lội bàu gần nhà để ăn thịt hoặc ăn trứng thôi. Mà nhất là người ta hay nuôi cả bầy cho tới năm bảy trăm, một ngàn con, có kẻ chăn đón, lừa đi ăn đồng nọ qua đồng kia, thôn này sang thôn khác, để lấy trứng mà bán ; ấy là nghề nuôi vịt.

Ai muốn nuôi vịt cho thiệt có lợi, thì nên biết những điều sau này : sự ấp trứng, cách nuôi vịt con, phép chăn vịt lớn, và việc muối trứng.



I. Sự ấp trứng — Trứng vịt cũng như trứng các loài chim khác : một đầu to một đầu nhỏ, lớp ngoài là vỏ bằng chất đá vôi, có nhiều lỗ nhỏ nhỏ thông không khí cũng như lỗ chun lông nơi da ta vậy. Lớp thứ hai là màng mỏng bọc lấy tròng trắng với tròng đỏ. Trứng có cõ thì ở tròng đỏ có một điểm trắng trắng, vịt con tượng hình ra cốt tại điểm ấy. Chỗ đầu to cái trứng, thì màng mỏng lóm vào, thành ra một khoảng không ; gọi là phòng không khí. Trứng còn mới thì phòng ấy còn nhỏ.

Đã nói : « Trứng có cõ thì nơi tròng đỏ có một điểm trắng, vịt con tượng hình cốt tại điểm ấy. » Vậy muốn lấy trứng mà ấp, thì phải nuôi vịt cõ cho vừa : cứ chục con mái thì một con cõ cũng đủ.

Còn vịt không biết ấp trứng, mà cũng không biết nuôi con ; muốn ấp ít nuôi chơi thì lấy trứng nó cho gà ấp ; một ổ gà ấp chừng 20 trứng. Bằng muốn ấp cho được nhiều, thì phải dùng cách ấp lò. Ấp lò nghĩa là sắp trứng vịt ở dưới, rồi hoặc tủ chiếu, đắp mền hay là đồ trấu đồ lúa lên trên cho ấm, v. v. có nhiều cách làm. Ở tỉnh Quảng-ngĩa nhiều người làm nghề ấp vịt lò mà bán vịt con. Họ làm thề này : đan những cốt tròn và để trống hai đầu như ống thổi lửa, bằng em em cái giỏ dâu, trét cứt trâu cho kín ; cốt róng dựng cốt cả hàng, dưới thì đồ một lớp trấu dày, lấy khăn vải bọc trứng vịt, mỗi khăn và i

chục trứng, rồi rang lúa cho ấm ấm cũng đồ vào khăn khác. Sắp vô cốt cứ một khăn trứng, thì trên đề một khăn lúa, đề vậy một buổi, rồi lấy ra sang qua cốt khác, cũng làm như vậy...

Cách ấp lò hay lắm : đã ấp được nhiều mà lại con vịt nuôi mau đẻ và đẻ bền hơn như sẽ nói sau.

Trứng vịt mau vữa hơn trứng gà, cho nên trứng lúa mà ấp không nên đề lâu : cho gà ấp thì lấy trứng chừng 9, 10 ngày cũng được : còn như ấp lò, thì phải lấy trứng nội 5, 6 ngày trở lại thôi.

Trứng vịt ấp chừng 28, 30 ngày thì nở. Như ấp lò phải làm cho khéo ; khí ấm phải 39 độ (39 degrés) là cao, không nên nóng quá. Muốn cho đều phải trở phải trộn trứng một ngày hai lần : coi như con gà nằm ấp trên ổ nó cũng lấy mỏ mà trộn trứng nó. Trứng vịt dày vỏ và ít lỗ hơi hơn trứng gà, nên phải có khí mát hơn : khi ấp được 15 ngày rồi, thì mỗi ngày một lần, hãy lấy nước ấm ấm thấm vào bông hay là rong đá mà thoa trứng ; đến khi còn chừng 7, 8 ngày nữa nở thì mỗi ngày phải làm như vậy vài lần. Thường trứng hay ung hay sát là vì nóng quá. Hãy coi khi ấp được nửa tháng rồi mà phòng không khí lóm vào một phần năm cái trứng, ấy là tốt ; bằng phòng không khí lóm vào quá, là dấu nóng nhiều, phải lấy hơi mát. Sự trộn trứng và thoa nước là hai đều cần cho trứng nở hết.

Đến chừng thấy có trứng khảy mỏ thì thôi đừng trộn nữa. Như trứng khảy mỏ sớm mai, đến xể nở, ấy là dấu mình làm kĩ ; bằng nở chậm hơn, là vịt còn yếu, bởi tại thấm nước nhiều khí lạnh quá ; như vịt con nằm yên trong vỏ không cựa, là dấu nóng quá, khô trong vỏ, nên con vịt sát dính vào vỏ.

Lúc trứng khảy mỏ thì nên giúp nó nở, mà phải làm cho khéo ; chẳng nên đập vỏ mà đem nó ra liền, một hãy bẻ cho rộng miệng chút, cho nó dễ ra mà thôi.

II — Cách nuôi vịt con. — Khi vịt con mới nở, như ấp gà thì nên đề nó theo gà mẹ úm ấp 7, 8 ngày ; bằng ấp lò thì nhốt vào lồng, sấy chừng 24 giờ đồng hồ, rồi nhốt vào chuồng che cho kín gió đề cho có khí ấm, chừng 20, 25 độ trong mấy ngày đầu, sau bớt lần lần cho đến 10 độ. Tiết ấm trời và đương canh trưa không cần nhốt chuồng kín, vì vào màn màn cũng được. Chuồng phải quét hoài cho sạch, dưới nền phải đồ một lớp cát luôn.

Còn sự cho ăn. — Khi vịt con mới nở ra, thì trong 15 giờ

đồng hồ, phải đề dơi đưng cho ăn chi cả. Khởi 15 giờ rồi thì nhai gạo phun hơi hơi cho nó vài lần, đoạn nấu cơm tấm, sủ nước mà rưới cho nó một ngày hai lần. Cho ăn cơm tấm ba ngày, rồi nấu cơm gạo trộng cho ăn ba ngày, đoạn cho ăn cơm gạo lúc cũng ba ngày ; sau nấu lúa cho ăn một ngày, rồi cho ăn lúa sống. Trong mấy ngày đó phải mua tôm tép hay là cá vụn cho nó ăn giặm đôi khi. Cho ăn mỗi sống được nhiều lần chừng nào thì vịt con càng sõi và mau lớn chừng ấy ; không có mỗi sống, băm rong cho ăn đôi khi cũng được. Vịt trộng trộng, bắp, khoai, củ mì xắt nhỏ cho ăn cũng được. Ấy là đồ cho ăn thường dễ kiếm và rẻ tiền. Muốn cho vịt chóng lớn, chóng béo thì cho ăn kĩ hơn, như cơm trộn với sữa, với rau salade, trứng luộc, hoặc mua ốc, hào hay là mua thịt băm ra cho ăn... — Như thấy con nào hay cù rụ không sõi, thì bắt nhốt riêng kéo con mạnh đập phải nó, bắt con mỗi sống như sâu bọ, trùn dế, cá tép sống, nhái sống, mà nhử nó : hễ nó thấy con mỗi cựa chạy, thì tự nhiên nó chạy theo bắt mà ăn, ăn rồi muốn ăn nữa : tập như vậy thì nó sõi được.

Còn về nước. — Lúc vịt còn nhỏ đừng thả xuống ruộng xuống hồ, nhứt là lúc trời mưa, và chớ đề nước nhiều cho nó tắm lội tự ý nó. Phải đề máng hay là chậu trẹt trẹt mà đồ nước ít ít cho nó nhúng mỏ vào mà khởi ước lông. Vì vịt con lông con hay thấm nước và lâu khô : nhiều con bị ước lông lạnh mà quiu đi. Được vài mươi ngày mới nên thả ruộng đôi chút, mà đừng đề nó ở dưới nước lâu ; ngoài một tháng mới nên nuôi như vịt lớn. Chừng vịt vỡ tiếng đã rõ mái cồ, lúc ấy nó đã có thịt ăn ngon và bán có tiền, bắt vịt cồ bán lần kéo đề tốn ăn và nặng (đồng) bấy, đề nội con mái mà thôi.



III — Phép chăn vịt lớn. — Khi vịt được ngoài một tháng sắp lên thì dễ nuôi không hay chết nữa ; nó tạp ăn thứ gì cũng ních : lúa bắp khoai lang, củ mì, đậu phụng, cám dừa, rong, chuối... Cho ăn một ngày hai lần, như có ruộng nước, thả nó đi rông kiếm mỗi cua ốc, cá tép mà ăn thì càng mau lớn. Đương lúc mùa màng, không cần vãi lúa hay là cho ăn thứ gì, cứ lùa ra đồng cho nó kiếm ăn thôi. Vịt ăn no thì mua lớn lắm : vịt ấp lò quá 4 tháng rưỡi đã đẻ, còn vịt ấp gà tới gần 6 tháng.

Vịt nuôi ít trong nhà hễ cho ăn no và có nước non cho nó tắm lội, thì nó đẻ hoài ; còn vịt bầu thì đến mùa gặt nó mới đẻ,

chánh là mùa lúa tháng ba và mùa tháng mười. Nơi nào có lúa sớm lúa muộn, lúa gặt trái mùa cho khá thì nó cũng dễ ; cho nên thường vịt bầy hay chạy đồng xa, là có ý tìm lúa sớm hoặc lúa muộn, đã khỏi tốn lúa mà lại có trứng trái mùa, bán được giá.

Vịt đương mùa đẻ chẵn đón phải có ý tứ, phải biết cách chẵn thì con vịt mới đẻ đều khỏi trời sụt. Lúc lừa nó đi phải lựa đàn cho êm, bờ cho rộng : con vịt bầy đi đại lắm cứ vát mặt lên trời, mà bước thuộc lòng thôi. Đàn chật thì nó chen lấn, đập vảy nhau ; đàn dốc hay là có trồ có hục thì nó té vào, nhiều khi làm hư trứng, đẻ non ; hoặc bị sợ bị đuổi thì cũng đẻ non hay là mất đẻ đôi ba bữa. Vậy chẵn coi vịt đẻ phải tung tiêu nó cho lắm. Phân bầy cho nhẹ mỗi bầy chừng 300 con trở lại ; bầy đông quá vịt đẻ không đều. Phải biết cách chẵn : có hồi phải thả, có lúc phải ép nó ăn, và có khi phải đề nó đứng. Sớm mai mới thả, thì đề nó đi rộng ra, nó ăn tự ý ; đến 9, 10 giờ phải chặn gồm nó lại giữa cho nó ăn cho no ; gần trưa thì đề nó đứng bờ rửa lông rửa cánh, lúc này kẻ chẵn vịt hay kêu là lúc con vịt « làm trứng ». Đến xế vịt lại rông đi ăn, thì đề nó đi tự ý mà coi chừng nó thôi, đến chừng 4, 5 giờ chiều lại gồm nó lại cho nó ăn cho no, rồi lừa về chuồng. Chẵn vịt phải cho siêng mà chặn nó ăn mấy lúc ấy thì vịt mới đẻ được đều. Thường đều thì 100 đẻ chừng 95, 96 con ; không đều thì đẻ có bảy, tám chục, hay là sụt hơn nữa.

Chừng nửa đêm con vịt kêu ồ và ể, khi nào hết nghe kêu là vịt đẻ rồi hết, trừ một hai con đẻ sụt thì khi lừa đi hay lúc ra đồng mới đẻ, ấy là những con ăn không no, đã hết muốn đẻ nữa.

Vịt lớn, bất kì mùa nào ban đêm cũng ví mảnh mảnh cầm nó giữa trời cho mát, đừng nhốt gần bụi gần nhà kéo ban đêm hoặc chó mèo, chồn chuột, hoặc bóng cây làm cho nó sợ mà chạy dùa có lẽ hư trứng.

Đến lúc hạ đồng thì kiếm chỗ bàu hoặc sông suối, mà cầm cho có nước nó tắm và ăn cua ốc rong rêu ; lúc này phải vãi lúa bắp, khoai củ gì cho nó ăn, ít là mỗi ngày một lần gọi là vãi cầm xác (nghĩa là giữ cho nó sống đó mà thôi.) Một trăm vịt vãi chừng 7, 8 bác lúa. Đến chừng dòm coi lúa đồng gần chín, ruộng gần gặt thì vãi thúc nó mỗi ngày hai lần, vãi thêm lúa được càng hay đặt thúc con vịt cho sung khi lên đồng nó mau đẻ.

Nuôi vịt phải có đũa biết chẵn thì vịt mới đẻ đến ; mà đũa giỏi lắm thường hay gian lắm : nó ăn cắp trứng, bán vịt đôi vịt lấy tiền mà chủ không hay. Nên chủ vịt phải tập đếm vịt cho được, sáng thả ra chiều nhốt lại phải đếm coi cho biết mất còn. Lại vịt của mình phải làm dấu, rui lộn hay là bị bắt trộm thì có ngỗ nhìn : như hót một phía cánh, xấp vài cái lông đuôi. Nhưng mà sự hót cánh hót đuôi, sau nó thay lông phải làm lại ; thường muốn làm dấu một lần cho khỏi làm lại, thì lấy dao lấy kéo cắt dấu nơi vết chơn nó, muốn cắt dấu gì mặt thừa ý mình.



IV — Về sự bán trứng và cách muối trứng. — Trứng vịt tuy không ngon và không bở bằng trứng gà, song người ta cũng hay dùng hoặc ăn tươi, luộc, đồ chả... hoặc muối chớ bán đi xa. Mấy năm nay người phương tây cũng mua nhiều mà súc bỏ thuốc vào giữ cho khỏi hư mà chớ về tây dùng trong việc kỹ nghệ.

Người khách cũng hay muối chớ đi mà bán những nơi xa. Cách muối thế này : lấy đất thổ huỳnh (là thứ đất sắc vàng, nhiều nơi có), phơi cho khô, giã rây lấy đất bột, rồi cứ một gia đất bột bỏ vào thùng đồ nước khuấy cho sền sệt, lấy trứng vịt nhúng vào, đoạn lăn vào tro mà nắn bóp nó lại, sắp đồng cho khô, rồi chớ đi bán.

Trứng vịt bán thường kể chục mười hai, một trăm phải một trăm hai (120) kêu là chục ăn tiền... Giá nó hồi cao hồi hạ vô chừng : hồi những (ế rẻ) thì giá bốn mươi, bốn lăm. (nghĩa là 4 quan, 4 quan 2 tiền 120 trứng) hồi nổi (đắt nhẩy) thì 9, 10 quan.

Nghề nuôi vịt thật là cực khổ nhứt là lúc chạy đồng : dầm mưa giãi nắng, nằm đất gối rơm ; nhiều khi cầm trại đầu non góc núi, đem thịt phơi trước miệng hùm ! Những thấy nhiều người cũng nuôi cũng cam lòng chịu khó là vì nó lợi lắm : đến chừng vịt đẻ bán trứng lấy bạc sương tay thì quên hết nỗi khổ cực !

Th. Trứ.



Từ bức chăn heo lên tới chức Giáo-hoàng.

Lúc mùa đông năm 1531 có một thầy về dòng ông thánh Phanxicô đi ngang qua cánh đồng gần thành Montalte, bên nước Italie. Thầy ấy tới lùm cây, thì đứng lại nhắm hướng kiếm ngô đi, vì đã lạc đường, song chẳng gặp ai mà hỏi thăm. ngó xung quanh không thấy ngô đi nữa, thì bối rối trong lòng.

May đâu gần đấy có một con trẻ độ 12 tuổi đang chăn heo, thầy dòng bèn ngoắt, nó liền chạy lại.

Thầy dòng hỏi rằng : Con có biết đường đi tới thành Ascoli chẳng ?

Thưa cha, lạc ngô đã xa lắm, đề con dẫn lại trúng đường cho cha đi.

Trẻ ấy liền vội vàng chạy trước cách hơn hở. Thầy dòng thấy con trẻ khôn ngoan tử tế, thì lấy làm lạ mà khen thăm ; rồi nói với nó rằng : Con hãy đi gần bên cha ; con tên gì ?

— Thưa cha, con là Felix Peretti.

— Con mấy tuổi ?

— Gần mười hai tuổi.

— Cha con làm nghề chi ?

— Cha con chăn chiên ở xóm Hang.

— Còn con, sao lại giữ heo ?

— Cha mẹ con nghèo quá ! Trước con cũng chăn chiên, nhưng bối con làm mất hết hai con chiên, nên người ta giao chăn heo ít hay nhảy bậy.

— Vậy à ! Tại con không tử tế, nên phải chăn heo : con mắc lo ham chơi đề chiên đi lạc mất trong rừng sao ?

— Thưa cha không ! Tại vì con thường hay nghĩ...

— Con nghĩ việc gì !

— Con thấy hoa quả ngoài đồng, thấy trên trời rực rỡ tốt lành, thì con hay cầm trí suy xét, lại con cũng nghĩ những việc con chưa biết và muốn biết. Chớ chi con được thông thái như cha, thì con cũng đành chịu mất vài ngón tay con.

— Con muốn học như cha, thì phải làm thầy dòng, phải hãm mình, bỏ các sự vui sướng thế gian.

— Làm thầy dòng như vậy, thì con không sợ chút nào.

— Ở con Félix ! Con chớ ngã lòng : Ít lâu nữa con sẽ được như ý con ao ước.

Con trẻ tỏ bộ vui mừng hơn hở lắm mà rằng :

— Vậy cha bằng lòng lo cho con hay sao ?

— Bằng lòng lắm. Cha thấy con có trí. Như ai mà lo dạy dỗ con, liệu thể cho con học, chắc ngày sau con sẽ làm cho kẻ ấy được phước lộc mọi đàng.

— Cha chắc như vậy, sao cha ?

Cả hai đi một đôi xa, cứ làm thình, Trẻ Félix cứ ngẫm nghĩ hoài.

Bấy giờ thầy dòng nói với Félix : Giã ơn con cha đã biết đàng rồi, không sợ lạc nữa, xin con trở lại, cha hằng nhớ đến con luôn.

Félix chấp tay thưa rằng : Ở cha !

— Con muốn xin đều chi cùng cha ?

— Xin dẫn con tới thành Ascoli.

— Khó lắm con, đề cha xin phép các đấng bề trên đã, thì mới được... nhưng mà con phải về mà trình cho cha mẹ con hay.

— Xin cha viết thư mà nói thì đủ. Việc con đi làm mướn vậy đó, không bao lắm đồng tiền, nên con có đi, thì cha mẹ con nhẹ lo.

— Còn bầy heo con chăn thì sao ?

— Nó biết đàng, nó sẽ về chuồng chẳng hề chi.

Thầy dòng không chịu, song Félix cứ năn năn xin mãi. Khi Félix thấy thầy dòng gần chịu, thì chạy đi trước.

Thầy ấy bèn nói rằng ; Thôi ! nhờ ơn Chúa giúp ! Và cứ việc theo Félix.

Thầy dòng gặp trẻ chăn heo nói đây, có tiến giảng hay lắm ; người đến thành Ascoli mà giảng mùa Chay cả. Người dạy các thầy dòng thánh Phanxicô lãnh nuôi trẻ Félix này. Còn cha mẹ vừa nghe tin con, thì bằng lòng phú giao con cho các thầy.

Vả thầy ấy còn ở giảng đó, hằng tỏ lòng thương trẻ Félix và rảnh hời nào, thì lo dạy dỗ luôn. Félix có trí sáng lạ lùng,

nên học mau lắm cùng có trí nhớ chẳng 'ai bằng,' Félix ở tại dòng mà học mới hai năm, song nghe đọc các sách bằng tiếng latin, thì cắt nghĩa cũng bằng tiếng latin tức thì.

Sau Félix đã đặt mặc áo dòng, lại chẳng khỏi bao lâu được chịu chức thầy cả, đi thi đậu tú tài và tấn sĩ. Người giảng có tiếng nên mọi người đều muốn đến nghe.

Năm 1570 được chức Hồng-y và năm 1586 được bầu làm Giáo tông, lấy hiệu Sixtô thứ năm.

Dẫu người đặt quờn cao chức cả, mà hằng nhớ mình xưa là dòng hèn hạ chẵn chiên.

Cách ít lâu người chị Ngài, tên là Camilla, đến thành Roma cho đặt thăm em ; người ta bày bà ấy ăn mặc đồ sang trọng vào chầu, thì ngài giả lơ mà phán cùng các đức cardinale rằng : Bà này chẳng phải chị cha ; vì cha có một người chị nghèo khổ ở hang Montalte ; còn người này ăn mặc sang trọng như thói các bà Roma, thì cha chẳng dám nhìn. Nếu có phải thật là chị muốn đến thăm em, thì phải ăn mặc như thường cách kiêu nhà quê, thì cha mới nhìn là chị.

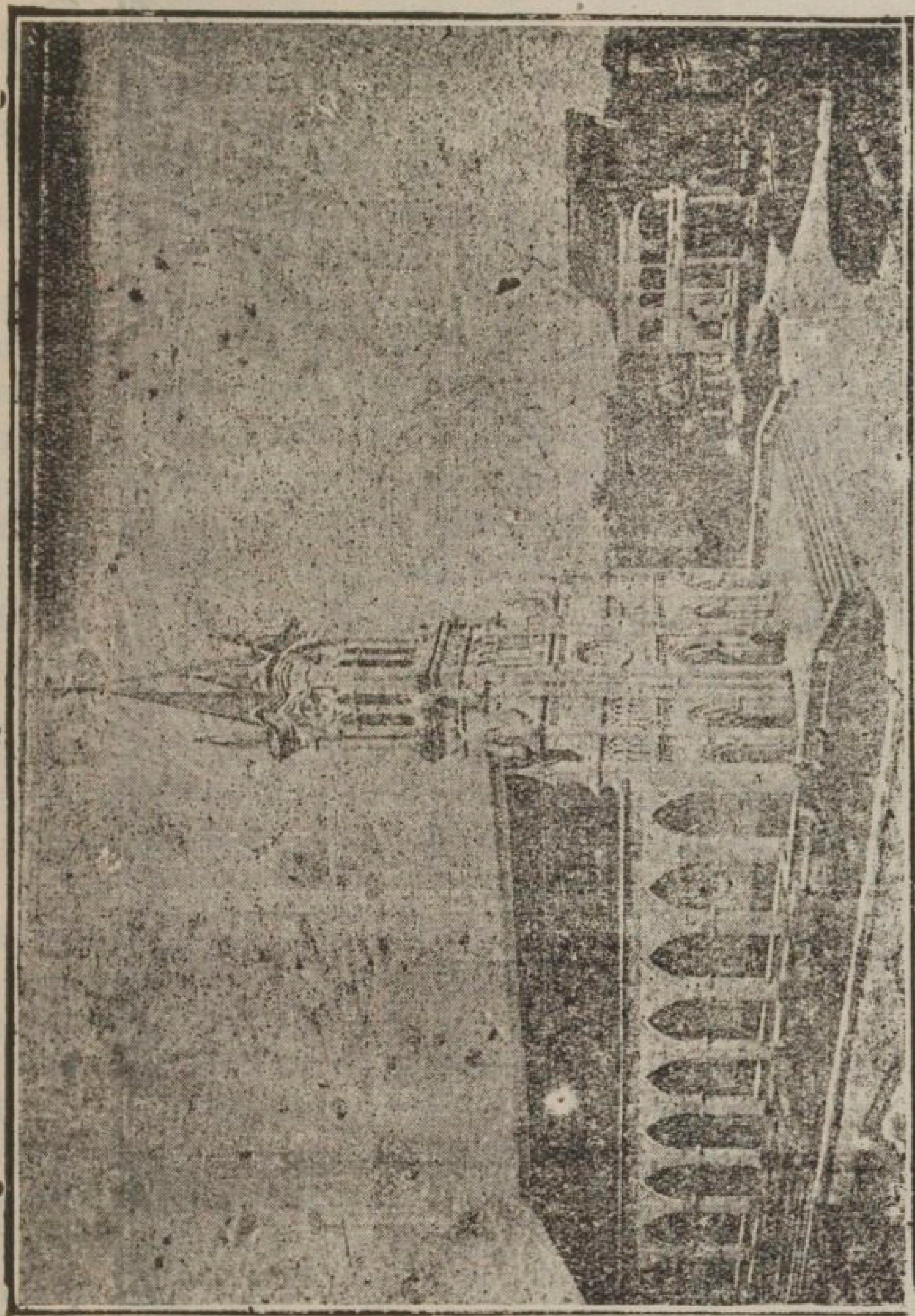
Ngài phán bấy lời, liền vào phòng. Qua bữa sau bà Camilla vào đền Vaticano ăn mặc đơn sơ như thường, thì ngài ra rước mừng và phán rằng :

Chị bây giờ mới thiệt là chị tôi. Cùng đã cấp nơi riêng cho ở trong đền.

Ấy ta coi : Hội thánh Chúa chẳng có chuộng dòng sang trọng, lựa người quyền quý mà chọn lên chức lớn ; một chuộng bề nhơn đức mà thôi.

Vả đáng đã được lên chức cao trọng dường ấy, mà chẳng hồ người xưng mình là dòng dỗi hèn hạ, thật là gương khiêm nhượng lạ lùng.

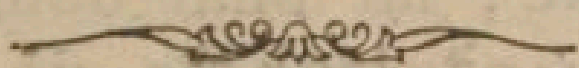
Sau nữa các trẻ đồng nhi dẫu thấy mình nghèo khổ, thì chớ ngã lòng, hãy ra công tập tành nhơn đức, cùng siêng năng học hành, ắt có ngày Chúa đoái thương, mà ban ơn cho được phần vinh hiển.



Thánh đường và nhà cha sở Tourane (*Annam*), cha Vallet kiến tạo năm 1925.

Vườn cảnh và nhà trường Gagelin ở Kim-châu (Bình-Đinh — Annam)

Thuật chuyện hai người bị Mọi bắt.



Nguyên lúc trước hai anh em tôi ở tại tỉnh Quảng-nam, ngã nguồn, gần phía Mọi Trà-my. Cha mẹ tôi và hai anh em tôi đều chuyên nghề rẫy bãi, trồng đậu, giâm khoai. Tôi tên Cần, em tôi tên Lợi.

Năm nọ, nhằm lúc mùa bòn khoai, cả cha mẹ tôi và hai anh em tôi đều lên rẫy đào khoai. Chẳng may đương khi mấy bà con tôi đương lui cui, kẻ lật người đào, thỉnh lình đâu trong núi chạy ào ra một bọn Mọi. Hai anh em tôi không ai kịp đếm được là mấy đứa, song tính phỏng cũng ước được ba mươi. Đứa cầm giao, mang ná, đứa thì xách mác cầm khiên; chạy xông lại bắt bà con tôi. Khi ấy anh em tôi thất sắc, chỉ đứng sững đó mà phú mạng cho nó. Còn cha tôi, chỉ còn cái rựa cụt nơi tay, cũng ra sức chống cự; song một mình không thể nào mà chống lại đảng đông; nên nó đâm một mũi mác ngang ngực chết dụi. Còn mẹ tôi đã yếu lắm, nên nó bỏ đó, mà dắt anh em tôi đi cách hơn hở bộ tịch như cọp gặp mồi.

Chúng nó dẫn hai anh em tôi đi riết tới đứng bóng, mấy ả ngừng lại nơi bóng mát gần cái suối, lấy cơm trong gùi ra ăn. Anh em tôi phần thì nhớ mẹ thương cha, phần thì chùn cẳng đã rũ rịch, song cũng rán mà bộ ba hột cơm nguội với chúng nó. Ăn rồi lại dẫn anh em tôi xuống suối uống nước, chúng nó cũng tắm luôn thề. Tắm rồi, lại dẫn đi riết hơn nữa, vì chúng nó sợ chiều không tới nơi, nên anh em tôi phải nong sức mà theo, mệt mỏi quá đổi.

Tới chạng vạng mới đến làng, hai anh em tôi phần thì lạ chỗ, lạ người; lại nó nói chi cũng không nghe được. Đêm ấy hai anh em tôi những bồi hồi lo sợ, không biết mình sẽ bị nạp thịt cho Mọi hồi nào. Phần thì Mọi vũ lại xung quanh hai đứa tôi mà coi, và trầm trồ như cách muốn ăn thịt vậy. Bối sợ hãi lắm, nên ngủ cũng không được, cứ trông mau sáng. Đến sáng ngày, nó lại cho ăn cơm sớm, rồi dẫn đi nữa. Đi từ sớm mai cho tới quá trưa, qua một hòn núi, tới một chỗ Mọi nữa. Chúng nó bán hai đứa tôi cho Mọi này, mà lấy hai cái ghè.

Anh em tôi ở đó cũng gặp nhiều người Annam bị bắt như vậy. Nhờ có mấy người ấy ở làm tôi tỏ cho Mọi đã lâu, nên thạo tiếng và thói phép của Mọi hết, và nói cho anh em tôi biết Mọi này là Mọi Sedang.

Anh em tôi ở đó cũng làm tôi Mọi Sedang cách khổ cực như mấy người khác ; lại phải đóng khố giùi tai, cà răng, không khác chi Mọi. Xứ này lạnh lẽo, gió mưa khổ cực hơn dưới ta nhiều ; mà lại ở trần không quen, càng khó chịu hơn nữa. Mùa hạ dọn rẫy, nó cũng bắt mấy đứa tôi đi phát chồi trên núi : dọn rồi đốt lửa, trời mưa xuống thì lại lo cuốc đất. Cuốc đất thì cuốc bằng cái lưỡi yết nhỏ, tra vào cái móc le mà cuốc rẫy, chớ cũng không có cuốc như Annam mình. Trâu bò cũng không có, cày bừa cũng không biết. Cuốc rồi cặm lỗ mà tria. Mùa tria rồi về nhà ăn uống chơi nhởi trong một tháng, rồi lại trở lên rẫy làm cỏ.

Khi lúa chín, nó cũng giao cho mấy anh em tôi mỗi người mỗi cái gùi, biều đi gặt lúa. Ban đầu, tôi tưởng cày bừa không biết, chớ chắc cũng biết gặt, hay là cắt ; ai dè gặt lúa không liêm, không hái ; cứ mang cái gùi phía trước ngực, rồi hai tay suốt lúa vô. Bối nghề nghiệp chúng nó đã cố nhiên, nên không đứa nào phản nản than thở : còn phần anh em tôi không quen suốt bao giờ, nên lấy làm rác tay khó chịu quá. Suốt xong, đem về đồ vô vựa, không phơi, lại không lường, không dè không sảy gì cả. Từ khi gặt lúa rồi, cho tới mùa năm sau, thì bỏ rẫy trống không. Cứ lo ăn uống và làm nhà ; hễ nhà nào hư, thì lo xúm nhau làm lại ; làm rồi, lại còn lo ăn đám về nhà mới, đánh trống ròn chiêng, làm dê vật heo ; nhà này xong tới nhà khác.

Lại cũng có phù thủy, đàn ông cũng có, đàn bà cũng có, đi nhà nọ nhà kia, bày sử chuyện này việc khác, hoặc nói ma quỷ bắt, phải mấy heo mấy dê mới được, hoặc bày chuyện cúng ông bà để có rượu thịt mà xức. Lại cũng còn tin nhiều việc dị đoan khác, như đem cơm nước bỏ nhà mả cho kẻ chết ; lại có chỗ lại bỏ xác chết trong hòm mà treo trên cây cao trong rừng chớ không chôn. Khi thấy nguyệt thụt, nhụt thực, thì đánh trống, bắn ná trong rừng, để chữa ông bà đánh lộn với nhau.

Mọi Sedang cũng hay cúng bằng người ta nữa ; như một bừa trong năm nó lập nhà rông lại ; tựu hội các làng Mọi lại mà ăn uống, đêm ấy có hơn hai ba chục bộ chiêng, mười một mười hai cái trống, vì nhà rông là nhà nhóm chung, làng nào cũng có một cái nóc cao lắm. Khi cúng xong, thì bắt một người Annam trong bọn tôi tới nó bắt đó, mà bỏ xuống lỗ, rồi ở trên sấm sửa đồ đặc, ăn uống say mê, ròn chiêng trống rân

bắn hú hét sáng một đêm. Tới gà gáy, thì mấy người già cả hơn, đứng gần lỗ hơn mà bỏ cây cột to xuống, hễ máu văng lên trúng ai, thì nấy được làm chủ làng. Lại thường hay giồi mài tên ná để đánh giặc.

Anh em tôi thấy có người đã bị vậy, thì sợ hãi lắm, vì tưởng mình có ngày cũng bị làm chết cách đó rứa chẳng.

Mọi Sedang hay làm nhiều việc cách dễ sợ lắm, nên anh em tôi thường khi đi làm việc trên rẫy, hay bàn với nhau đi trốn.

Có một hôm, nhằm mùa làm cỏ, mà bữa đó trong làng có người chết, nên Mọi ở nhà ăn đám chết, không đưa nào lên rẫy.

Nhơn dịp tiện, mấy đứa tôi rủ nhau, bẻ mỗi người vài chục trái bắp tươi bỏ vô gùi rồi đi trốn. Mấy đứa tôi, đang sá lẹ lung, bốn phía đều thấy rừng rậm, núi cao, cây cối loạn thiêng, dưới chơn đang mòn dầy treó, chẳng biết hướng nào mà đi cho tới dưới Annam.

Phần thì sợ chết đói dọc đường, vì mấy trái bắp không đủ gì. Nhưng mà cũng liều mạng mà đi. Cứ dọc theo mé sông mà xuống lần. Lúc ấy, anh em tôi cũng có bụng mừng, vì tưởng mình khỏi phải làm tôi lũ Sedang nữa.

Chẳng dè đi ước chừng được một buổi đường, gặp năm đứa Mọi đi bứt mây về, chúng nó bắt cổ mấy anh em tôi lại mà đem về cho chủ. Bấy giờ chúng tôi mới lấy làm sợ hãi hơn nữa, vì nhiều người chẳng có lỗi gì mà còn phải bỏ xuống lỗ cột mà giết, huống chi mình đi trốn mà làm sao khỏi phải chết. Mà nhờ ơn trên, khi lờ nhà, người chủ nói với mấy đứa tôi rằng : « Chúng bay ở đây đã lâu ; không thấy tao bỏ anh em Annam bay xuống lỗ cột, sao mà bay còn cả gan đi trốn làm vậy ? Một lần nầy, thì tao tha cho bay ; như có trốn một lần nữa, mà tao bắt lại được, thì chắc bị ăn thịt, vì thịt Annam ngon lắm. Nhưng vậy cũng phải phạt chúng bay một ít cho chừa » ; rồi nó biểu Mọi khác bắt mấy đứa tôi, trói mỗi đứa vào mỗi gốc cây mà đánh, mỗi đứa hơn ba chục roi mây dài.

Từ đó trở về sau, dầu mà cực khổ cách nào, anh em tôi cũng rán mà chịu, chẳng dám trốn nữa.

Theo thói phép Mọi, Mọi trai từ lúc mới có trí khôn thì bất kỳ giàu nghèo, cũng phải tỵ tới nhà rông mà ngủ, không phép ngủ nhà, cho đến khi có vợ thì mới thôi, bằng ai không vâng thì phải vạ. Anh em tôi, đêm nào cũng phải tới đó mà ngủ.

Mọi Sedang trót cả năm cứ lo rên dao, chuốt ná, vót tên, chỉ không là có mùa lúa mà thôi. Vậy nên việc đánh giặc thì Sedang giỏi nhứt.

Như có một năm kia, không biết năm nào vì việc tính năm tháng ngày giờ ở Sedang không hề biết.

Khi Mọi nghe tin rằng : một ít lâu sẽ có một quan tây (*) ở Attopeu đến Sedang, thì Mọi sợ hãi, đánh trống rân bần ; lại lên rừng cao lựa cây to có bông mà đánh cho các làng Mọi biết mà hội hiệp lại, rào hết bốn phía làng cách chắc chắn lắm : trong rào khít một lớp cây cao, ngoài lớp cây thì lại cắm chông hơn chục sải đất rộng, ngoài lớp chông lại rào cây nhọn nữa và gài mang cung. Còn ngoài rừng thì chẳng chỗ nào mà khỏi chông, chỉ trừ có một cái đường hẹp để đi xuống vọt nước mà thôi. Lại còn nhiều chỗ đào hầm, dưới hầm cắm chông, trên bờ một ít cây nang tre, rồi rải cỏ lên để cho người ta sụp mà chết. Các làng Mọi đều ở trong rào ấy của cái chi cũng để trong đó cả.

Phần mấy anh em tôi thì chúng nó lại đem trong rừng xa mà cùm lại hết, ở đó cũng có Mọi giữ, vì sợ quan tới bắt An-nam hết đi chẳng.

Tôi xin kể sơ qua cái cùm mọi Sedang cho quý ngài nghe chơi : cái cùm chỉ có hai cái cây tròn, chỗ nào để chơn, thì có khắc cái khuyết, hai đầu cùm thì bó vào hai gốc cây.

Lại còn cái gông cũng lạ, là cái nhánh cây chia ra hai nhánh bằng nhau, ngoài đầu hai nhánh ấy đục hai cái lỗ mà tra cái then qua, cho nên cái gông có ba góc mà thôi.

Lúc quan ấy tới mà còn ở xa xa, thì thiếu đồ ăn, nên phải sai lính về hơn một nửa mà mua đồ. Ông quan cũng có đem theo nhiều đồ để đổi đồ ăn cho Mọi, song thấy cách Mọi làm dữ, thì không dám tới gần.

Nhơn lúc ấy, thì Mọi sắm sửa giáo-mác ná tên, và ba trăm người đánh giặc tới đuổi Quan ấy.

Bởi không có lính đông, nên Quan ấy phải trở lui.

Mọi cứ rượt theo riết cho tới ba ngày, phần nhiều người lính bị Mọi đâm, sụp hầm, vướng chông mà chết, còn ông Quan thì ba ngày không ăn một hột cơm, đồ đạc chi đều bỏ hết, chỉ lo đem theo một ít quyền sở, và đôi ba tờ địa đồ chi đó mà thôi.

(*) Quan Odend'hal ở bên Siam đi dạo trong xứ Mọi ước chừng tại năm 1890.

Mọi theo Quan ấy đã lời sông Đắc Mỹ (Dak-mih) gần Lào mà bắt không được nên chúng nó trở lại.

Lúc về làng thì có khiêng về hai thùng đồ của ông Quan, mở ra cách mừng rỡ lắm.

Trong thùng có nhiều đồ ; áo quần tây vàng, giày tây, mũ tây, khăn rằn, và cũng có một ít bạc giắc.

Mọi mừng rỡ, đưa thì bận áo tây, bịt khăn rằn, đưa thì mang giày, bận quần chít, đưa thì đội mũ, mang tất, nhảy múa ăn uống ba ngày ba đêm. Còn bạc thì mấy người có chức trong làng chia nhau hết. Ăn uống xong, tản nhau ra làng nào về làng nấy.

Chỗ Sedang nhiều núi rất cao, không có chỗ nào bằng phẳng, khí hậu thiệt là lạnh lắm, chỗ đó một chỗ có sắt, Mọi quen lấy rèn đồ, lại có nhiều quế tốt, Mọi hay đem ra Quảng-nam mà bán lấy dĩa xua, ché xua, bây giờ ở Kon-tum có nhiều ché, dĩa của Sedang đem bán tốt lắm.

Người Sedang đã gang đồm, lại muốn ở tự do trên mấy chóp núi cao, không chịu từng phục ai. Anh em tôi ở Sedang ước chừng hơn mười bảy năm, có một năm, khi nhà nước Pháp mới lên lập đồn tại chỗ Kotu, một quan pháp lên trị tại đó được một ít lâu. Bữa kia khi lính đi làm việc nơi xa hết, còn một mình ông quan ấy ở nhà với một vài người lính canh mà thôi ; thừa dịp đó Mọi xông vào cướp lấy hết đồ nữ trang của vợ ông quan ấy (người đồn bà Annam) lại chặt bà ra làm ba đoạn, còn ông quan thì thối kèn rút lính về tiếp cứu, song lính về tới đồn thì Mọi đâm ông quan ấy đã được hai mươi bốn vết nặng, rồi bỏ đó mà chạy. Lính liền khiêng ông quan ấy lập tức về nhà các Cha giảng đạo tại Kon-tum, vì lúc ấy chưa có nhà thương nào ở Kontum cả.

Các Cha lo chăm sóc thuốc men kỹ lưỡng lắm, song không sống được vì đã nặng quá, nên cách ít ngày, thì ông quan một ấy qua đời, xác táng tại Kontum.

Anh em tôi thường nghe lính nói ông quan ấy tên là Rô-be (Robert) nên ông ấy chết rồi, thì đồn Kotu cũng lấy tên là đồn Rôbe.

Sau này Nhà-nước lại bỏ đồn ấy mà dời lên chỗ cao hơn nữa, gọi là đồn Đắc-tổ (Dak-tô) nghĩa là nước nóng, vì ở đó có chỗ nước nóng dưới đất chảy tràn ra.

Đồn này lúc mới lập, thì rất đổi gian nan, Mọi không muốn Nhà-nước ở đó, nên cứ làm giặc hoài.

Mọi Sedang không biết sợ súng, Lẽ càng bắn thì càng chồm ngồm xông tới ; mà có ai chết thì lại lòi đi chớ không bỏ. Linh tráng đều ở trong đồn luôn, mà nếu có ra mà mục nước, hay là làm việc gì, thì một người đi giữa, hai người lính vác súng giữ hai bên.

Còn bộ hành lên xuống cũng có lính theo giữ ; ban ngày Mọi núp trong hang đá, tối lại xuống rình rập mà bắn, bốn phía vách mỗi phía sáng nhờ đèn một bó to bằng bắp vế. Mọi leo núi đá hay cũng như đi trên đất bằng vậy.

Lập đồn Đắc-tô xong, trị được ít năm, lại lập một đồn khác nữa trên cao hơn tên là (Dak-tô-xenh) Đắc-xanh. Chuyển này Mọi lại làm hung hơn nữa, Nhà-nước rút lính các tỉnh tới thiết đông, lại cũng có súng lớn bắn đạn trái phá. Trái phá văng lên trúng nhằm chỗ đất ướt nên không nổ, Mọi cũng bắt chước bỏ vô ống tre mà đồ trở xuống và nói bằng tiếng Sedang rằng : « lên trái gì quan liên đó, trả lại cho, chớ không biết để làm gì ». Có một lần một trái phá bắn lên rơi nhằm hang đá Mọi núp, nên lần ấy Mọi chết thiết đông. Một lần nữa Mọi lượm được trái phá không nổ, xúm nhau lại mà đập ra coi, nên nổ chết cũng bọn bề.

Bởi đó Mọi rủ nhau đốt làng mà chạy, của cải thì giấu trong hang đá ngoài rừng hết.

Núi Sedang ít người dám lên, vì bốn phía sườn núi đều có đá to Mọi treo, hễ lên thì đá lảng xuống chết.

Vậy mà bây giờ Mọi Sedang cũng đã chịu đầu, phần nhiều chịu sâu thuế, lại không dám bắt người Annam làm tôi nữa ; còn những người Annam đã làm tôi bấy lâu, lần lần nó cũng bán lại cho người Annam hoặc là cho các Cha ở Kontum.

Mọi đem anh em tôi lán cho một Cỗ ở Kontum. Ở đó có nhiều người Annam, đất bằng, lại ít lạnh hơn trên Sedang.

Chỗ này nhiều bò nhiều trâu lắm, cau dừa xoài mít cũng phu phỉ.

Hai anh em tôi ở đó giúp việc Nhà-chung cũng sướng lắm, các Cỗ các Cha cũng yêu thương, nhiều người cũng bị Mọi bắt như anh em tôi mà nhờ các Cha chuộc, sau ra làm ăn lập thành làng xóm ở Kontum nhiều lắm.

Phần anh em tôi thì khác, vì đã nhiễm thói phép Mọi vào trí rồi, nên không muốn ở lâu với Annam.

Anh em tôi bỏ Nhà chung mà qua ở phía Mọi (Djarai) Annam quen kêu Chà-rài.

Phía Djarai Mọi nói tiếng lại khác hơn nữa, không trùng tiếng Bahnar, lại khác xa tiếng Sedang. Chỗ này bò trâu heo dê cũng nhiều như Kontum, song chỗ đất xấu hơn đất Bahnar ở Kontum và đất Sedang nhiều ; xấu vì đất đỏ lắm, hễ bụi bay đâu thì vàng đỏ ; dầu mà ai giữ sạch cho mấy, thì quần áo cũng vàng, da con người không ai trắng, cũng không thấy ai đen lắm, chỉ thấy nước da ửng ửng, vàng vàng, là nhiều mà thôi ; còn việc trồng trỉa thì cũng khá lắm.

Mọi Djarai thói phép cũng không khác Mọi Bahnar và Sedang là bao nhiêu.

Mùa đông chúng nó hay đào hầm mà ngủ. Ở Djarai có một hồ thiệt rộng, nước xanh biếc, giữa có hòn núi, cá rất nhiều, và cũng có nhiều con rất to như con voi vậy.

Mọi nói chỗ hồ này lúc trước núi lửa mà sau sập, có ba làng Mọi cũng sập hết, thành ra cái hồ như vậy, tại hồ này có thứ cá nhỏ nhỏ, mọi Djarai kêu là cá bà-rải (braih), nghĩa là gạo, vì chúng nó tin rằng : Gạo lúa của mấy làng Mọi sập lúc trước đó thành ra cá.

Anh em tôi ở với quân Mọi Djarai được ba năm. Mọi đó làm rẫy quen trỉa lúa, bắp và mè đen. Người Annam ở Kontum thường tới mua bán với Mọi mà lấy mè để chở xuống Bình-định mà bán.

Anh em tôi có đi lần vô tới chỗ Mọi Radé, chỗ tỉnh lỵ là Banmethuôt ; Mọi này nói tiếng cũng hơi tương tự với tiếng Djarai, mình nghe cũng hiểu nên khỏi đối, mà nói đi nói lại cũng hơi xuôi. Mọi này giàu hơn hết các thứ Mọi, voi nó nhiều, bán voi nhiều và dụ voi rừng về cũng nhiều. Mọi này tin dị đoan nhiều hơn hết các Mọi khác, nên không làng nào có đạo hết.

Ở Radé có nhiều thứ chiêng Mọi ròn thiệt to hơn chiêng các Mọi, trống nhiều cái cũng kèn. Mọi Radé ít đen hơn Mọi khác, lại chúng nó biết làm một thứ chiếu nhuộm màu đỏ vàng trắng thiệt tốt, Annam cũng lấy làm khéo không Mọi nào có.

Anh em tôi nghe Mọi nói ở Darlac cũng về Radé đó, có người Mọi giàu quá, voi đứng đen núi, trâu bò chạt đồng tôi tớ không biết là mấy đứa, lại cũng có sắm xe điện ; Mọi giàu như vậy là nhờ có bán voi mà thôi chứ có gì lạ đâu.

Chỗ Banmethuôt bây giờ cũng đẹp, đường sá cũng lịch, nhà thương, trường học cũng có, song còn hẹp lắm lại thiếu

một đều là hột giống Chúa không mọc trong đất ấy, ôi ! thiệt là cứng cỏi, lúc trước các Cha cũng đã giảng thử, song không được vì không bỏ phép dị đoan của ông bà cha mẹ chúng nó lưu truyền.

Ở đó được một ít năm anh em tôi tính trở lại Kontum, hoạ may có tìm được ai quen mà về theo họ được gặp lại bà con chẳng.

Vậy hai đứa tôi bán hết mọi sự lấy bạc về tại Kontum tìm ông Cố đã chuộc anh em tôi ra khỏi tội Mọi Sedang lúc trước đó mà thú lỗi cùng người và xin giúp người trở lại chỉ thú.

Từ này về sau ăn mặc theo Annam, tập lễ phép theo Annam, tập ăn uống theo Annam và tình nguyện bỏ dứt thói phép người đóng khổ đi.

Trong lúc anh em tôi ở với Cố tại Kontum có nhiều người lên xuống mua bán, người ở tỉnh Quảngnam cũng có, nên chỉ anh em tôi hỏi thăm và nhận tin về nhà cha mẹ và bà con hay được mừng.

Cách ít năm, mẹ tôi ở Quảngnam vô tầm hai anh em tôi mà đem về xứ. Khi mẹ gặp con cũng không biết mặt, con gặp mẹ cũng tưởng người dưng. Vì lúc con lìa mẹ thì còn nhỏ, bây giờ con một ngày một lớn, mẹ một bữa một già lại thêm con thì răng cạ, tai xỏ lỗ, tiếng Annam thì lừng cững.

Mà nhìn lại được thì mẹ con mừng rỡ biết là dường nào ?

Sau em tôi là tên Lợi theo mẹ tôi mà về quê tại Quảngnam còn tôi thì ở lại giúp cố ở Kontum cho đến rày làm ăn.



Một và hai là ba.

Khi trò Hồi ở trường về nhà nghỉ lễ Phục-sinh, thì muốn chưng cho mọi người biết học thức và trí-hoá của mình. Đến bữa cơm, thẳng bồi dọn bàn bưng lên hai con gà giò.

Hồi ta bèn nói rằng : « Này ba ! Chắc ba tưởng có hai con gà ở trên đĩa này phải không ?... Để tôi tính thành ba con cho mà coi ! » Cha trò cười mà rằng : « Nào, tính thử coi ! »

— Ban đầu con gà này là một, rồi con kia là hai : một và hai là ba ! đó, bữa nay chúng ta được ăn ba con gà giò !

— Hay thiệt ! Thôi, mẹ mày ăn một con, tao ăn một con, còn con thứ ba để cho mày ! »

Thế là trò Hồi vì khoe khoan mà mất ăn gà !

Số dân cư ở Đông-pháp.

Chiều theo sổ thống kê của Nhà-nước mới làm 1930, thì số dân cư ở Đông-pháp được 21.508.626 (trong số ấy thiệt người Annam được 15.668.051) ở các nơi như sau này :

Bắc-kỳ	8.091.627	Nam-kỳ	4.409.701
Cao-mên	2.649.552	Trung-kỳ	5.281.147
Lào	869.241	Quảng-châu-loan	207.358



Số dân cư trong mỗi tỉnh.

Bắc-kỳ, 114.500 km² (dặm vuông).

Bắc-giang	272.605	Sơn-la	89.522
Bắc-kạn	36.218	Sơn-tây	259.968
Bắc-ninh	433.903	Thái-bình	916.074
Hà-dông	830.814	Thái-nguyên	79.470
Hải-dương	823.857	Tuyên-quang	48.472
Hà-nam	425.280	Vĩnh-yên	210.422
Hoà-bình	65.294	Yên-bày	69.405
Hưng-yên	480.635	Đạo I Moncay	71.467
Kiến-an	345.669	- II Cao-bằng	123.828
Lạng-sơn	127.477	- III Hà-giang	67.419
Lao-kay	38.256	- IV Lai-chân	68.178
Nam-định	969.646	Hải-dương thành	6.843
Ninh-bình	348.654	Hải-phòng -	168.754
Phúc-yên	177.250	Hà-nội -	133.764
Phú-thọ	290.080	Nam-định -	39.188
Quảng-yên	73.215		

Cao-mên, 180.200 km² :

Battambang	229.590	Prey-veng	235.431
Kamput	176.237	Pursat	66.237
Kandal	345.955	Siem-Réap	174.954
Kompong-speu	145.709	Soái-riêng	144.203
Kompong-cham	365.288	Stung-treng	31.021
Kompong-chhnang	128.155	Takeo	271.579
Kompong-thom	170.736	Phnompenh	83.079
Kratié	81.378		

Lào, 231.200 km²

Attoupeu	51.830	Saravane	82.120
Bassac	125.358	Savannakhet	80.314
Cammôn	98.047	Trần-ninh	52.860
Haut-Mékong	30.535	Vientiane	83.354
Hua-phan	41.602	Đạo V Phong-sali	26.624
Luang-prabang	196.597.		

Nam-kỳ, 65.000 km²

Bắc-liêu	204.389	Mỹ-tho	352.808
Bà-riá	57.175	Rạch-giá	270.695
Bến-tre	313.203	Sa-đéc	226.558
Biên-hoà	227.779	Sốc-trăng	187.729
Cần-thơ	327.302	Tân-an	127.476
Cap S. Jacques	5.630	Tây-ninh	98.037
Châu-đốc	215.324	Thủ-dầu-một	167.315
Chợ-lớn	227.588	Trà-vinh	235.600
Gia-định	276.157	Vĩnh-long	189.798
Gò-công	118.191	Chợ-lớn	193.100
Hà-tiên	20.457	Sài-gòn	143.306
Long-xuyên	223.635	Poulo-condore	451

Trung-kỳ, 145.660 km²

Bình-định	701.314	Phú-yên	153.438
Bình-thuận	99.890	Quảng-bình	191.323
Darlac	120.877	Quảng-nam	676.745
Hà-tĩnh	400.123	Quảng-ngãi	440.542
Haut-Donnai	59.159	Quảng-trị	143.447
Khánh-hoà	94.790	Thanh-hoá	1.200.000
Kon-tum	226.105	Thừa-thiên	294.017
Nghệ-an	401.222	Tourane	6.734
Phanrang	67.154	Dalat	4.237

Quảng-châu-loan (Kouang-tchéou-wan), 1.200 Km²

Tché-kam	39.287	Fort-Bayard	23.943
Potao	55.100	Tche-kam thành	42.108
Tamsoui	46.920.		

Một cái thảm-kịch không ngờ.

Cái nhà gác ngất ngưỡng ba tầng, ngay chỗ ngã ba đường phố, bên đường tàu điện, đó là nhà bà Phán Lan. Bà phán Lan năm nay đã ngót ngũ-tuần, ông phán đã cỡi hạc qui thiên được mười lăm năm, để lại cho bà phán hai cô con gái ; từ khi ông phán bỏ nơi trần tục, thời bà phán vẫn thủ niêm nuôi con thờ chồng, cũng không có mơ tưởng chi cái thú loan phụng. Vì thế đã mấy chục năm trời hằng trọng bề thủ tiết, Hai cô con gái bà năm nay đã lớn khôn, cũng đã đôi ba chốn tìm đến, hỏi han mà vẫn chưa đâu là ưng ý... Hai cô vẫn một lòng mến yêu mẹ, mà mẹ cũng hằng coi con như ngọc như ngà, như hoa mới nở... ba mẹ con hôm sớm cùng nhau ăn phận, mọi việc trong nhà ngoài nội đều xuôi xả...

Một hôm hai cô thấy tờ cáo-bạch rao : tối hôm nay có hội chớp ảnh ở tỉnh ngoài mới vào diễn tại rạp hát số 15... Hội sẽ chớp phim rất hay, rất lạ-kỳ, độc nhất vô nhị, đủ hay, đủ thú... Hai chị em về, cùng nhau đến xin mẹ cho phép đi xem. Bà phán biết là việc không nên, vì sẽ hại cho con cái phần hồn, lại cả phần xác cũng không chừng, đào thơ liễu yếu mà sa vào chốn trêu hoa ghẹo nguyệt, nam nam nữ nữ, sao cho khỏi cái thủ đoạn ong bướm, nên bà chối hẳn, thế nào cũng không cho đi. Hai cô thấy mẹ nhất quyết không cho đi, lấy làm buồn bã, cơm bưng không muốn ăn, công việc không muốn làm, nét mặt khác nào trời xanh bị mây mù kéo rợp. Chiều tối bóng ác ngậm gương, hai chị em cô quyết đến nài xin mẹ một lần nữa, hễ bà không cho là nhất định... trốn đi... Mà quả bà phán lại chối như hồi sáng, một rằng không cho, hai rằng cũng không cho. Hai cô mặt sa quá chữ nãi ! Đang lúc cái nét mặt hai cô sa sầm sa sịt, thì thấy ngoài cửa bước vào một cô chừng 14, 15 tuổi, ăn bận chỉnh tề, đó là cô Thúy-Nhài, cũng là người cùng một phố, đến rủ hai cô đi xem chớp-ảnh. Nghe hai cô nói bà phán không cho đi... thì cô Thúy-Nhài nói giúp ; bởi cô giảo mồm mép, nên bà phán phải ngã lẽ chịu cho hai cô con bà cùng đi với cô Thúy. Hai cô vừa nghe tiếng bà phán nói : « Đi thì đi »... tức thì nét mặt hai cô khác nào trời vừa mới tạnh trở nên quang thanh, nét mặt như hoa nở, tiếng cười giòn như pháo nổ... bước đi mau như bay, lên nhà gác điện đồ chớp mắt thấy hai cô xuống khác hẳn lúc vừa rồi, nào hột xoàng, nào vòng xuyến dây tay, dây cổ, chân đi giày mồm ngóe, đúng một bọn nữ-lưu kim thời... Hai cô dặn mẹ ở nhà

yên lòng, đừng lo đừng ngại đến chúng con, vì đã có bầu có bạn chẳng ai dám chọc hoa ghẹo nguyệt chỉ tới mà mẹ lo... hai chữ trinh-tiết con nào dám coi rẻ... Ba cô cùng bước ra đi... hai cô con bà phán lại dặn mẹ rằng : « Mẹ đừng khoá cửa kẻo lúc con về, mẹ phải thức dậy rầy rà... Đoạn ba cô cầm tay quàng cổ nhau đi, trời đã tối mịt, mà đường phố đèn điện sáng như ban ngày giữa trưa... trên thì chị hằng-nga giải sáng pha lộn cùng đèn điện, người đi lữ lượt, xe chạy lắt-tắt... lắt-tắt... Ba cô chuyện vãn như bắp rang, phút chốc đã tới rạp, nào nam thanh, nữ tú, nào cậu công tử, nào cô tiểu thư, từng chòm từng lũ, từng đôi từng cặp, kéo vào rạp... Một lúc đầu đầy im lặng bật đèn chớp ảnh... Thật thú sao là thú, phím ảnh mới mẻ, hay độc nhất vô nhị y như lời cáo-bạch... Hai giờ sáng rồi, hạ màn... ôi ! có đầu mà đã hai giờ sáng rồi, có đầu mà chóng vậy ? ! mới mười giờ thì phải... vừa mới xem mà !!... keng, keng rạp hát sáng choang... mọi người ra về cả... keng, keng... đó hai giờ sáng rồi... Hai cô cùng cô bạn ra về, dọc đường chỉ nghe tiếng khen hay, khen giỏi, khen khéo, khen lạ, nào ngờ đầu hai cô sẽ bị một nỗi gớm ghê, ghê gớm, ai mà đoán trước được, thật là bìa danh miệng thế... hai cô cũng lâm một vòng khổ nhục... Ba cô chuyện vãn giây lát thì cô Thúy-Nhài lia già hai cô bước vào nhà số 25, hai cô còn đi chấp nữa... đó là hai cái lúc hai cô sẽ bị cái nạn không ai ngờ, đó thật là cái thảm kịch đau lòng xót dạ... vô cùng !... Hai cô vừa tới nhà thì toan mở cửa sẽ bước vào ; ai ngờ cửa đã khoá kỹ, thôi hết dây, đến xô... mãi mà không thấy mở, kêu mẹ, gọi vú cũng lẳng-lặng, hai cô không biết làm sao, đã dặn đừng khoá mà lại khoá !... đành ngồi ngoài cửa đợi... Đến sáng, phải gọi thợ làm khoá, đến cạy cửa... Cạy xong, mà sao cái gì chặn cửa như súc gỗ... anh thợ khoá (serrurier) xô không ra tiếng mạnh mở ra được, hai cô bước vào... Nghe la một tiếng mã gì... Hàng phố chạy tới thì ra xác bà phán nằm xóng sượt máu me dầm-dĩa, đầu vỡ ra tan tành ! Thế thì ra, bà đi ngủ khoá cửa ; rồi nằm mà không ngủ, mới sực nhớ hai con dặn đừng khoá cửa bà chồi dậy xuống thang mở cửa, chẳng may sẩy chân lỡ bước, ngã từ tầng trên mà rơi xuống đến đất, vỡ đầu ra. Thế là mười giờ đêm hai cô xem chớp Cinéma, mà mười giờ sáng hai cô mặc áo tang theo đám đưa xác mẹ ! Cái kết-quả này bởi cái nguyên nhân nào mà ra, xin các cậu công tử và các cô tiểu thư tra cứu hộ đồng bào với. J. M. HUY-HƯƠNG.

MỘT GƯƠNG HOẠ HIỀM.

Tôi mới nghe một tích đáng ghi cho nhớ. Bữa nọ tại nơi bến đò dọc, bộ hành đang xôn xao bước lên đò, xảy thấy một đờn bà độ hơn 40, gánh một gánh khá nặng, và hai đứa trai ; một đứa chừng 16, một đứa độ 13 tuổi, đứng bàn tính cùng nhau sự gì trên bến, rồi cả ba cũng bước lên đò. Gánh xách đề yên, chú lái bèn kêu : chị kia, ra tiền đò rồi sẽ đi.

— Thưa cậu, xin trả nhờ cho cậu ba mẹ con tôi 15 xu (0, \$ 15).

— Không được. Chị cũng biết giá rồi, hễ đi không, thì một người 5 xu ; còn có gánh thì một cắt.

— Thưa cậu, tôi cũng biết giá rồi thiệt, mà ngặt tôi không còn xu, cũng quyết đi bộ mà rồi nằng quá, sợ đi không thấu, nên xin cậu làm phước, cho tôi trả nhờ bấy nhiêu.

— Không được. Chị không có xu đủ, thì biếu thằng lớn xuống đi bộ : bằng chẳng thì giống chi trong gánh đưa đây cho đủ rồi đi.

— Có chi đâu cậu, có ít củ sắn và ít hột lúa ; xin cậu làm phước, chận xiết làm chi tội nghiệp.

— Huớ, đừng nói dai ; tính cho mau đặng ta sửa lui, kéo trưa rồi.

Người đờn bà ấy ngấm nghĩ chút rồi biếu thằng nhỏ ; thôi, con chịu khó xuống đi bộ, để mẹ đi đò với anh con.

Thằng nhỏ dạ, và vui mặt sửa thò chơn bước xuống. Thằng lớn nắm kéo lại, mà rằng : để qua đi bộ, em ở lại đi đò với mẹ. Thằng nhỏ không chịu. Thằng lớn bèn nói ; thôi, để anh em con đi bộ, mình mẹ đi đò, vì mắc gánh nặng.

Bà mẹ thấy vậy, bèn sửa gánh bước xuống, tính đi bộ với hai con.

Bấy giờ có tên trai kia đang ngồi trong đò, bước ra, tay nắm đôi gióng bà nọ, tay móc túi đưa một cắt (0, \$ 10) cho bà mà rằng : Thôi, ba mẹ con lên đò mà đi.

Bà nọ hết lòng cảm ơn, kêu hai đứa con lên đò, rồi lấy 5

xu đưa cho tên trai ấy mà rằng : Thừa cậu, cậu đã làm phước cho ba mẹ con tôi, mà tôi thiếu có 5 xu, vậy xin huân lại cho cậu 5 xu dư.

Tên trai ấy cười mà rằng : thôi, chị cầm luôn về mua bánh cho em. Đoạn hỏi : hai đứa này là con chị hết phải không ?

Thừa cậu : thằng lớn là con riêng chồng tôi ; mẹ nó sinh nó được ba bốn tháng thì chết, sau cha nó cưới tôi về, tôi lo nuôi dưỡng nó đến nay, nên thương nó như con đẻ, còn thằng nhỏ là con chung.

— Sao hồi này chị biếu thằng nhỏ đi bộ mà không biếu thằng lớn ?

— Thừa cậu, tuy nó lớn, song vì nó mất mẹ thuở bé nên yếu sức hơn : nếu để đi nắng e về lâm bệnh. Vả nó thật là mồ côi, vì cha nó ở với tôi được ba năm thì cũng vắng, nên càng phải thương nó hơn thằng nhỏ.

Tên trai nghe vậy bèn thầm nghĩ : ầu là đời này cũng có người đờn bà quý hoá, nên gương báu cho thiên hạ soi mà bỏ cái thói mẹ gà con vịt !

Pierre Ký.

Vâng lời tức thì.

Trong trường sơ-học làng kia trong Nam-kỳ, trò Ba chào thầy giáo, rồi thưa :

— Thừa thầy, em gái tôi rủi bị nên trái.

— Oã, mấy tới đây đem bệnh lây cho học-trò khác ? Thôi mấy hãy về mau ; chừng nào em mấy lành thiệt, thì mới được tới học. » Thằng nhỏ ra về.

Cách ít phút, có trò Nam xin thưa thầy :

— Em gái trò Ba cha mẹ nó đã gửi ra nuôi ngoài Trung kỳ tháng trước rồi.



Anh em bạn.

— Anh có bằng lòng ăn cơm với tôi ? — Được lắm.

— Nếu vậy, xin anh trở về nhà dọn bàn đi và đợi ; chừng một khắc tôi sẽ tới ăn với anh. — Uả !

Chuyện ngộ.

Lúc xưa tại làng kia trong xứ nọ không nhớ là tên gì, mà không hề chi, có một lão hà tiện thôi đã quá sức, lão nuôi được con heo mập béo, muốn làm thịt đem bán ngoài chợ, nhưng mà ngại có làm thịt ra lại sợ đàn ông khác, không biết liệu lẽ nào, bèn đi vờn anh em bạn tới bày vẽ giùm.

Va rằng : « Tôi tính làm thịt con heo, mà tôi ghét thói xứ này lắm tệ, hễ nhà nào làm thịt heo, thì phải đãi xóm một bữa và kính biếu ông nọ ông kia trong làng. Tôi không biết liệu làm sao cho khỏi chuyện tốn hao vô ích ấy ; tôi nghe thiên hạ đồn tiếng anh cao mưu trí dày, nên xin anh liệu lẽ nào, đây tôi cảm ơn anh vạn bội.

Anh kia ngẫm nghĩ một chặp, mới bày rằng : « Tôi đã tìm mưu được rồi, không khó gì cho mấy. Anh cứ làm thịt heo, rồi đem treo ngoài cửa sau, sáng ra anh tri hô rằng : ăn trộm bắt mất heo rồi, như vậy không ai tới ăn, và khỏi lo kính biếu. »

Tên hà tiện nghe vậy đắc ý mừng, cho là mưu cao, bèn nắm tay cảm ơn anh kia không biết chừng nào. Hồi thì lui cui làm thịt heo cùng giữ như lời anh kia dặn.

Còn anh thấy bày chạy ra quán rượu thuật hết công chuyện đầu đuôi tên hà tiện cùng kể mưu mình đã bày cho ai nấy nghe, rồi lại đem đi coi con heo treo ngoài cửa nữa.

Đến tối anh này tới lên mở heo, rồi xách đem về nhà.

Sáng bữa sau tới nhà tên hà tiện, thì gặp nó đương lom xom chạy tới.

— Á ! anh à ! chuyện gì vậy !

— Hồi hôm tôi ngủ quên, ăn trộm xách con heo tôi đi mất !

Anh thấy mưu nắm tay tên nọ mà rằng :

— Được ! Được ! Được lắm !

— Chuyện gì ! được ?... Tôi nói anh hay ăn trộm xách heo tôi rồi mà...

— Tốt ! Hay ! Anh thiệt tình quá !

— Mà tôi nói ăn trộm xách heo tôi rồi, nó lấy làm chi không biết !

— Oã ! anh này thiệt ngộ ; thật anh khéo làm tuồng !

— Tôi thề chắc, họ xách heo tôi đi mất rồi !

Tên nọ tức giận cầm mình chẳng đặng, bèn chạy rao cùng xóm, ai nấy đều cười nôn ruột, mắng nó là đồ khờ đồ ngốc. Lão tức mình đi tới quan.

Quan xử : cửa nhà sau không phải là chỗ treo thịt heo, có đại mất của phải chịu. Lão buồn bực về phát bịnh nói xàm.

Còn anh thầy bày bói khoái chí ních thịt nhậu rượu già phải trúng thực chết tươi không kịp trời trăng một lời cho con vợ.

Ngô-thanh-Phụng.

Thói và sự dị đoan mọi Rơ-ngao.

Dị-đoan về sự phát rẫy.

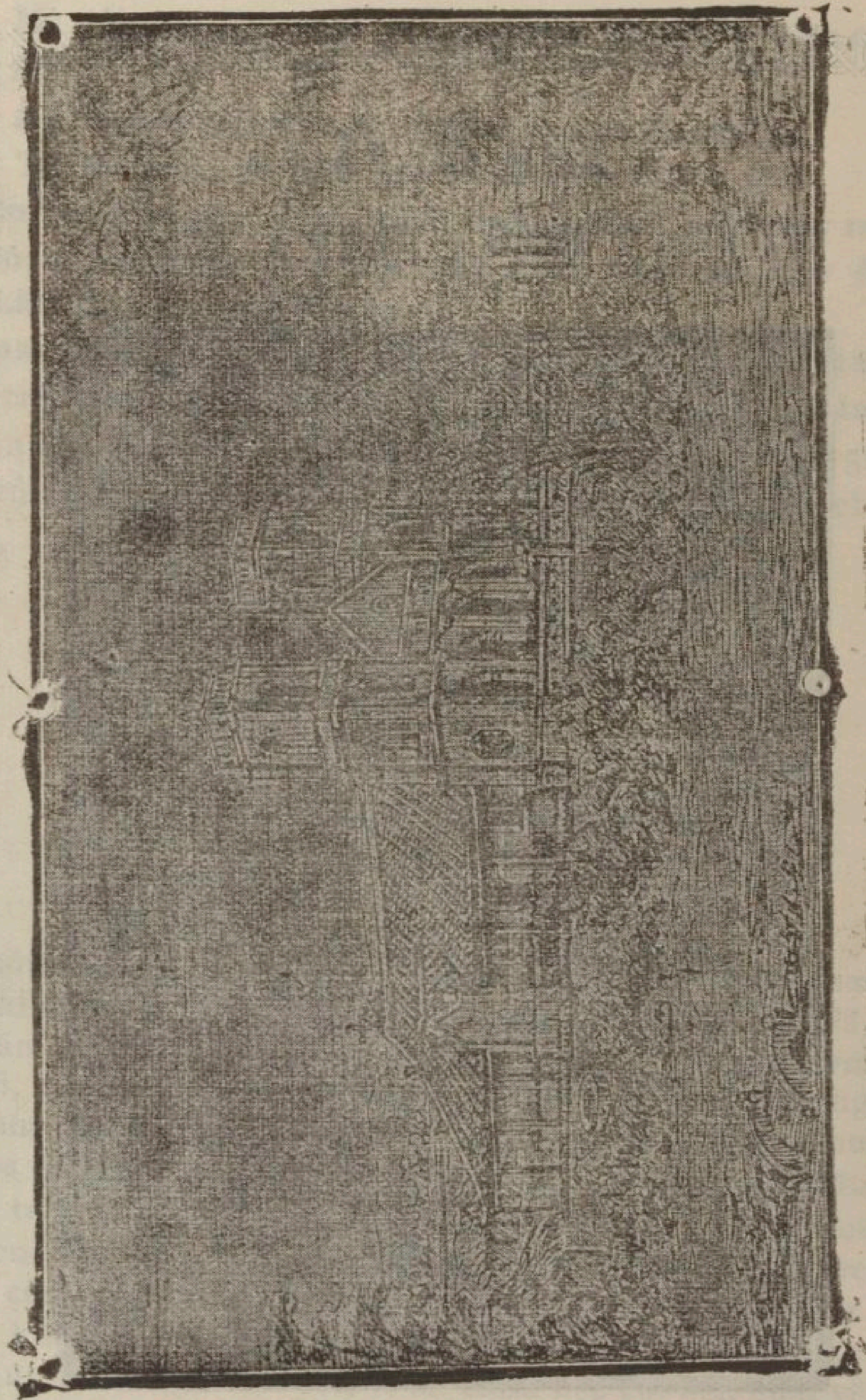
Trước khi Mọi muốn phát rẫy, thì kẻ làm đầu rẫy đi xem chim, chim tốt thì mới dám đi phát, chim xấu thì trở về đã, chưa dám đi phát. Nó xem chim cách này : Sớm mai cơm nước rồi, cầm rựa đi ra phía nào mình có ý đi phát. Đang khi đi làm vậy, thì lặng tai nghe coi chim kêu phía nào. Như chim kêu phía tay mặt, thì chỗ ấy phát được ; bằng chim kêu phía tay trái, thì không xong, phải về đã, đợi bữa sau đi coi nữa. Nếu bữa sau mà chim kêu phía tay trái hay là trước đầu, thì cũng phải trở về đã, không xong ; vì là chim chặn đầu. Đợi bữa khác nữa mà nếu chim lại kêu hai bên hết mà phía trước chút, thì cũng là rủi rồi, vì là chim hẹp cổ, nên phải về đợi bữa nữa đã. Cứ vậy cho đến khi nào gặp chim kêu phía tay mặt, là chim thuận thì mới dám đi phát. Mà cho dầu chim đã thuận mà nếu có nghe mang kêu phía mình muốn phát đó thì cũng phải bỏ, vì rủi rồi. Nó cứ cách đó, nên nhiều khi phải đợi lâu lắm, mới phát rẫy được, thành ra muộn màng, mà hay đói là thường lắm.

P. BAN.

ẢNH CỤ SÁU
(1825 — 1899)



Là một vị đại danh, đã tổ chức một sở đạo thật to, đã kiến trúc một toà thánh đường rộng rãi uy-nga ở Phát-diệm (*Tonkin*).



Địa cảnh và nhà-thờ cũ LA-VANG (Quảng-trị) lời năm 1895.

Bài học của một cụ lão.

Cái lều tranh kia dưới gốc cây Đề thấy bỏ đồi tẻ, trống tuếch đã từ lâu, vì cụ lão chán ở lều đó, đã đi tìm nơi nào thanh khí ngoài đồng mà ở. Cụ hiền như đất, lũ trẻ chúng tôi chỉ gọi cụ là ông Ví.

Cụ chẳng tức mình cái tên ấy, mà lại cứ mỉm cười vui vẻ, phẳng lặng như nước ao hồ, êm dịu như ánh sáng sớm mai, bảo lũ lão-lính chúng tôi rằng : « Này các cậu, món quà của lão không đắt bao lắm, cốt giúp các cậu đấy ». Đoạn cụ phát cho chúng tôi món quà đó một cách thân-ái đậm đà, khiến bọn chúng tôi mê mết. Vì món quà ấy thậm xinh-ngộ, mà cụ lại phát cho một cách hết lòng tình nghĩa như cha. Món quà đó tức là câu tỉ-dụ thiêng liêng, câu nói mát mà duyên đảm-thắm nhời ủi an dịu-dàng, là tranh cảnh đầy vẻ xinh-hoạt, tình-tứ....

Cụ khác nào khóm hương-bạch trong tiết thu hoa nở riu ngành, sẽ rung liên rụng xuống những cánh hồng-hồng bạch-bạch trăm nghìn vẻ khéo léo !

Bọn cháu-nháu chúng tôi náo-nức kéo đến lều cụ, lòng được hưởng cái thú vui vẻ, trí được tắm nhuộm những tư tưởng bật cười mà hữu ích. Biết mấy mươi phen chúng tôi đã thấy cái giỏ hoa của chúng tôi đầy ắp, chúng tôi không thể giữ gìn các hoa ấy cho bền vẻ đậm-đà tươi-tắn đến rày được, ít là còn nhớ được cái mùi thơm tho nó thuở ấy, nay đem ra hiến độc-giả chư-tôn hưởng một đôi chút vậy.



Một hôm bọn trẻ chúng tôi kéo nhau vào rừng nhặt quả bần-lật gió đánh rụng. Chúng tôi ngồi quây vòng với nhau, miệng nói nói cười cười ; tay hết sức ghè gai để dễ bóc vỏ quả, ngón tay bị gai xẻ máu me nhễ-nhãi. Cụ mỉm cười bảo rằng : « Các cậu ! kia ngón tay máu cả ; đó là tại không biết kiểu làm, cái đây ». Cụ cầm lấy một quả trở đi trở lại, tìm cái điềm đen đen áp nuốm, lấy que nhọn xâu vào tách vỡ ra ngay dễ như chơi. Cụ lại thêm rằng : « Ở đời thường cũng như vậy. Các sự lầm lỗi vầy bóc ta, kẻ nhiều người ít, chẳng ai khỏi ; ta mà muốn

ăn ở hoà thuận với mọi người, thời phải nên viển cách, mà chớ tuyệt giao vậy. Đối với những người mến ta, thời ta cứ đường-đường chính-chính, xuất hần cái tấm lòng của họ đi, chẳng nên dè giữ quá chi. »

Tới kỳ lúa chín, cụ thích dẫn chúng tôi dạo chơi hóng mát ngoài đồng, bảo chúng tôi hái những hoa kia lấm tẩm, sắc xanh xanh như hoa mắt-cáy. Cụ yêu thích hoa này lắm, phổng vì giống những lời mi-miêu hằng pha những tư tưởng hữu ích của cụ chẳng. Cụ bảo chúng tôi xem vì sao lúa có bông ngồng cao mà thẳng đặng ; lại có bông gục xuống. Cụ lại đáp ngay rằng : « Bông ngồng lên là bông lép ; bông gục xuống là bông mảy. Các cậu ơi ! đừng khoe khoang cái mã bao giờ. Người đời cũng thế, muốn nghênh mãi cổ lên cho cao, cái gì cũng muốn giấp lấp người đi, muốn khôn hơn người, muốn dạy khôn cho người ; thế không phải là người giàu tư tưởng tốt giàu nhân-đức đâu ; người công danh là một người giàu nhân-cách vậy. »

Buổi chiều kia đang khi chúng tôi ở trên quền kéo xuống, nghe tiếng xe cộ kêu cút-kít dưới chân núi.

Cụ bảo chúng tôi rằng : « Ấy tại xe không chở đồ vật, nên kêu tợn thế. Những hạng người trong óc rộng tuếch chẳng có tí gì là lý, tí gì là nghiêm, môi mép lại càng hay bô-lô khoác-lác. Cái người biết nhiều, suy nghĩ âm thầm, nói năng khôn ngoan dè giữ ; cái người biết ít vẫn quyết luận trước người.

— Ở vậy, thưa cụ ! xin cụ xem cái xe kia chở nặng chưa, chất lúa đầy ắc, nặng thế mà nó cũng kêu đấy.

— Thôi, vậy thì tại họ quên không đổ dầu vào trục bánh xe rồi. Ở các cậu ! biết thì tốt, nhưng có pha cái tính êm ngọt vào với sự biết, thì thêm cho sự biết một thứ rất khiến được người yêu, người tiếp, người nhờ. Nhân-đức thì đẹp, nhưng đức mà thiếu lòng tốt, chỉ loè được những người ở xa khen ngợi đó thôi. Các cậu muốn nên người hữu ích, phải ở sao khiến được người yêu mình ; muốn khiến người yêu, phải lo lấy được lòng người, cho được lòng người phải bôi chút dầu lạc (lạc là vui) vào cái lời nói, cái việc làm của mình. »

Giữa tiếng xuân thiên, buổi sớm mai, chúng tôi ở nhà rủ nhau ra núi cốt định leo lên tới đỉnh, bất đồ bị một đám sương mù dày đặc như tường trước mặt không biết đâu là đường đi, lối bước ; chúng tôi dừng chân nghỉ ngại, không dứt khoát lui hay tiến....

Cụ thấy vậy, tay vẫy, chân bước, miệng giục : « Nào, cứ đi đi, sương mù này coi bộ dày đặc không thấu được, song kỳ thực, không phải thế ; coi đen ngịt mà không đen, ta cứ rấn bước vào giữa coi. Nên cẩn thận một chút, lấy khăn che miệng, kéo lỗ sương nó thọc vào ngực chẳng. Các cậu có rấn bước như vậy, tức khắc sẽ thấy nó tan đi lúc nào rồi. Này cái nỗi khó khăn trong đời ta cũng thế đó. Các cậu muốn làm trọn cái nghĩa-vụ gì, chẳng may gặp khó, chớ nhất-dăm mà thoái-bộ. Trong dịp này mà lùi lại, tức là người non gan, một phải ra sức ở mạnh-bạo, quyết chiến-đấu cho hùng-hồn mới thắng được. Trên đời không mấy sự khó cản được cái ý-nguyện của đáng làm người ; nhất là lúc có ý làm cách ý-tử, khôn ngoan, lúc quyết lo cho cái nghĩa-vụ của mình được đạt tới mục-dích trăm bề hoàn-hảo vậy. Các cậu đã minh chưa ?

— Thưa cụ ; đã minh minh khá. Chúng tôi còn muốn nghe bài của cụ, nhưng bây-giờ mặt-trời đã cao, chúng tôi phải đi làm việc. Xin hoãn đến sau được lúc tạm giãn trăm-công nghìn-việc mà hưởng chút nghỉ ngơi, chúng tôi lại đến ngồi kể bên cụ, xin cụ nói nữa, nói nữa. »

Phụ-Thế.

Xạ-hương

Ở những miền núi xứ Đông-pháp ta có một thứ con vật mình dài, mỏ nhọn, lông xám, mà từ đầu đến đuôi lôm-đóm những vằn đen dài. Nó lớn hơn con chồn mà cũng láu ăn như chồn, hễ vật nào nó hại được thì hại ; nó trừ được nhiều thứ rắn, nên cũng hữu ích : nhưng nó lại hại cả gà vịt nữa.

Ở dưới bụng gần đuôi nó có cái túi đựng một chất thơm nồng gọi là xạ-hương, người Khách và người Tây thích mua đắt lắm. Người Tây dùng xạ nó mà chế thuốc thơm.

Muốn cho dễ lấy xạ, thì người ta bắt nó nhốt lại mà nuôi, đến kỳ thì lấy chất thơm ở nơi túi nó.

Văn uyển

Trò kia vào trường thuở nhỏ ham chơi ham nhởi, khi đến tuổi khôn thấy anh em bạn mình đã bay nhảy, còn mình thì khoa nào cũng hỏng vì còn dốt quá, nên ngồi buồn nhớ thuở phong lưu, song rui thay hối nhi bất cập. Thấy thấy vậy thì ra câu đề : « NGỒI BUỒN NHỚ THUỞ PHONG LƯU » mà ra cho các học trò làm một bài phú dĩ đề vi văn.

TỰ THÂN PHÚ.

NGỒI BUỒN NHỚ THUỞ PHONG LƯU.

— Mưa Âu đôi trận

Gió Á mấy hồi.

— Bốn phía cầu hiền,

Chuông vua Võ tiếng khua chưa dứt,

Ba ngàn đệ tử.

Mỏ sông Thù giọng dức nào thôi.

— Vả nay : Phong hội mở đầu,

Sinh ở thế cũng nên bay nhảy ;

Huống nữa, Văn chưng tỏ mặt,

Chỉ làm trai há dễ lạng ngồi.

— Tuổi trẻ nên đua

Ngày tháng tên hằng bản tới ;

Đường xuân phải gắng,

Năm mùa thoi chẳng đưa lui.

— Ấy vậy : Trẻ thời ham nhởi

Già lại biết khôn.

Xét trong tình bạn dức thầy,

Lòng đâu dám phụ ;

Nhớ đến cơm cha áo mẹ,

Chỉ những thêm buồn.

— Thi mặc phận học mặc tài,

Tài với phận về ai hết thấy ;

Siêng thời thông, nhác thời dốt,

Dốt không thông, bởi học không luôn.

— Chói loà ngọn đuốc văn minh,

Soi cõi trời nam thêm rạng mặt ;

Vang giã tiếng chuông danh lợi

Khua vang đất Việt mời tỉnh hồn.

— Ấy ai : Đi học chẳng lo,

Về nhà lại nhớ.

— Bùn rùn biết làm sao đặng,

Bạn trước đã làm

Ăn năm nào có kịp không.

Phen sau khá sợ.

— Ăn no lo chưa hề đến

Thôi thời trước vậy tính sau sao ?

Tuổi trẻ đang hầy còn dài,

Không lẽ một làm mà hai lỗ.

— Đã biết công phu gián đoạn,

Mấy năm đèn bát tìm lu ;

Phải toan học vấn siêng năng,

Một trận bút đầu bông nở.

Mới hay : Khôn dại tại lúc đầu,

Ăn chơi đã có thuở,

— Chử : Thời lai bất khả thất,

Hồi thanh xuân mà dốc chí thời nên,

Câu : Lai giả bất như kim,

Lúc niên ấu đừng phóng tâm hay chớ,

Chưa phải đem lòng hồng học,

Dốc chí chơi bời ;

Vì bằng đội hoá duyên ngư,

Nên tài rục rờ.

— Biển thành nhìn lại láng đó,

Có tài vượt biển minh mông ;

Rừng nho nõ hẹp hòi chi,

Quyết chí bằng rừng hăm hờ.

— Nay phải : Xôi kinh nấu sủ

Lộng nguyệt ngâm phong,

— Dốc lo tháng chữ ngày chong,

Ba dư học đủ,

Quyết những lòng suy miệng đọc,

Bảy bước thì xong

— Toan ra tranh cạnh với đời,

Lừng lầy ba tầng sóng lướt ;

Tính những đua bơi cùng bạn

Bội nhiều sáu nghệ minh thông.

— Không chất, đâu có văn hoa ?

Ngọc chẳng giời sao mà nên giống ?

Có học mới trông thông thái,

Sắt đem mài thời phải chí công,

— Song nghĩ lại : Học giống đua thuyền

Quyết ra sức mới lướt thuyền trôi bạn,

Hành như ra trận,

Có chí công thời dặng trận thêm tù.

— Văn minh quyết theo đường,

Công thao lược đánh lao tâm trong một buổi

Long văn may gặp hội,

Nợ áo cơm dặng trả tiếng ngoại ngân thu.

— Theo thúc bút nghiên

Kẻ mang tiếng tiền công tận phở,

Gia công đèn sách

Hoạ may chi tức nguyên thiếu thù.

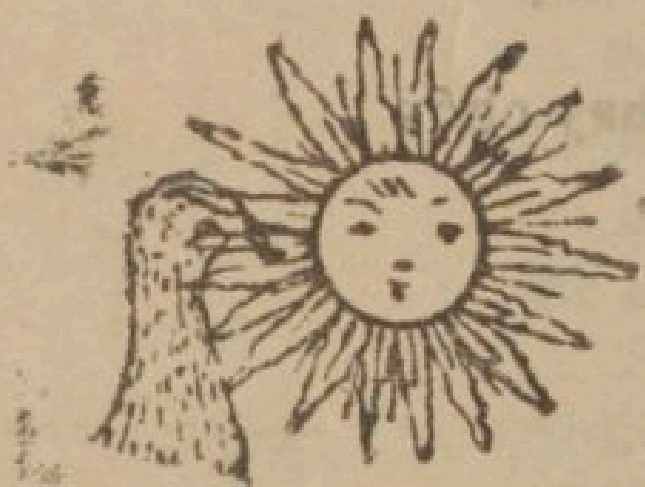
— Đã biết chữ thánh triều văn chương qui

Phải nhớ câu nhơn vật đệ nhứt lưu.

Đ. HỒ-NGỌC-CÂN.

CÁCH TRÍ

Chim phụng-hoàng và mặt trời.



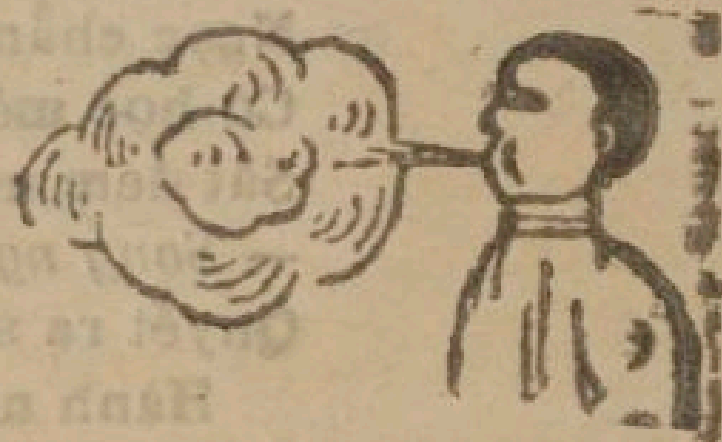
Khi nào ta ngó chính ngay mặt trời, tức thì loà mắt liền, không sức gì chịu lâu được. Đều đó không cần phải nói, tưởng ai ai cũng đã rõ. Vậy mà sao người ta lại rằng : con chim phụng-hoàng ngó chăm mặt trời được ? Hoặc là loại chim ấy có cặp con mắt khác hơn mắt ta chăng ?

Không khác đâu, nó chỉ có một cơ-quan riêng, các người thông thái kêu là *cái lược*, và như cái tàng dù che. Máy ấy là cái màng mỏng đen, đục ngăn ở theo gần con mắt, khi nào có yển sáng mạnh lắm chiếu vào tâm lưới mỏng ở trong con mắt (*répine*), thì màng đen ấy bung ra.

Chỉ có từ 10 năm nay có người thông thái kia đã nghiệm ra được đích xác việc cái lược này là làm sao. Vậy thì con phụng-hoàng cũng như các loài chim khác lẽ nào ngó ngay mặt trời được sao ? chim nào cũng vậy, là nó chẳng thấy mặt trời chút nào.

Gió mau chừng nào.

Nghe nói có một người đi mau như gió. Thấy các sô toà khâm thiên-giám biên chép, thì ta biết sức gió đi mau là chừng nào. Luồng bão lớn ngày 28 Aout năm 1923 tại Hồng-kông, một giờ đi xa 240 kilômét. Vậy đã mau lắm, nhưng lúc nay tàu-bay mau hơn gió nữa.



Lạc cực sinh bi.



— Cậu thẳng xe ngựa đi đâu vậy cậu ?

— Bữa nay muốn đi thành có chuyện chút. Còn mấy cũng đi đâu đó ?

— Dạ, con cũng đi thành, mua vài món đồ bày bày. Thôi sẵn, cậu cho cháu cột đèo xe máy theo sau để ngựa kéo đỡ mỗi chơn chút hữ cậu ?

— Được, cột kéo gì cột.

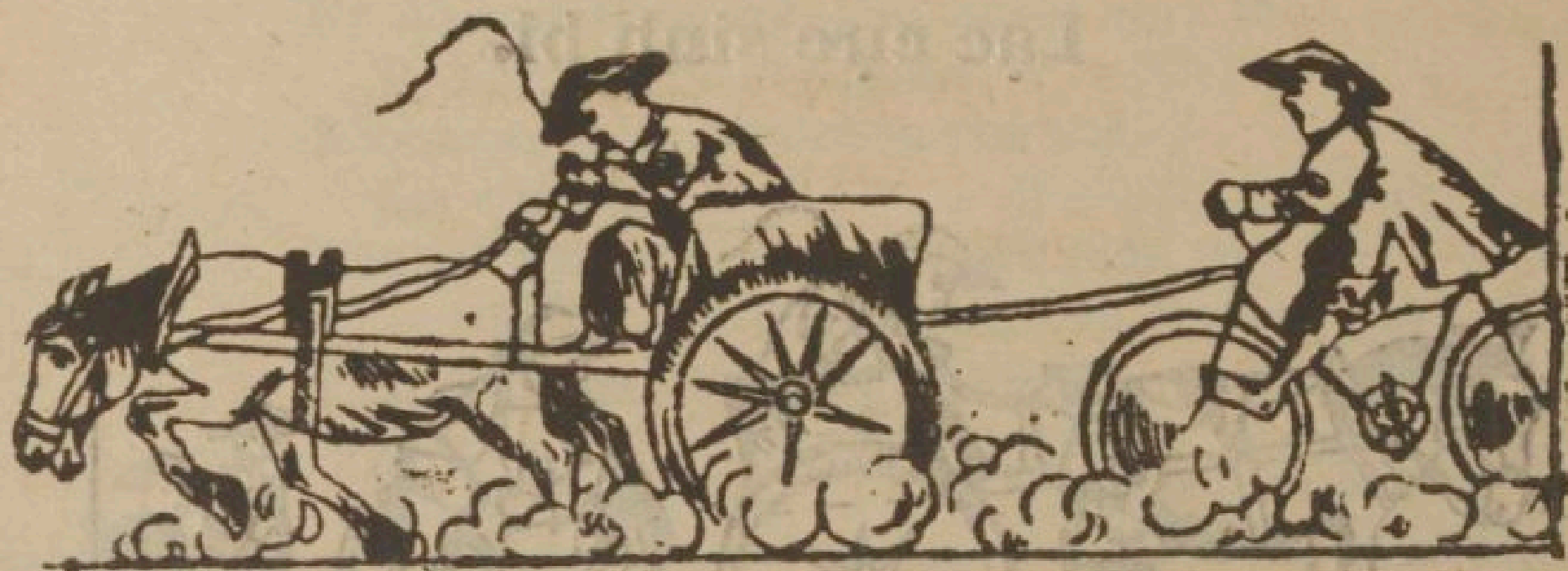


— Ngồi gát căng vậy thiệt sướng chớ chơi gì !

— Dạ, cũng sướng thiệt, đỡ quá, mà phải chi cậu giục ngựa chạy mau thì thì sướng, khỏe nữa.

— Thôi để giục ngựa mau chút cũng được, mà mấy phải giữ thể kẻo nhào họng nghé !

— Té sao được, nhào sao được nhào, cậu ; cháu đi xa máy mấy thuở mà nhào. Cháu đạp xe mau nữa mà chưa hề chi, thử ngựa chạy không bằng cháu đạp rần thế mà.



— Chà, chà, khoẻ quá, sướng quá, xe điện nào chạy cho bằng nữa. Phải chi hồi giờ thúc ngựa chạy như vậy thì đã tới nơi tạnh oánh rồi, có khi bây giờ đã trở về được nửa đường rồi.

Cậu, cậu cứ việc thúc ngựa đi, cháu không té đâu mà sợ. Mà cậu phải liệu chừng, chớ rui ngựa cậu chạy không nổi vấp chơn mà nhào cả lũ ghé cậu.



— Úy, cậu, cậu, gò cương lại, gò cương lại; mau quá, mau quá ! Cậu, cậu, rớt nón mất rồi ! Chết đi cậu ôi ! gò cương lại mà ! tức quá ! Điếc chi mà điếc dữ điếc dần vậy.



— Oã, sao vậy mầy ? Nhào hay té đó mầy ?

— Hu ! hu ! chết đi trời ôi ! Cậu ôi ! nhào có té có, đau quá cậu ôi !

Bệnh dịch trâu bò.

Cách trị bệnh thế nào ?

A — Bệnh dịch trâu bò chưa có thuốc nào hiệu-nghiệm chữa khỏi được. Có cho trâu bò uống thuốc, thì cũng do chứng bệnh mà chữa thôi (*traitement des symptômes*) như trị cảm thì cho thuốc giải nhiệt, trị đại-tiện thì cho thuốc cầm lại, v. v. nhưng mà người bản xứ không sẵn thuốc tây, mà có nữa, phải biết cách cho uống và cho uống nhiều mới được. Vả bộ tiêu hoá nguơ lao to rộng lắm, thuốc uống vào, xuống được tiền-tràng mà ngấm vào phủ tạng cũng khó và lâu.

Ta chỉ dùng được cách giản tiện : tùy ý mỗi người cho uống thứ thuốc nào rẻ tiền mà có thể thêm sức cho con vật hoặc giảm từng chứng bệnh đi được.

Dùng thuốc ta cũng được, cho thuốc đề nhuận tràng, thông tiểu tiện, phát lãnh, giải thử, giảm đại tiện, xuất độc, v. v. song xét ra cũng tốn tiền và vị-tất đã công hiệu được !

Hãy nên thử cách này (theo sách ông Hubac) may ra có phần hơn thuốc ta, thuốc bắc :

« Trước hết phải bỏ : mỗi ngày cho uống một chai rượu ti. Rượu pha với nước trà đặc.

Sau phải trị chứng đi ngoài : Lấy hai chét lá ổi bỏ vào nồi sắc cho uống, hay lấy một vốc tay vỏ-già sắc cho trâu uống, bò thì sắc nửa vốc ; hay lấy một củ-nâu đem giã, rồi sắc cho uống cũng được ; mỗi khi cho uống thì phải hoà thêm thuốc phiện vào (dùng thuốc ti mới tốt) một hộp 5 phân tây cho trâu uống hai ngày, bò thì cho uống làm ba ngày.

Sau nữa phải trừ uế khí ở trong bụng ; mỗi ngày cho trâu uống một thìa Annam thuốc bích-kê (*Crétyl Jeyes*) pha vào 3 lít nước lá ổi loãng. Bò thì cho uống một nửa thìa. »

Nếu không theo được đủ cách nói trên đây, thì cứ cho uống nước lá ổi, lá gừng, lá nghệ, lá sả pha thêm thuốc bích-kê cũng được.

B. — Sở Thú-y có thứ thuốc tiêm chủng hoặc chữa khỏi hoặc phòng bệnh.

a) Thuốc tiêm (*sérum antipestique*) là thứ nước máu lấy ở bò thí-nghiệm tại viên Pasteur Nhatrang. Dùng thuốc này có khi chữa khỏi được, mà thường chỉ giữ cho con vật chưa đau khỏi mắc lây trong hai ba tuần lễ mà thôi.

b) Cách chung gọi là *Séro infection* hay *Séro-vaccination* nghĩa là tiêm cho con vật chưa lây bệnh, vừa thuốc serum vừa máu có trùng-độc của con vật bệnh.

Cách chủng này do thuyết: « dĩ độc khử độc » hai y-khoa (nhân y, thú-y) thường dùng, cách chủng sở dĩ làm cho nổi bệnh nhẹ nhẹ. Đã có thuốc serum cầm cho khỏi phát bệnh nặng. Khi cả hai đã ngấm vào huyết, thì máu sinh ra một chất mới (*anticorps*) chất này để chống-cự với chất độc chủng vào (*antigène*) mà làm cho tạng thể đủ sức phòng bị, khỏi bị lây bệnh.

Trong tạng thể đã chủng rồi khác nào như có toán quân thủ đồn. Nếu trùng-độc có vô tạng thể, thì chất mới đó (*anticorps*) xua-đẩy ra hay làm tiêu-tán đi, — vì thế chủng rồi không có lây bệnh nữa (*immunité acquise*) nhưng chỉ được trong một vài năm thôi, lại phải chủng lại.

Cũng có trâu bò mạnh-khoẻ — trong khi có bệnh dịch — không bị lây, hoặc lây mà khỏi bệnh được, là vì trong huyết mạch có thứ viên trắng (*leucocytes*) bao bọc và tiêu diệt vi-trùng (*phagocytose*). Thứ trắng tròn ở trong máu đó lại sản ra chất trừ độc (*antitoxine*) làm cho trùng-độc không phát chứng bệnh được ; nói tắt lại là trong huyết tạng-thể đó có biệt-chất (*anticorps*) nên bệnh truyền-nhiễm không phát ra được.

Trâu bò trong lúc dịch-tễ mắc lây mà khỏi được thì sau không mắc bệnh dịch nữa, như thế là con vật tự-chủng (*immunité spontanée ou immunité de la première atteinte*).

Cách chủng (*séro-infection*) tuy có lợi nhưng về phần trâu bò dân làng khó công-hiệu, vì nhiều lẽ, nên chưa thi-hành cách chủng này cho khắp xóm làng.

Vậy khi sở Y-thú đã dùng cách chủng này, thì dân làng phải đem hết mọi con trâu bò để còn khám xét mà loại những con đã bị lây bệnh, hay mắc bệnh khác, hay ốm yếu quá. Khi chủng rồi thì phải tuân theo thể-lệ phòng-bị truyền-nhiễm, vì trâu-bò chủng rồi, tất mắc bệnh nhẹ nhẹ ; nếu không biết dưỡng ít lâu, cứ bắt chúng làm việc nặng nề thì không những đem bệnh lây truyền đi, mà lại vì vật mệt-nhọc hay chết nữa.

Nên biết rằng chủng rồi, thể nào cũng có con chết ; đừng thấy chết mà dị-nghị, đừng cho rằng thuốc không hay, cách chữa không hiệu quả.

Tuy chủng rồi có chết, thượng số mỗi trăm hết mười mười lăm con : — còn hơn là để bệnh lây vào rồi mà không theo phép

vệ-sinh, đề-phòng thì không sao chữa được, một trăm con chết 30 đến 90 con.

Khốn ! dân làng có người chỉ có một con bò đem chủng, chết thì thiệt hại phải riêng chịu ! Vì lẽ đó nhà-nước đương liệu cách : « nếu trâu bò của dân đem chủng mà chết thì hoàn-ngân cho thú-chủ ».

Tiêm chủng, nhà-nước đã hao công tốn của mà còn nghĩ cách hoàn-ngân cho khờ-chủ, là có ý giục lòng dân tin phục cách chủng ngu-lao.

Ở các xứ khác, nhiều nhà điền-chủ phải chịu tiền thuốc và phí-tồn khi tự mình xin chủng, vì chủng mỗi con trâu đã hết 5 đồng, bò 3 đồng tiền thuốc rồi !

Dân làng mà xin chủng thì không mất tiền.

Nếu nhà-nước chưa thi-hành việc hoàn-ngân cho khờ chủ, thì dân làng cũng nên đóng góp mà bù trợ cho kẻ bị thiệt-thời, không lẽ để riêng cho người thiệt hại mà mình đặng toàn hảo ?

Rủi không tiêm-chủng mà bị lây dịch-tễ, thì khi ấy tổn-hại đến thế nào ? Rồi ra các nông-gia mua trâu-bò đâu cho chúng giúp việc mình ? Vì khi dịch-tễ, trâu-bò vãng lai xuất nhập cấm cả rồi !

C. — Ngoài cách trị-bệnh và tiêm chủng, cũng nên biết cách phòng-bị và nên tuân theo thể-lệ Nhà-nước về việc vệ-sinh lục-súc.

Ở Trung-kỳ đã có dụ ngày 21 tháng 10 năm 1917 nói rõ bốn phạm ngu-lao-chủ, tổng-lý và cách đề-phòng các bệnh truyền-nhiễm thường có ở xứ Ta. Lại có dụ ngày 7 tháng 6 năm 1923 định án tù cho kẻ phi-lệnh trong lúc có dịch-tễ ngu-lao.

Ta nên hiểu thể-lệ, hiệu-lệnh mà tuân theo, trước lời cho mình và không thiệt cho kẻ khác, sau khỏi lỗi với luật-lệ Nhà-nước và khỏi bị phạt.

Vậy, khi nghi hay khi đã biết là trâu-bò mắc bệnh dịch, thì lập-tức nhốt riêng, rồi đi trình cho kịp có quan Thú-y đến khám xét xem là bệnh truyền-nhiễm gì, để còn khấu-bảm cho thi-hành luật-lệ đề-phòng.

Khi các quan đã sức thế nào, thì cứ tuân theo mà làm, ngõ hầu bệnh mới khỏi lây ra được.

Ta nên tin rằng : bệnh dịch trâu-bò dù làm thiệt-hại nhiều, mà ta lúc thấy sơ-phát cứ chịu khó biệt dưỡng thú bệnh, thì bệnh sẽ hết ngay, không có lan ra bao giờ.

— ■ —

Ta chớ nên câu-thả, tị-nạnh, vụ lợi mà làm thiệt hại chung cho cả xóm, làng, tổng huyện và có khi lây khắp tỉnh nữa.

Khi đã đề riêng thú bệnh ra một nơi vườn rồi, thì quét rửa chuồng cho thật sạch, cào hết phân tro đem ra chôn sâu, đem rơm cỏ cũ ở trong chuồng ra mà đốt đi, lấy tro thật nóng, hay là nước sôi mà đổ vào chuồng. Nếu có nước tẩy uế (bích-kê), hay vôi bột, hoà nước mà dùng càng tốt.

Nên chăm nom bổ dưỡng cho thú bệnh, nên đề riêng một người về việc ấy.

Đừng để người làng xóm tới gần chỗ trâu-bò bệnh nằm.

Nếu trâu-bò chết, thì đừng có lột da, đừng có mổ xẻ lấy thịt ăn, cứ đề nguyên xác nó đem ra huyết đã đào thật sâu, bỏ xuống lấy rơm rác đốt lên trên, rồi lấp đất cho cao, chung quanh mà rào lại, cho trâu-bò khác khỏi tới đó ăn cỏ.

Nếu làng nào có nơi riêng để chôn trâu-bò chết, thì hay lắm, chung quanh nơi ấy cũng nên có rào. Chớ có bỏ xác trâu-bò bệnh ở rừng rú hoặc buông xuống sông, vì hại vệ-sinh chung và lây bệnh cho loài vật. Một cái xác trâu-bò bệnh vất xuống sông có khi làm thiệt hại cho không biết bao nhiêu trâu-bò làng này tổng khác.

Đó là mấy điều cần nên giữ khi có bệnh dịch trâu-bò.

Tuy vậy cũng nên biết thêm đại ý mấy khoản trong nghị-định ngày 2 tháng 10 năm 1916 chung cả Đông-Pháp về bệnh dịch trâu-bò (dự ngày 21 tháng 10 năm 1917 cũng do nghị-định đó chậm-chước thi-hành tại Trung-Kỳ).

Khoản 20. — Hễ khi biết hay còn nghi có bệnh dịch trâu-bò, thì lập tức khai trình ngay, dù quan chưa có sức, cũng phải đề riêng con vật bị bệnh ra đã.

Kh. 21. — Khi quan sở-tại được tin đó phải bắt tuân ngay khoản trên này, nghĩa là phải bắt biệt dưỡng thú bệnh.

Kh. 22. — Quan Thủ-Hiến bản xứ phải ra một nghị-định loan báo nơi đó có bệnh dịch trâu-bò. Nghị-định ấy dán ở hạt có bệnh và cả các hạt chung quanh xa chừng 20 cột số (20 kilometres). Phải yết-bảng có chữ « bệnh dịch trâu-bò » ở những đường đi vào nơi có bệnh ấy.

Kh. 23. — Phải thi-hành những điều-lệ sau đây :

1° Phải đề riêng hơn một tháng nhà, chuồng, sân, ngõ, đám cỏ hoặc đồng cỏ trước đã có súc-vật mắc bệnh ở, và cấm không cho trâu, bò, dê, cừu, heo còn khoẻ mạnh đi tới các chỗ đó.

2° Đếm và đóng dấu những súc-vật trong vùng có bệnh dịch.

3° Sở Thú-y khám và trông nom các nơi có súc-vật ở.

4° Trừ ra khi đem giết thịt tại lò sát-sinh, chiếu khoản 24 sẽ nói sau đây, còn thì cấm hẳn không cho trâu, bò, dê, cừu heo ra khỏi địa-hạt có bệnh.

5° Cấm các súc-vật ấy vãng lai trong vùng đã yết-bảng báo bệnh, trừ ra khi đem qua hạt đó bằng xe lửa, tàu thủy mà không có màn-sẻ nơi nào cả.

6° Chỉ cho phép đem đi đăc lại nội trong một làng hay một đồn-diền những trâu-bò dùng về việc ruộng nương, nhưng phải có sở Thú-y xét xem súc vật ở đấy đã, một tháng rồi mà chưa thấy có bệnh dịch hoặc không ngờ có bệnh ấy thì mới được. Nếu nông-chủ không tuân cách đề-phòng thì lại không được phép cho trâu-bò đi lại nữa.

7° Trong hạt có bệnh, nếu có bệnh gì khác hay thấy sự gì thay đổi trong số vật đã kiểm điểm, thì phải báo ngay cho quan Sứ biết.

8° Người lạ mà không có quan Thú-y thương lượng đề quan Sứ cho phép, thì không được vào các nơi có súc-vật bệnh, và cấm những người coi giữ súc-vật ấy tới gần các vật khác.

9° Người nào ở nơi có bệnh đi ra, thì phải tẩy-uế ; giày dép, chân tay.

10° Không được đem ra ngoài nơi có bệnh hay mang đi-mang lại trong hạt có bệnh những vật gì có trùng độc nó làm lây bệnh, như là cỏ, rơm, rác, phân, da, lông, sừng, móng v. v.

11° Những người buôn da phải khai ngay tại Toà, nói rõ, mình có bao nhiêu, da gì và da ấy mua ở đâu cùng là để da đó lại đâu. Sở Thú-y có thể khám da và in dấu vào da. Khi sở Y-thú đã nhận thực rằng da đã tẩy-uế cẩn thận rồi, thì mới được đem ra khỏi hạt. Súc-vật chết, thì khi chôn phải băm nát da ra. Khi có thể tẩy-uế da ngay chỗ vật chết, có quan Thú-y coi thì cũng được lấy da phơi sau bán, còn đem ra nơi khác mà tẩy-uế, thì không được.

12° Không được để phân trên đường đi và không được cho chảy ra ngoài nước đáì, nước phân hay những chất gì có thể truyền bệnh ra được. Phải đem chôn, hay đốt đi hay vẩy nước tẩy-uế lên các chất đó.

kh. 24 — Quan Thủ-Hiến mỗi xứ có thể làm phép đem ra ngoài hạt có bệnh những súc-vật không mắc bệnh, nhưng phải dắt ngay đến nhà sát sinh có quan Thú-y trông coi, và phải có giấy thông-hành đi đường đã định.

Kh. 25 — Khi bệnh dịch một ngày một lan ra, thì quan Thủ-Hiến có thể cấm không cho họp chợ bán trâu bò, dê, cừu và heo trong một tỉnh hay nhiều tỉnh tiếp giáp nhau.

Kh. 26 — Một tháng rồi mà không thấy bệnh dịch phát nữa và khi đã tẩy uế rồi, thì mới bãi nghị định thi hành các khoản đã nói trên.

Kh. 94, — Khi nào thấy ở chợ có bệnh dịch trâu-bò, thì các súc-vật đem bán phải nhốt lại và phải chiếu trị khoản 20 đến 26 mà thi-hành.

Kh. 115. — Cách tẩy-uế bệnh dịch trâu-bò, thì phải như sau đây :

1° Lấy một thứ nước tẩy-uế đã định trong khoản 114 mà tưới và phải hốt phân, tro, rơm, cỏ, v. v. (khoản 114 nói nhiều thuốc để tẩy-uế, nhưng đây chỉ nói một vài thứ thường có và dễ mua, như là Crésyl, 5 phần thuốc. 95 phần nước ; nước vôi, 10 phần vôi, 90 phần nước ; lúc tẩy-uế hãy tô vôi)

2° Cạo thật kỹ và lấy nước tẩy uế rửa chuồng, vách, cửa, v. v.

3° Lấy nước tẩy-uế tưới đi tưới lại, cống, rãnh, trong nhà ngoài sân, v. v.

4° Trong ba tháng không được mức nước tiểu, đào hốt phân.

5° Trước khi đem xác đi chôn phải tẩy-uế tất cả thân thể con vật chết. Phải thấm nước tẩy-uế mà đút nút lỗ mũi, mồm lỗ đít (khu) lỗ đẻ, v. v.

6° Phải đốt những khăn lau, dây chạc, chổi và các đồ gỗ có dính phân.

7° Người nào đã mó vào súc-vật bệnh hay xác vật chết, thì phải lấy xà bông rửa chân tay (nước rửa rồi phải đổ vào hồ phân), giày dép và quần áo phải ngâm vào nước tẩy-uế rồi giặt cho kỹ.

Kh. 170. — Trâu-bò có bệnh dịch không cho đem vào xứ, phải đóng dấu, rồi bắt lửa trở lại. Trâu bò ở tận biên đem lên thì phải giết hết, không có tiền bồi thường gì cả

Cách trừng trị

Chiếu luật 21-7-1881, kẻ đem bán trâu-bò bệnh hay phạm

lỗi gì trong khi dịch tễ, thì phải phạt tiền và phải án tù nữa; tùy theo tội nặng nhẹ; phạt tiền từ 16 đến 2.000 quan tiền tây, án tù từ 6 ngày đến 3 năm.

Ở Trung-kỳ trước thường kết án phi-lệnh hay bất-ưng-vi, cho thực ngân, nhưng theo dụ ngày 7 tháng 6 năm 1923, thì kẻ nào không tuân lệnh trong kỳ dịch-tễ súc-vật thì phải tội tù, chớ không cho án thực.

Bệnh dịch trâu-bò rất truyền nhiễm làm thiệt hại cho việc nông, công, thương.

Ta nên cần-thận mà đề-phòng và tuân theo luật-lệ trước lợi cho mình, sau khỏi thiệt kẻ khác cùng khỏi tù khỏi phạt.

N. V. CHÍNH.

Tu-hít hộ thân.

Bấy lâu trước lại Bắc-kinh chưa có ai lo việc dọn dẹp quét tước đường sá, chỉ nhờ nỗ chim hay ăn mỗi thịt và hay tha rác rến dọn bớt sự dơ nhớp chốn thành thị mà thôi. Vì thế dân Tàu lấy các thứ chim ấy làm ích cho mình lắm; như chim ó (faucon), bồ câu (épervier), phụng hoàng (aigle), v. v. Các thứ chim ấy ưa mỗi thịt ỉnh ỉnh, hằng bay khắp chốn kiếm ăn, nên hễ nơi nào người ta vất những chó chết heo chết, ruột bò, v. v. ngoài đường sá, thì nó dọn sạch.

Nhưng vậy dân Trung-hoa thích nuôi chim câu, lại thấy chim ấy bay đi từng đoàn đậu trên các nóc nhà. Chư vị khán-quan nghe thứ chim nhà bay chung với các chim hay ăn thịt mà không hề gì tưởng cũng có người lấy làm lạ. Tại sao? Để xin nói cho mà nghe.

Mỗi chim câu trong mình có đeo một cái máy hút gió nhỏ, người Trung-hoa kêu là *chao tsé*. Có hai nhánh trúc nhỏ cột treó nhau, như ống sáo, ngoài đầu ống có cái tu-hít hút gió. Cái đó nhẹ lắm, con chim mang đi dễ. Cái tu-hít ấy kết vô lông đuôi, hễ chim bay mau chừng nào, thì gió luồng vô kêu mạnh chừng ấy; ống dài hay là vắn, thì nghe kêu giọng khác nhau. Nên các chim kia nghe vậy thì sợ tránh xa, không dám a lại bắt.

Văn Uyển

Thiên địa nhơn vật

Đông tây nam bắc bốn phương trời :

Cảnh đẹp tình xa ấy hỡi ai !

Lộng lộng từng xanh tinh tú chiếu.

Mù mù đậm biếc trạch kinh chơi.

Đầu non cắm thú reo, bay, nhảy ;

Dưới nội thảo ba búp, nở phơi.

Tạo hoá chung bày khôn xiết đẹp :

Nhìn xem chẳng đó hỡi loài người.



Loài người đứng giữa rún căn khôn :

Chức trách con đầu Chúa chí tôn.

Vạn vật vô sinh cùng cảm giác :

Một mình hữu trí, có linh hồn.

Đã cao tầm trượng ơn sinh dựng,

Thêm nặng hòn cân nợ bảo tồn.

Kim, mộc, thú... nay mai khuất mắt :

Chỉ linh hồn vạn đại đang còn.

TRẦN-THỊ-YẾN.

Danh-tiếng

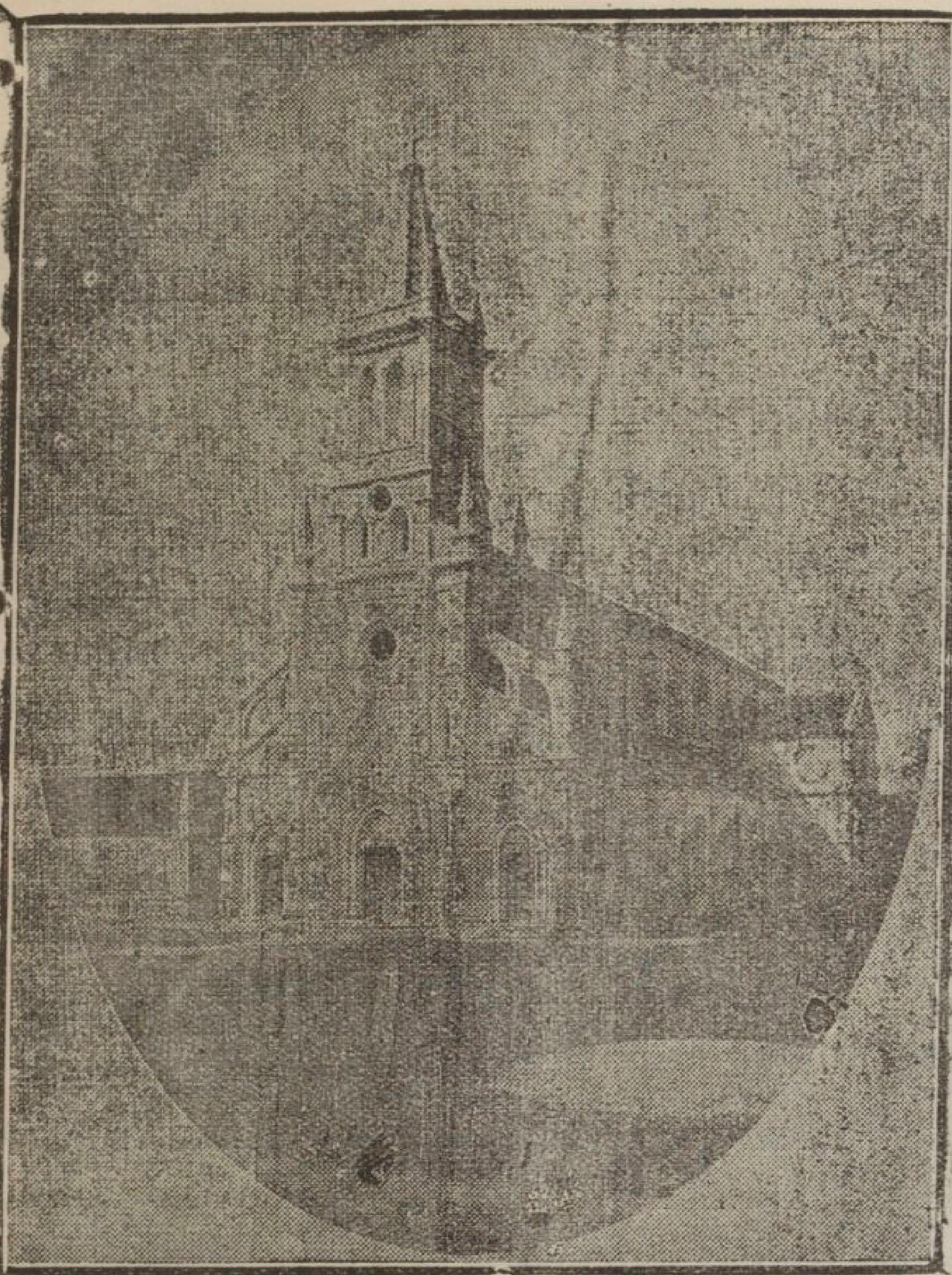
Có truyện trong sách Ti-phương (apologue) rằng : Ngày kia Nước và Lửa cùng Danh-tiếng đều đi, khi muốn lìa nhau, thì ra khẩu-hiệu đăng sau gặp nhau lại cho dễ.

Nước rằng : Hễ đâu có thấy cây lác tốt, thì đó có tôi.

Lửa rằng : Hễ đâu có khói, thì đó có tôi.

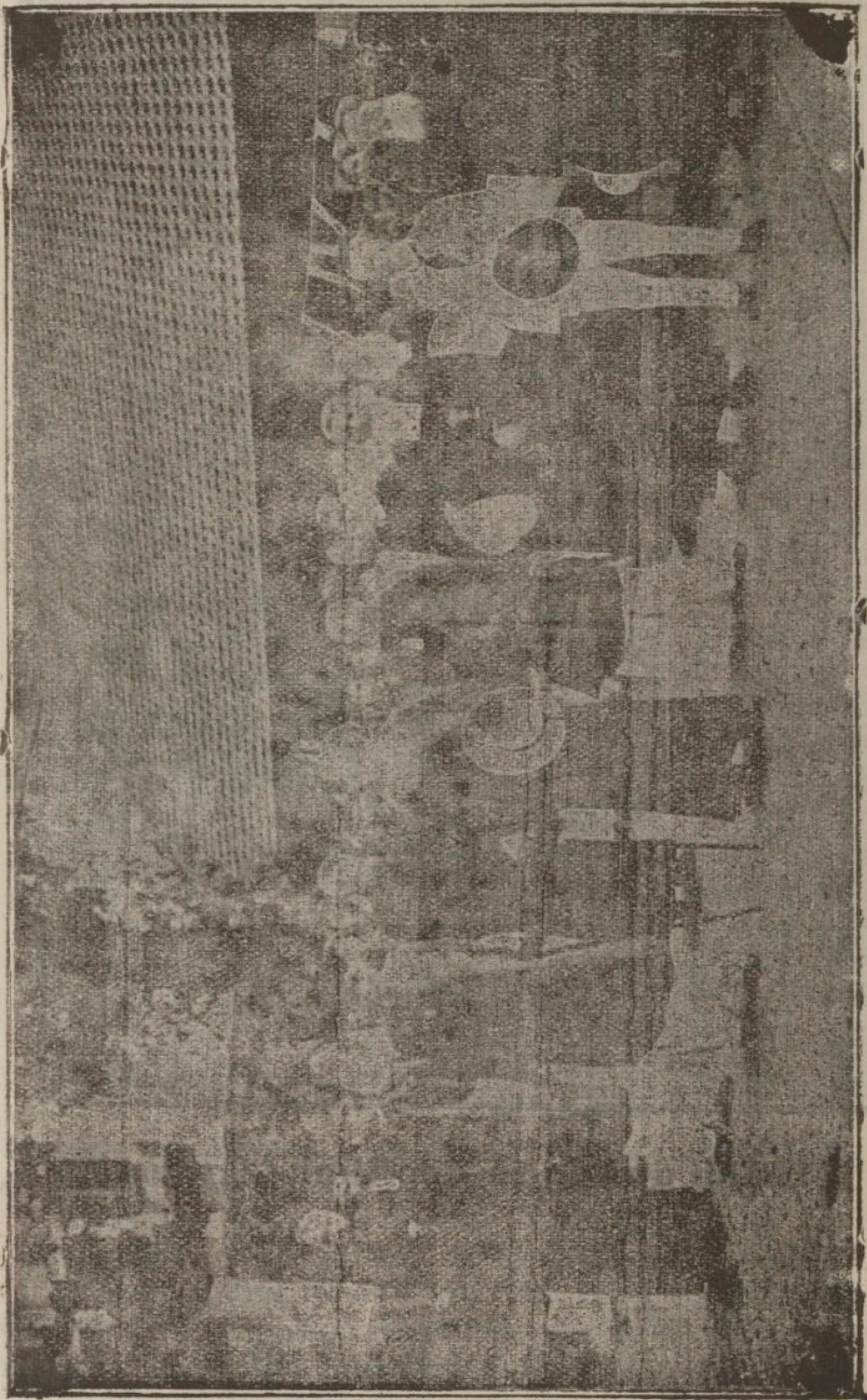
Danh-tiếng rằng : Phần tôi khó lắm, phải gìn giữ luôn, vì hễ lạc mất thì khôn phương tìm đăng ; vì thế, người ta quen nói : *danh ỏ nan thực, danh nhơ khó chuộc.*

Bởi đó phải lo giữ tiếng cho mình và cho kẻ khác,



Thánh đường sở đạo Vinh (Annam)





Kỷ-niệm trường dòng Pellerin sáng lập được 25 năm ở Huế (Annam).

Giống như Mọi cả !

Mọi ngày kia, nhân buổi rảnh việc, thông thả bước lần mà gần lại cái mối cảm riêng đó. Một gần, một gần, thì lòng lại thêm khoái lạc. Trước mặt dần dần đã tạc ra một bức tranh rất đủ thú thiên-nhiên : bên này một sườn núi xanh, bên kia một sườn núi xanh, ở giữa cũng một sườn núi xanh ; giữa cái sườn núi xanh ở giữa, có bốn, năm, sáu, bảy, tám, cái nóc nhà tranh vàng ; nhà thì tranh mà lại có gác ; nóc thì vàng, nhà thì gác, mà dưới chân sườn lại thêm một con sông nhỏ, nước trắng bạc chạy bao quanh. Nhưng một gần, một gần nữa, lòng vui, lại có xen thêm một sự lạ, lạ là vì có đất, có nước, có nhà, mà vắng vẻ im lặng phỗng như không có người ! Một gần, một gần nữa, đến nơi, thì lạ lại đổi ra một nỗi cảm-sầu vô-hạn : cái cảnh thiên-nhiên này hoá ra một cái làng Mọi đã bỏ, nhà cửa vẫn còn, nhưng dấu người đã vắng, đường đi vẫn có, mà từng rêu đã xanh. Ôi ! chạnh tấm lòng ngao-ngán, ngao-ngán ! Nhưng đương khi ngẫm-nghĩ, tai phảng nghe như có tiếng bửa củi. Tôi liền bước thêm mấy bước, thì thấy có một người Mọi, tay cầm cái rìu, ngưỡng mặt lên trông tôi mà rằng : « Ông đến đây mà làm gì ? Ông không biết đây là một cái làng Mọi trước rất đủ bề thịnh vượng, nhưng vì có một lời nói của chú bộ-thủy mà nay thành ra đám tan-táng này hay sao ? À ! ông thấy phong-cảnh đẹp mà đến xem phải ? Ờ ! phong-cảnh đẹp thiệt, nhưng đẹp mà thầy bộ-thủy nói ở động, thì đẹp cũng chẳng làm chi ông hạ ! »

Người Mọi nói thế rồi lại cúi đầu bửa củi. Còn tôi thì xuây mặt bước lui, trong lòng chứa chan đầy những nỗi ngậm-nghĩ. Nhưng tôi chưa bước được bốn năm bước, thì người Mọi lại kêu lại mà rằng : « Này ông ! Ông đừng tưởng rằng Mọi chúng tôi không ai là biết được phong-cảnh đẹp, không ai là biết được bộ-thủy hay nói xàm. Như tôi đây lúc trước cũng ở làng này, cũng biết thích cái phong-cảnh này, biết cho bộ-thủy kia nói bậy. Nhưng cả làng bỏ đi hết, thế-tục bảo vậy, có lẽ một mình tôi chống lại mà nằm yên đây sao ? Vì thế nên tôi cũng phải bỏ ; nhưng đã bỏ mà tôi vẫn cứ nhớ cái chốn này, nhớ nên mới đến đây mà bửa củi ».

Ôi ! Ta cũng nhiều vì tin mà theo sự huyền-hoặc như làng Mọi, cũng nhiều vì thế-tục mà theo sự huyền-hoặc như người Mọi đó, cũng giống như Mọi cả....

TRẦN-ĐÌNH-NAM.

Điều nên biết cách trừ.

1° — Bọ chết.

Ở nước Maroc có ông Delanouë dùng cách này trừ bọ chết đã được việc lắm. Là lấy một cái đĩa nước đồ lớp dầu mỏng trên, chính giữa chong một ngọn đèn, đoạn đề trong phòng cho thiệt tối hung. Như vậy bọ chết thấy sáng bò tới mà phải rơi vào dầu chết cả. Ông Delanouë dùng cách này nội trong năm đêm đã giếtặng 1700 con.

2° — Chuột.

Lấy khăn lông cũ cắt từng miếng nhúng nước keo (*gomme arabique*) rồi đem đồ phồng cho nhỏ bết vô mấy miếng giẻ đã nhúng keo ấy và đem đề trước hang chuột, có đề đĩa nước đầy một bên đó. Chuột ra ăn no, khát nước, chắc uống đầy bụng ngất ngư.

Cũng có người lấy lá bạc-hà pha với đồ ăn mà thuốc chuột, chuột ăn nhầm thứ đó cũng phải chết.

3° — Chuột đồng.

Trừ chuột đồng cũng như trừ chuột nhà, mà có cách này nữa. Chỗ đồng nào chuột hay phá, thì bỏ rơm từ đồng nhỏ nhỏ, đập hơi dẹp dẹp xuống, cách nhau 25 bước, mỗi đồng bỏ trôn một nắm cám, con chuột chun vô mấy đồng đó vì nó ưa chỗ ướt ướt, nó dõn trong mấy đồng rơm bắt dễ lắm và bắt được nhiều.

4° — Kiến.

Muốn khử trừ loài kiến khỏi vô trong tủ đồ ăn, và nơi phòng ăn, thì bỏ than củi rải rác trên tran đồ ăn ấy. Cũng lấy than giã rồi mà bỏ dưới các gốc cây có trái,ặng ngăn kiến khỏi tới phá hoa quả. (Ấy là cách của ông bác vật Joigneaux đã bày ra.)

Lại còn có thể ngừa kiến khỏi bò lên bàn cách khác nữa : là lấy phấn viết mà chà vào chơn bàn chừng vài tắt tây, thì kiến không bò lên được.

Lại có cách này nữa : là cắt chanh đã mọc ra, từ miếng nhỏ nhỏ bỏ trong tủ đồ ăn ; kiến đánh hơi gắt như mùi sinh, thì không dám vô tủ.

Nhà phước ở Đàng-ngoài.

Cha Dòng Tên qua giảng đạo trước hết ở Đàng-ngoài trong năm 1623.

Đến năm 1640, Đàng-ngoài số bôn đạo đặng mười vạn rồi ; mà kẻ ngoại càng ngày càng xin vào đạo ; còn bôn đạo thì sốt sắng lắm.

Qua năm 1643, Chúa Trịnh-Tráng cai trị Đàng-ngoài ra sắc cấm đạo ngặt lắm. Khi ấy có ba trinh nữ đã khấn ở đồng trinh trọn đời rồi, thánh hiệu là Vittà, Monica và Nimpha, ở xứ Đông (khi ấy là tỉnh Hải-dương và Quảng-yên) rủ nhau lên Hà-nội, đề nộp mình tử đạo. Song khi vừa tới nơi, thì Chúa Trịnh-Tráng tha đạo rồi.

Khi ấy ba trinh nữ này quyết ở chung tu thân cùng nhau, không về quê nữa. Đến sau có ít nhiều trinh nữ bắt chước vào tu thân với nữa.

Qua năm 1666, có cố Deydier thuộc về hội các cha Dòng-sai Pha-ri, qua giảng đạo Đàng-ngoài trước hết cũng lập nhà Nữ tu ; song không rõ, khi ấy các chị em năm 1643 còn hay không ; chỉ chắc một điều là khi ấy ở Đàng-ngoài có nhiều phụ nữ giữ mình đồng trinh dâng mình làm tôi Chúa như các chị nhà dòng vậy. Nhưng mà khi ấy chưa có Luật-phép chi cho hẳn.

Đến năm 1670 tháng Fébruariô, khi Đức Cha đê Berythê cai trị Địa phận Đàng-ngoài, ra kinh lược Đàng-ngoài, mà an bài việc đạo, thì Ngài đã lập Luật dòng Chị em mến thánh Giá, mà gởi cho ít nhiều phụ nữ đang ở chung tu thân cùng nhau nơi làng Kiên-lao về xứ Nam. Lại ngài cũng gởi hai thơ, một thơ cho các chị, một thơ cho hai Bà bề trên, mà chỉ dẫn đàng nhưn đức trọn lành cùng việc bôn phận ai nấy phải làm mà đi đàng nhưn đức.

Cách một năm là năm 1671, số chị em trong dòng thêm đông, đến nỗi phải lập thêm nhiều sở ; lại nhờ cố Deydier và de Bourges lo lắng xem sóc đặc diu, thì các chị tấn tới trong đàng nhưn đức lạ lùng, ai nấy cũng đều khen ; và có nhiều phụ nữ ngoài thế gian thấy các chị em Nhà phước nhưn đức thế ấy, thì sinh lòng ái mộ đi đàng nhưn đức cách lạ : có kẻ xin vào nhà phước, có người tu thân ở đời ; như có cớ tích lưu truyền chứng minh danh rành đó.

L. CADIÈRE và PH. BÁ.

RẢN LỤC

Hình thể và tính rản lục.

Con rản lục là loài bò sát, không có chân, (điều nói rản có chân là điều nói phỉnh trẻ nhỏ), nó lớn bằng chừng ngón tay, dài độ 60 centimètres, da nó xanh vàng, đầu nó ra hình ba góc và có nhiều vảy nhỏ, trên đầu có một dấu như hình chữ V, nó ưa ở những nơi đá sỏi, và những chỗ lịch mịch, thường nó hay núp vào những nhánh cây rậm lá, sắc nó điệp theo da cây, khó bề trông thấy; ban ngày con mắt nó khờ, mà tối rất lanh; ban đêm thanh vắng nó hút gió tiếng lạnh lớt nghe bắt ghê mình. Rản lục là loài đẻ trứng, mà nhiều khi giết nó thì thấy trong bụng nó có con. Sách Cách trí nói rằng: « Có một hai giống vốn là loài đẻ trứng, nhưng trứng nở con khi còn trong bụng, như loài rản lục, giống cá nhám, v. v. »

Vả lại hễ loài có vú thì mới đẻ con; cũng nói được: giống ắn có nhãi, giống tai có vành là loài đẻ con. Trong ba điều đó, rản lục không có điều nào, thì phải nói nó là loài đẻ trứng mà chớ.

Con rản lục có nọc rất độc.

Nhiều người tưởng lầm rằng: con rản có cái độc như độc ong nó đâm nó chích vào mình, kêu là độc; bởi vậy khi thấy con rản có cái lưỡi le ra thụt vô thì nói rằng: « nó le độc ra ». Hoặc có kẻ lại tin sai rằng: con rản độc cắn dăng đuôi. Ấy là tin lầm, kỳ thật lưỡi nó không sao, đuôi nó không hại, độc nó là tại nơi răng mà thôi. Vậy nọc rản là cái gì?

Nọc rản là một thứ nước độc ở tại hai cái hạch (glande) nằm sau con mắt nó và thông với hai cái răng lớn ở hàm trên. Răng ấy ở giữa rỗng, cho nên lúc nó cắn, thì nước độc ở hạch chảy xuống răng mà thấm vào chỗ cắn. Nước độc ấy nhập với máu ta, thì pha cái độc vào máu mà chạy khắp châu thân, làm cho sưng phù lên, nhất là những phần gần nơi bị cắn.

Bị rản lục cắn cũng hiểm nghèo: độc nhất là những con có chữa, hay là trong tiết nóng mùa hè. Trẻ con bị cắn mà không chạy thuốc, thì có lẽ chết; người lớn không ưa cũng nhức nhối khó ngồi; không chết ít là cũng sưng đau nhiều ngày, phát lạnh phát rét. Tôi đã thấy một đứa trẻ bị rản lục cắn trên đầu, sưng phù cả mặt và chảy máu mũi máu tai, bất tỉnh gần chết. May nhờ nước tiền-quỉ (ammoniacque) nhỏ

cho, không thì cũng đã vong mạng. Xứ ta đây rắn lục cũng nhiều, cũng hay có người bị cắn, biết một hai phép trị cũng hay.

Chỉ ít phương trị rắn lục cắn.

Thuốc tây có một thứ thần hiệu trị độc rắn, khi bị cắn phải tiêm thuốc này liền, thì hết nọc độc. Thứ thuốc ấy lấy bởi máu loài vật, gọi là sérum antivenimeux (thuốc nước trị độc). Khi bị rắn lục cắn có ở gần nhà thương, thì phải chạy tới thầy thuốc liền.

Nhưng ai nấy cũng nên biết những phép đơn tiện sau này mà hộ thân, hầu lâm thời xa thầy không thuốc, mình chữa lấy mình cũng đỡ.

Điều cần trước hết là hễ vừa bị rắn lục cắn phải mau mau lấy khăn, lấy dây mà cột riết cho chặt trên nơi bị cắn, đừng cho nọc độc theo máu mà châu lưu cả mình. Annam ta hay lấy vôi mà xức vòng bốn phía, có ý chặn nọc không cho chạy: ấy cũng là một ý kiến; nhưng xức vôi không đủ, phải nịt dây cho chặt mới xong. Rồi tức thì lấy dao xếp hơ qua ngọn lửa mà mổ nơi bị cắn cho khá sâu, chừng một hột lúa (1^{cm}), nặn máu ra cho nhiều, rồi lấy nước tiểu quý (ammoniaque, hoặc acide phénique) mà rửa, hay là tốt hơn thì lấy sắt nung cho đỏ mà áp vào nơi dấu.

Khi gấp, mổ rồi lấy miệng mà nút máu giở ra cho hết nọc: nhưng phải nhớ: như trong miệng có mọt hay là có chỗ trầy da, thì chớ dùng miệng mà nút, vì độc sẽ nhập vào nơi đó. Ấy là những phương phép tây.

Annam ta cũng có nhiều bài gia truyền trị rắn lục cắn, như: Rau mơn gia hột muối đâm nước uống xác dặt. — Rau răm hay là cửu-ly-hương nhai nước nuốt xác dặt. — Lá cây đuôi-phụng gia hột muối đâm dặt. — Hoặc ăn miếng trầu cho mặn miếng thuốc cho ngon nước nuốt xác dặt, bằng có nhức lắm và sưng thì thêm vỏ vông; có nhựa ống điều càng hay.

Ấy là những phương trị rắn cắn, còn ai có muốn bắt các thứ rắn độc, hay là cho nó nghe hơi mà phải chạy trốn, thì dùng hùng-hoàng với phong-cương hai vị mài thoa cả mình, lại ngậm mà phun, thì bắt được rắn. Bên tây ai giết rắn lục thì có thưởng, cũng như bên này Nhà nước thưởng kẻ hại được hổ lang vậy.

THOMAS TRÚ.

Chuyện của Chú Từ Dốt.

Thuở ấy cây cối biết nói chuyện. Cây bông kia than thở rằng : «
Mấy cái thằng cha người ta đó vô doan dị hợm thái thâm quá. Nó ý nó là loài nhơn, của tôi là loại cây loại gỗ, nên nó khinh khi tôi. Bông tôi tốt lành, màu đỏ au và mùi thơm tho bay ra xa lắc, mà không thấy ai léo hánh tới hết. »

Một cây khác ở gần trả lời : «
Là tại mấy đặng tới ai mấy cũng đâm, cũng quào, cũng xé rách nát hết ! »

Ấy là hình những kẻ hay nói xấu cho người ta. Ai không nói hành kẻ khác thì là trọn vẹn trước mặt Chúa và thế gian. Tôi làm thằng Từ, chớ không phải làm ông gì mà dạy dỗ ai, song tôi nhắc lại mấy bài giảng tôi đã nghe mà thôi.

Điều răn Chúa tóm lại có hai điều mà thôi : Trước kính Chúa, sau yêu người. Mà phải là yêu kẻ đã làm ơn cho mình, kẻ tử tế với mình chẳng ? Phải, song chưa đủ. Phải thương kẻ nghịch cùng mình, kẻ làm hại mình. Cha chả, cái đó khó quá ! Ai mà thánh thần gì mà được nhơn đức như vậy ? Như vậy mới công nghiệp được với Chúa, vì ngày sau Chúa sẽ xét ta như ta đã đoán xét kẻ khác... Nghĩ lại mới hiểu rõ sao Đức Chúa Giêsu dạy trong kinh Lạy Cha rằng : «
Và tha nợ chúng tôi, như chúng tôi cũng tha kẻ có nợ chúng tôi !... »

Cây bông kia thơm tho tốt lành, song có gai, nên không ai dám rờ đến. Đó là hình kẻ biết làm việc lành phước đức, bổ thí cho kẻ thiếu thốn, lập hội này, bày cuộc nầy, về cuộc kia, đáng khen, đáng ngợi lắm, đọc một ngày không biết mấy chục chuỗi, song không biết giữ miệng lưỡi, hoặc bởi nết xấu, hoặc bởi thói quen, vô ý, nên bề rành thì cứ lo việc người ta mà nói : chẳng những mình quào người ta, mà lại làm cho kẻ khác cấu xé nhau nữa.

Cha chả hại là dường nào. Bởi đó nên ai nấy cũng sợ kẻ miệng lưỡi xấu mà gọi rằng rắn lục, vì «
cáo gian, nói hành, khinh dể, cũng muốn làm thiệt hại cho người ta » theo sách phần nói.

Ta biết thày cũng có tật xấu đó ít nhiều, nên xét mình cho kỹ mà chữa, nầu được trọn vẹn trước mặt Chúa và thế gian.

Bài giảng suông không ? Chắc tôi sẽ được lên chức đa !

Dốt.

Điều nên biết.

Cách làm cho giấm trong.

Muốn làm cho giấm ra trong sạch, thì phải đổ một ly sữa sôi vô giấm ấy, để vậy rồi thì gạn ra.

Tam hạp (*ciment*) Tàu dùng trám đồ sành.

Lấy tằm kính trắng bỏ nấu với nước thường, mà nước cho thiệt sạch, sôi chừng 10 phút, rồi đâm rây cho nhỏ, nghiền chung với tròng trắng trứng gà.

Lấy bột ấy trám đồ sành bề chắt lăm, mấy chỗ bề trám, rồi dính cứng, không sợ rớt ra nữa.

Nấc cụt.

Muốn khỏi nấc cụt, thì cứ cách này :

1° — Bụng miệng cho kín — 2° — lấy ngón tay cái và ngón tay trỏ bóp lỗ mũi đừng cho thở ra — 3° — đứng nghiêm trang, đừng cựa quậy, con mắt chớ nháy.

Làm vậy một chặp thì hết. Như một lần chưa hết, thì làm hai, ba lần chắc tuyệt.

Còn một cách nữa là : lấy một muổng đường cát khô nuốt cho liền lệ thì hết liền lập tức.

Nhức đầu.

Thứ dưa chuột hay là *bí rợ* cắt từng miếng, bao trên đầu, thì bớt long óc, nhức đầu, v. v.

Song nếu dễ tới thầy thuốc mà hỏi, thì chắc hơn.

Rét (sốt).

Sớm mai và chiều mỗi buổi ăn một tép tỏi ; cứ vậy luôn năm ngày, thì trừ được bệnh rét phát có cũ. Vỏ chanh ngâm với nước nóng, uống cũng hay vậy.

Củ hành sống xắt nhỏ lấy rít xung quanh cẳng, để vậy luôn 48 giờ, thì trừ được bệnh rét thương hàn. Như chưa dứt cho thiệt, thì phục thêm hoàn thuốc quinine.

Tê chơn.

Khi nào tê chơn, thì để bàn chơn trên cột, hay là trên tấm ván bằng *cây lim*, thì hết tê.

Đề trên cây gỗ thế cũng hết vậy.

Làm chức việc.

Vốn mọi người thấy đều phải có đức nhịn nhục chịu khó song phận sự các chức càng phải có đức nhịn nhục chịu khó hơn nữa : vì chung phận sự các chức là phải làm việc theo ý nghĩa chức mình là *chức việc* ; mà muốn làm việc cho nên, thì cần phải nhịn nhục chịu khó. Chịu khó vì năng gặp nhiều việc gay go nặng nề ; nhịn nhục vì thường làm nhiều kẻ gièm pha bắt bẻ. Ai chẳng hay nhịn nhục, chẳng quen chịu khó, thì chẳng có lẽ làm việc bổn phận mình cho trọn được. Bởi đâu có kẻ hay lấy bỏ việc họ, nhóm cừ không đi, đòi mời không tới ? Đó vì thiếu đức nhịn nhục chịu khó. Trong bậc kẻ làm chức việc thật phải có đức nhịn nhục chịu khó lắm, thì mới an trí vui lòng mới làm xuôi mọi việc : Vì chung biết mấy đều phải nhịn nhục làm lơ, biết mấy chuyện phải làm thình giả điếc, nào mấy ai được đẹp bụng mọi người trên dưới ? Thiếu chi việc phải mất lòng kẻ nọ người kia ? Bởi đó cũng lắm khi làm phải tiếng nặng tiếng nhẹ, cũng ghe lần có kẻ nói ngược nói xuôi, nếu không đức nhịn nhục, thì sao cho khỏi phiền chí sồn lòng ? Có khi trong hàng chức việc bởi chẳng hợp ý nhau, thì thả giọng chát giọng chua, tiếng cay tiếng đắng làm cho tức ruột phừng gan, mịch lòng xúc ý, nếu không đức nhịn nhục ắt sẽ ra bá hoạ tam tinh, ông này trở lại mắng la ông khác, nói không nên một lời, xử không thành một chuyện, như vậy nào còn chi thể diện, nói sao nổi với con em ? ấy vì đâu ? cũng vì thiếu đức nhịn nhục.

Nhiều lần trong con em nhiều tên cũng ngang đầu cứng cổ lắm, nói chẳng biết nghe, xử không muốn phục ; hay là có phục nữa cũng còn lắm bầm lấm bầm, nói cay nói xeo, nếu ta không biết dàng nhịn nhục, ắt không khỏi khích khí ra tay, mà việc càng ra nhuốc hồ. Sự ấy quý chức đã từng thấy, có khi cũng đã từng làm. Bởi không nhịn nhục, muốn ra tay cự với đứa tiểu hơn, ai hay tiểu hơn vốn là tiểu hơn. Khi nổi máu xung lên, thì nào quản gì người quân tử. Đó đã cho một tai, đây cũng hoàn lại một cú, như vậy còn gì thể diện ? Tội đứa kia dầu đáng ở tù trọn kiếp, mà thề thống mình cũng đáng hồ muôn năm. Vậy chi cho bằng lấy đức nhịn nhục mà thẳng lướt mọi sự, như lời ca thiên hạ rằng : *một sự nhịn, chín sự lành*, miễn là ta lấy lòng ngay lành, lấy đức khôn ngoan,

mà làm mọi việc, cho dầu có ai chẳng ưa mà nói đâm xoi cách này thế nọ, thì chớ màng chi đến. Nếu có ai phạm đến ta tỏ tường, thì để cho kẻ khác nói, hay là ta có nói, thì nói cho hiền lành hoà nhã đừng tỏ bộ nóng xung, đừng cao thanh đại ngữ : nói cho hiền từ mà trúng lý, thì ai ai cũng mến phục ; và biết nhịn nhục thì kẻ có lỗi lần lần cũng sẽ tự hối ăn năn và càng đem lòng mến phục ta hơn nữa mà chớ.

Đức nhịn nhục phải có vì nết xấu nơi kẻ khác ; mà đức chịu khó lại phải có vì nết xấu riêng ta, vốn ai nấy có tính ươn ể hay yếu mình, hay tránh nặng tìm nhẹ, mà trong bậc kẻ làm chức việc nhiều lần phải lao đao khó nhọc lắm, phải mất công bỏ việc nhà thức khuya dậy sớm, nếu không có đức chịu khó, thì hoặc bỏ lơ các việc ấy, hoặc làm cách bất đắc dĩ, lại thêm phàn nàn mất lòng Chúa ; như vậy đã mất công, lại thêm mang tội, thì nào đáng ích gì. Vì vậy quý chức hãy lo tập luyện hai đức ấy hằng ngày luôn. Khi có dịp gì phải chịu khó, phải nhịn nhục, thì hãy nhớ lại hai đức ấy, cùng chớ quên lời Chúa đã phán hứa cùng các thánh tông đồ rằng : *Bag có lòng chịu khó nhịn nhục, thì sẽặng phần linh hồn bay* (LUC. XXI, 19).

Đ. HỒ-NGỌC-CẦN.

Tức cười !



— Coi ! con heo tôi ốm quá ; tôi thấy mấy chú xóp-phơ lấy hơi bánh xè, đề tôi bắt chước họ mượn ống bơm đem về thụt con heo tôi cho lớn mà bán cho được tiền. »

Ai ơi ! tên nọ rán thụt con heo nồ bề ruột ! Khờ thôi đã hết ngỗ nói.

Điều nên biết

Đồ đựng đồ ăn bằng aluminium.

Các đồ đựng đồ ăn bằng aluminium, như đựng mỡ, thịt, v. v... nếu không rửa mà để hay là rửa không sạch, như nồi, chảo bằng aluminium nấu ăn rồi chưa rửa sạch mà treo cất thì khi chuột đánh hơi đồ ăn, cũng gặm lũng luôn cái đồ đựng ấy. Như một chõng đĩa bằng aluminium đựng đồ ăn mà chưa rửa hay là rửa chưa sạch, thì khi chuột đánh hơi khoét lũng cái này lại nghe mùi ở cái dưới, như vậy nó tưởng sẽ có đồ ăn ở sâu hơn nữa, nên khoét lũng nhiều cái đĩa một lần, chính mắt tôi đã thấy.

Kim sét ăn.

Kim bị sét ăn dùng may đồ quý như hàng lụa, hoặc đồ thêu, chẳng những may lâu, lại sét vấy đồ thêm dơ nữa mà thôi. Vậy muốn trừ hết sét thì làm cách này cũng dễ lắm : là lấy dầu oliva hoặc dầu mè pha với dầu lửa bỏ kim ngâm 24 giờ. Đủ 24 giờ lấy kim vùi vô mặt cửa thiết khô, lấy cái nĩa hay là chiếc đũa, cầm trộn qua trộn lại chùi cho kỹ.

Mực viết.

Đồ chút café trong chai và bỏ ít miếng sắt vụn, ngâm chừng một hai ngày thì thành nước đen tốt. Xin làm thử coi cũng dễ.

Muốn giữ mực viết khỏi đóng cặn trong bình, thì một hai khi chế thêm vô một muống nhỏ nước trà đậm. Làm vậy mực không thúi hư mà chẳng lợt màu.

Nút ve cũ.

Muốn dùng lại nút ve cũ, thì ngâm trong thùng nước chua phải bỏ một hai phần mười nước sinh (*acide sulfurique*). Chừng 12 giờ lấy ra, thì sạch trơn không có nghe mùi chi hết. Đoạn bỏ vô nước sôi rửa và rửa nước lạnh nữa.

Khi nào thấy nút ấy trông chảy rượ, lấy 2 phần sáp, 3 phần mỡ bò (*suij*) làm thuốc mà nhúng. Khi nào nhúng rồi, phải dựng đứng và đem lò lửa se lại cho khô, thì kín mít và tốt như nút mới vậy.

Thuốc xức súng ống, xe máy, đồ bằng sắt cho khỏi ten rét.

Trộn một phần nhựa với 6 hay là 8 phần mỡ heo đã thắng, bắt nấu, và cứ đánh cho ngội, ra sệt sệt, lấy để dành xức đồ sắt thì khỏi sợ sét ăn. Chừng muốn rửa, lấy dầu thang (*benzine*) thì mới sạch mỡ ấy.

Số độc đặc



Thầy Cang với cô Cang ngồi ăn cơm tối, Cô thì áy náy như có con mắt rọ rạy trong mình, bâng chén lên, hạ đĩa xuống, mà chén vẫn còn đầy cơm, đầu đĩa vẫn còn khô ráo. Thầy thì tăng hăng ra đầu âu lo, ngồi lại mâm cơm chưa đầy năm phút mà đã hỏi con-ở hai lần : « Chú trạm đi ngang chưa, con Cúa ? »

Con-ở thật vô-doan, không ra cái dáng, ăn nói thô-lỗ, làm lụng vụng-về, nhưng mà củi tre dễ nấu, rế rách cũng đỡ nóng-tay. Vả lại thời củi quế, buổi gạo châu, thêm lương bổng nhờ nhen, thầy với cô nhắm mắt cho qua ngày, miễn cho có kẻ làm tay chơn, kéo vô tiền nhân bất thành quân tử,

Tuy bây giờ gia-đình thầy với cô còn con cần bần-chật, chớ có một con tơ quen, nhưng mà cảnh này sẽ đổi, thầy sẽ có xe-hơi, cô sẽ có hột xoàn, sẽ có tời tơ năm ba bánh-bao bặt thiệp. Số là thầy nhịn uống trà ngon, dành tiền mua hai vé số của một Hội Phước-thiện, và từ ngày bỏ hai vé số vào túi thầy đến nay, thầy chắc ý, — dường như có ai mách trước — rằng : số độc-đặc một muôn sẽ về thầy làm chủ.

Bởi số ấy mới xỏ ngày hôm rồi, cho nên thầy với cô trông đứng, trông ngồi, trông chú trạm đem nhựt-trình về đặng mà dò mạng.

Nghe gõ cửa, thầy với cô bỏ đĩa, ngó nhau, mà ngực nhịp hồi năm hồi bảy. Chú trạm cầm tờ nhựt-báo đem vô, con tơ dưới bếp bâng lên một đĩa thịt. Thầy vội vã xé niêm tờ báo ra cho biết trong ấy định số phần ai được làm vạn-hộ. Thầy trái tờ báo ra, cô hỏi kiểm... kiểm... Trương thứ ba, cột chót, thấy mấy hàng số.

Ồi ! mấy hàng số coi chẳng ra gì, một trẻ con đọc cũng được, mà biết mấy kẻ phải tán loạn tâm tình khi đọc đến ! ! !

Thầy đọc... đọc... bỗng chúc mồ hôi nhuốm áo, con mắt như bị mây che. Cô nửa mừng, nửa nghi, ngó thầy trần trối.

Cô nó ôi, tôi biết lắm ! Trời độ ta phen này rồi ! ! Tôi

biết lắm ! !... » Tiếng thầy run như cơn rét, mặt cô chẳng khác nhuộm chàm, giọng gào hỏi chồng rằng :

— Đừng giả ngộ đã... coi cho kỹ...

— Thì coi đây nè, ai nói chơi hay sao cả. »



Thật, vé số của thầy trúng độc-đắc một muôn. Ôi ! hôm rồi, vé số của thầy là một mảnh giấy lộn mà nay thành một số bạc cả to, là một giang-san đồ sộ.

Thầy với cô dẹp bớt nỗi mừng, lo bữa cơm kéo nguội, nhưng mà ăn sao cho vô ! Rầu ăn chẳng được đã đành, cái mừng to, phát no cũng lạ.

Đã no hơi, lại không buồn ngủ, thầy với cô cứ đi tới đi lui, đi vô đi ra, rồi ngồi lại.

Hoàng thiên thấy nhà ta bần-chật bấy lâu đem lòng thương, mới cho bạc vạn.

— Con người như con nước, khi đầy khi vơi thường sự. Nhưng mà khi ta được phước trời cho giàu lớn, ta phải ngó lại có kẻ còn khó hơn ta, áo chẳng lành, cơm chẳng no. Như chị Hai của cô nó đã goá chồng, thiếu trước hụt sau, lại bần một bấy con đại.

— Thiệt, tội nghiệp, chị Hai tôi nghèo sát chiều !

— Đó, bây giờ ta có của nhiều, phải tra tay giúp đỡ, kéo bấy lâu chỉ lo nghèo mà ta thì cũng lo túng. — Tôi nghĩ : một muôn đồng, ta biết làm gì cho hết. Vậy, ta phải lấy lòng rộng rãi cho chị Hai phân nửa.

— Thầy tưởng đến bà con của tôi, tôi hết lòng cảm mến, nhưng mà quảng-đại thái quá không nên. Vả chẳng bấy lâu nay chỉ nghèo nàn quen phận, được của nhiều, e mừng quá mà điên ehăng, cho nên tôi tưởng cho chỉ 500 đồng cũng đủ.

Ta cũng phải lo cho ta trước hết ; Phải cất nhà cho lớn cho xinh, mua tủ sắt, sắm ghế cần, tủ trắc, v. v. mượn đũa ở cho đông đặng sai khiến. Mua xe-hơi đi với người ta.

Cô còn kể một dọc phải làm đi gì sắm những vật chi, mà thầy thì có sắc buồn, vì chẳng hay khi giàu lớn sẽ đặng an

thần như lúc còn nghèo khó chẳng. Thấy bảo cô đừng tính toán quá nhiều thêm rộn trí, đề lo đi lãnh bạc.

— Saigon bây giờ trộm cướp văn-minh lắm, tôi thì ít thạo đất kinh-thành, đề rủ anh Cương đi giùm cho chắc. »

Nói đoạn, thầy xách gậy ra đi đến nhà thầy Cương, song le thầy Cương đi đám táng chưa về.

Thầy Cang trở lại nhà, thì cô đã vào phòng, vì bị quá mầng, nhiều tính toán, mà phát nhưc đầu chóng mặt.



Qua ngày sau, thầy Cang ngồi nhà không an chỗ, xách nón ra đi cho khuây lảng, vừa đi vừa suy nghĩ, thỉnh linh thầy đứng lại ngó ngay cái xe bò ở trước mặt mà rằng :

— Nếu tôi không trúng số độc-đắc, vì có khi nhứt-trình in lộn số, thì... cha chả... buồn chết, chớ chẳng phải chơi ? Cang ôi ! mầy lớn đầu mà còn như con nít ! »

Thầy trở lại nhà, gặp anh Cương đương ngồi đợi.

— Nghe nói anh kiếm tôi chi vậy, tôi đi đưa xác mới về.

— Kiếm rủ anh đi dạo chơi kéo buồn, chớ có chi đâu. »

Cương ra về, Cang lấy giấy mực viết thư cho bạn là Cơn ở Saigon như vậy :

« Mon cher ami. — Báo X. đăng số 1637 trúng độc-đắc 10.000 \$.00 xin bạn dò lại giùm cho chắc, kéo sợ nhứt-trình in lộn số, vì một bạn-hữu của tôi trúng số 1637 ấy... »



Ngày kể đó, cô Cang cũng còn nhưc đầu, nằm vùi vắn. Thầy ngồi ăn cơm một mình, kể trạm ghé trao số nhứt-trình, thầy xé ra đọc :

« Kỳ báo hôm qua, Bồn báo đăng lộn số 1637 trúng độc-đắc, nay xin đính-chánh lại : số 1937 trúng độc-đắc 10.000 \$. mà thôi. Ôi ! cũng vì một con số trở ngược, mà trong 24 giờ, làm cho một người gặp đại phước, một người phải vô doan. Vậy Bản-báo xin cả hai miễn chấp, và chúc mầng cho quý-vị trúng đặng bạc muôn.

Thầy Cang thở ra một tiếng nghe như sấm, buồn tanh nói rằng.

« Làm vạn hộ không đầy 2 hũ ! Uông là đường nào ! chớ chi tôi được một muôn đồng, tôi sẽ giúp ích cho đời, cho bà con, cho đồng-chúng biết là chừng nào ! Thôi, cho vợ hay, may có bớt nhức đầu chẳng ? »



Thầy Cang chưa hết lặn dạn với cái số 1637 đâu, vì cách hai ngày sau, thầy tiếp được một phong thư « recommandé » Saigon gửi đến. Thầy xé ra mà toá hoá hai con mắt, vì trong ấy có hai cái mandats, mỗi cái 500 đồng. Thư ấy như vậy :

« Mon cher anh Cang. — Trả lời cho anh rõ. Số 1937 trúng độc đắc, chớ không phải số 1637. Mà người trúng số 1937 là tôi, vậy tôi xin « phần ưu » cùng ông bạn của anh, và xin phép gửi theo đây hai mandat một ngàn đồng, phiền anh trao lại giùm cho người giàu hụi. Ký tên : Con ».

Ngày ấy cô ký Cang cũng còn chóng mặt nhức đầu chưa hết.

E. ĐINH-VĂN-SẮT.

Thử việc lạ mới nghiệm ra.

Lúc nào anh cùng đôi ba người ngồi nhậu trà, hút thuốc điếu, anh làm thử việc này, như ai chưa coi mấy điều nói dưới đây, thì chắc khen anh là giỏi.

Anh đổ họ làm sao đốt miếng đường cho cháy ra lửa ngọn. Nghe việc lạ, ai nấy rần làm cho rõ anh nói dối. Rần làm cho mấy, đường cũng không cháy : nó chảy ra màu vàng, có hơi sém ít nhiều, thành đường xên mà thôi.

Anh đã đặc ý, mềnh được việc rồi đó. Bây giờ anh nói rằng : « đề tôi làm thử, mà tưởng chắc được ». Ai nấy không tin chút nào, chăm ngó thử coi anh làm sao. Vậy anh làm cho lệ giả bộ rót miếng đường trong tro tàn thuốc, lật qua lật lại rồi lấy ra, quẹt đốt, một chút đường cháy ra lửa ngọn xanh và nóng ; phải giữ kéo phồng tay.

Như anh làm cho khéo, thì họ không tưởng tro tàn thuốc có sức cháy được đâu. Mà thiệt nội một mình tro bắt lửa cháy. Việc này biết đã lâu, song mới hiện tại có nào, chừng vài năm nay mà thôi.

Tĩnh Mọi (Kontum)

Đức Cha Thê (M^{sr} Cuenot) đã ngóng trông khao khát lập địa phận và mở đạo cho dân mọi rợ ở miền núi non về phía tây nước Annam, như đã thấy trong sách hạnh Người (trang 47 và mấy trang tiếp theo). Lời cha ước ao, thì nay đã thành.

Rày Kontum đã nên một tỉnh rộng lớn, có nhà trường, nhà phước, nhà chung ; về việc Nước, thì có toà sứ, nhà thương, đồn lũy, chẳng khác chi mấy tỉnh dưới ta. Tỉnh này làng xóm Annam tuy không đông bằng dưới trung-châu song cũng không lấy chi làm ít quá.

Mà phần nhiều dân trong tỉnh là dân đen, người Annam ta quen kêu là Mọi. Toàn cả bốn phía núi, không chỗ nào mà không có Mọi ; mà Mọi lại có nhiều thứ, nói tiếng khác nhau, như : Bahnar, Sedang. Djarai, Radé, Halakông. Có nhiều tên lú tiu như vậy, song người ta đều gọi là Mọi cả.

Mọi là vì cách ăn mặc và thói phép chúng nó thô tục, khác xa người Annam ta : Đờn ông thì đóng khố, đờn bà vấn khăn. Cách ăn uống vinh mày vác mặt ; ăn vinh mày là vì ăn cơm không dưa, nên vinh mặt lên để bộ cơm cho dễ, uống vác mặt là vì uống nước ống với nước bầu, nếu không ngược mặt lên thì uống không được. Gạo thì giã bữa nào nấu bữa nấy. Chớ không bao giờ biết làm gạo để ngày mai.

Nhà ở thì làm nhà rằm, nhà gác, tứ phía toàn dựng bằng vĩ bằng phen ; trên thì nhà ở, dưới gác lại nhốt trâu bò.

Ban ngày nhờ có đèn trời, tối lại nhờ bếp lửa, ăn rồi cả nhà giùm lại xung quanh bếp mà nói chuyện, hút thuốc.

Làng xóm thì khi ở chỗ này, khi thì dời chỗ khác, nhứt là lập làng trên núi, thì mấy ả ưa hơn hết, là vì ở đó được tiện bề săn bắn chim chuột hơn ở gần người Annam.

Làm rẫy thì không cày không cấy, mùa hạ thì đốt nơi một góc rừng nào đó cho sạch chồi cây cỏ rác, rồi chực mưa

xuống đất mềm, lấy gậy nhọn cắm lỗ mà trĩa. Trĩa xong, bỏ đó phú cho trời, nỡ lo quên vun, phân lạc.

Lúc lúa chín thì lại lấy tay mà suốt vô gùi, chớ có biết gặt hái chi.

Làm sơ sài như vậy, lại một năm một mùa, song bởi nhiều người chuyên việc ấy, nên cũng đủ ăn, lại cũng còn dư đậu mè mà bán cho Annam, để chở đi bán chỗ khác nữa.

Người Mọi cũng biết trồng bông, kéo chỉ để dệt vải mà dùng, lại biết rèn đồ khí nghệ của mình, mà nhứt là nghề đương đất thì thiệt là giỏi, người Mọi nào cũng biết.

Khi có lễ lập chi, thì hay làm thịt trâu bò heo dê mà uống rượu và đánh chiêng, phèn la, trống, rập rạng nghe cũng được (người Annam ở đó quen gọi là ròn chiên). Vậy nên chiêng và phèn la Mọi mua đắt lắm.

Uống rượu thì không chén, không chai, cứ lấy ống trảy nhỏ cắm vào ghè rượu, rồi ngồi bốn bên mà nút.

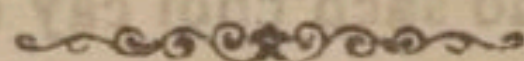
Mọi biết thương giúp nhau. hay là giùm cho nhau khỏi phải mướn, lại không ăn mảy.

Trong các thứ Mọi thì đều có tính hoang (sauvage), không muốn học, ít biết suy nghĩ, ham đánh giặc với nhau. Coi đó thì biết thiệt là khó răn dạy, song rày đã có nhà trường lớn (collège du Bienheureux Cuenot), dạy học trò Mọi, và trong ba phần Mọi, thì đã hơn hai phần có đạo, và đã cải bớt thói xưa, tập cày bừa gieo vãi, học tập hơn đưc. Suy như vậy thì dễ biết lúc đầu tiên các Cha đã chịu khốn khó cách nào, tốn hao bao nhiêu cho dựng lập thành cơ hội, và trĩa gieo giống Chúa làm cho lòng hung hăng dữ tợn ra dịu dàng hơn đưc.

Đây kể sơ qua một đôi đều đại khái về cách thói của người Mọi Kontum, cho kẻ chưa tới đó dựng tường, và những người đã tới một đôi khi dựng nhớ lại mà thôi.

Còn như kể gốc tích đầu đuôi, thì đây chẳng xứng đáng dự vào phần đủ.

M. T.



Giải trí

Bài đố số 4

Người kia uống một phần ba ($1/3$) ly rượu đầy. Rồi đổ nước thêm cho đầy ly và uống bớt một nửa : rượu lần thứ hai cũng pha nước vô cho đầy và uống một nửa như trước.

Hỏi trong ly ấy còn thiệt bao nhiêu rượu ?



Bài đố số 5

Có hai vòi nước đổ nước vô một thùng kia. Như đề một mình vòi thứ nhất đổ trong ba giờ thì đầy thùng ấy, và đề một vòi thứ hai đổ nội 5 giờ thì đầy thùng ấy. Vậy người ta đề một vòi thứ nhất chảy trước 1 giờ, rồi tới vòi thứ hai chảy 1 giờ rưỡi, sau hết mới cho cả hai vòi chảy một lượt với nhau.

Vậy hỏi mấy giờ thì đầy thùng ấy ?

(*Coi trang 114*)

Ý dụ dằng

Sẵn dịp tháng nghỉ, cả nhà trò Gioan tính xuống nhà bà nội thăm chơi ít bữa, rủi thằng em trò Gioan, nên 3 tuổi, xáng bệnh đau, nên phải đình lại đôi ba tuần không đi được.

Trò Gioan 5 tuổi thấy vậy lấy làm phiền quá, song nó cũng là đứa gan dạ. Bữa chiều nọ ngồi thổ thỉ riêng với cha như vầy rằng : « Ở cha, cha biết con buồn lắm vì không xuống chơi nhà bà nội, song con khóc lén với cha chẳng dám cho mẹ con thấy, vì con biết mẹ con buồn hơn con vì không đi thăm bà mẹ mình được.



Tên Anrê nghe nói bà mẹ là người goá.

— Mẹ, bà goá là người nào ?

— Ở con, bà goá là đờn bà không có ai mà an ủi và bình vực.

— Nếu vậy, khi nào con đã lớn thì mẹ không còn goá nữa.

Giải trí

Giải bài đố N° 4 (trang 113) — Lần thứ nhất người ấy uống một phần ba ($\frac{1}{3}$), nên còn lại $\frac{2}{3}$. Rồi chế nước vô cho đầy và uống một nửa rượu pha ấy, là uống $\frac{1}{3}$ rượu ; nên còn lại $\frac{1}{3}$. Lần thứ ba cũng chế nước vô cho đầy nữa, rồi uống bớt một nửa rượu pha ấy còn lại, là nửa $\frac{1}{3}$ hay là $\frac{1}{6}$ rượu nguyên trước. Vậy người ấy uống ba lần là :

$$\frac{1}{3} + \frac{1}{3} + \frac{1}{6} = \frac{5}{6} \text{ rượu}$$

Nên trong ly ấy còn thiệt rượu nguyên là $\frac{1}{6}$ mà thôi.

Giải bài đố N° 5 (trang 113) — Vòi thứ nhất trong 1 giờ chảy $\frac{1}{3}$ thùng (là 1 góc 3) ; vòi thứ hai đổ được $\frac{1}{5}$ hay là $\frac{2}{10}$ thùng ấy.

Vòi thứ hai nội 1 giờ ruối đổ $\frac{2}{10} + \frac{1}{10} = \frac{3}{10}$ thùng.

Mà hai vòi chảy thay đổi nhau đổ :

$$\frac{1}{3} + \frac{3}{10} = \frac{10}{30} + \frac{9}{30} = \frac{19}{30} \text{ phần thùng.}$$

Nên còn phải đổ đầy $\frac{30}{30} - \frac{19}{30} = \frac{11}{30}$ phần thùng ấy.

Đề 2 vòi chảy một lượt trong 1 giờ thì đổ :

$$\frac{1}{3} = \frac{2}{10} = \frac{10}{30} + \frac{6}{30} = \frac{16}{30} \text{ phần thùng ấy.}$$

Cho đầy $\frac{1}{30}$ phần thùng, thì phải chảy $\frac{1 \text{ giờ}}{16}$

Cho đầy $\frac{11}{30}$ phần thùng, thì phải chảy

$$\frac{1 \text{ giờ}}{16} \times 11 = \frac{11 \text{ giờ}}{16} = 41 \text{ phút } \frac{1}{4}$$

Vậy 2 vòi phải chảy

$$1 \text{ giờ} + 1 \text{ giờ } 30 \text{ phút} + 41 \text{ phút } \frac{1}{4} = 3 \text{ giờ } 11 \text{ phút } 16 \text{ s.}$$

Chuyện của Chú Từ Dốt.

— Nè, em ba, đề chú hỏi em thử một chuyện. Có khi nào em làm phước, bố thí gì chẳng ?

— Tôi nghèo gần chết, lấy gì mà bố thí ?

— Tuy vậy mặc lòng, cũng có kẻ nghèo hơn em nữa, nên em phải bố thí cho kẻ ấy, chút đỉnh theo sức.

— Mà Chúa có biểu tôi nhất nhiệm đến đời ấy đâu ! Tôi làm trời chết, vừa đủ ăn lỗ miệng, ấy là miệng tôi nhỏ, mà còn thiếu trước hụt sau, đâu có dư giả chi mà bố thí ?

— Em là người có đạo, mà em bình như không rõ lẽ đạo, chớ thì em không nghe sao ? Trước mặt Chúa thì việc lành nhỏ mọn chi cũng được công nghiệp với Người, và những việc chi ta làm cho một người hèn hạ hơn hết trong ta, thì Chúa cũng coi như là ta làm cho Người vậy.

— Ai mà không biết sự ấy. Song làm sao mà làm lành gì cho được, thứ hai tay không, cái túi trống rỗng lại thêm lưng đầy nữa, không dư được một đồng xu để ngâm rượu mà cần cay chơi. Tôi cũng hết sức tử tế là có lòng ước ao bố thí mà thôi. Chớ chi có cái này thì..... Chớ chi có cái kia thì... Cứ ngóng cò mà trông ! Trông hoài, mỏi cò quá, song chưa thấy có lúi khi nào bết.....

— Em cho chú nói bết cho em nghe. Em chớ quên sự này, là việc lành gì nhỏ mọn ta làm, thì Chúa cũng sẽ trả công cho ta hết, như một chén nước lã cho kẻ nghèo ; một lời an ủi kẻ âu lo, khuyên lơn kẻ rối rắm ; vui vẻ với kẻ hèn hạ không ai kẻ tới ; ai ghét mình, thì mình chớ làm mặt giận với kẻ ấy làm chi ; đọc một kinh xin cho kẻ có tội trở lại, cầu cho kẻ nghịch cùng mình, đừng cho các đảng ; viếng thăm kẻ đau ốm, nhứt làm thăm viếng kẻ nghèo không ai màng đến ; bố thí nhà thờ ngày Chúa nhứt ít nhiệm : mua nhứt trình có đạo mà coi hầu giúp việc Thiện-bản, hay là giờ ở không thì viết một hai bài cho đăng chung cùng trong việc ấy.

Mấy sự ấy ai làm không được ; và có phải cần gì cho có

tiền mới làm được đâu. Sự ấy nhỏ mọn đến đổi con mắt người đời không thấy, song Chúa thấy rõ ràng lắm.

Bởi ta trì hoãn, trông cho có tiền mới làm phước cho xứng đáng, cho có dịp mới khởi sự cả thê. Té ra lần lựa tới rồi thì không có làm được một sự lành nào sốt.

Ta hãy bố thí tùy sức ta và theo cách mỗi người, vì ta hãy nhớ ; « Làm lành thì gặp lành. » Nói theo chữ thì là.... « Tác thiện... gà thiện gì đó », chú không biết. — Lại Sách thánh cũng có dạy rằng : « Bay hãy cho, thì Chúa sẽ cho bay.... Ai có lòng hơn từ đức hạnh thứ tha, thì Chúa sẽ thứ tha cho nó. » Sau hết ta hãy nhớ sự bố thí, dầu cách nào mặc lòng, thì cũng như là chị em với sự đọc kinh. Biết chấp tay mà cầu nguyện, mà không biết mở tay ra cho rộng rãi, thì chẳng ích gì.

Dốt.

Nói-dốt.

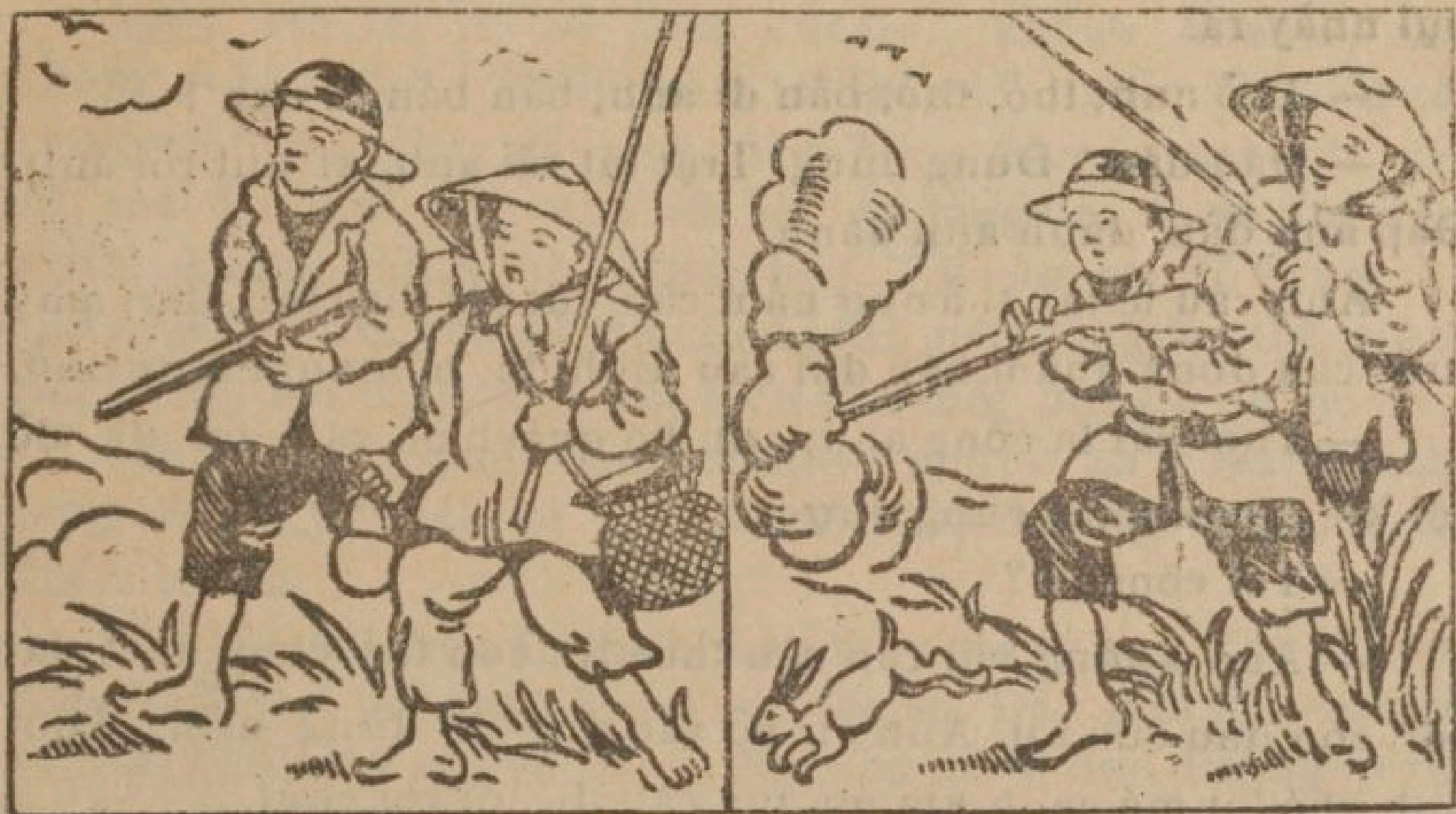
Bữa chiều kia (khi tiện-sĩ còn ở Saigon), thừa nhân rảo bước ra con đường quan-lộ, ngõ hầu hớp chút thanh khí, cùng giải muộn. Mà lạ gì thành Saigon : đường nào, đường nấy cũng đầy xe hơi, xe kéo, mới ló đầu ra đã nghe : « ê-ếp ! », nên tiện-sĩ mới tránh lên bờ lẽ dặng cho lòng hết hồi hộp, sợ bị cáng uồng mạng con người ! Xảy đâu nghe vắng vắng sau lưng có tiếng người nói rằng : « Đó chị ! Họ bắt người ta mà trồng-trái (chủng-dậu) đó, trốn cho mau ! » Lại nghe có tiếng đáp rằng : « Đừng sợ, tao đã có chồng rồi, không sao đâu ! »

Nghe những lời ấy, khác nào sét đánh bên tai ; tiện-sĩ bèn bụng bảo dạ rằng : « Vô lý quá ! Có lẽ nào những phụ-nữ có chồng thì không chủng-dậu ? Chính mình ta, hôm qua khi đi chủng-dậu, đã mắt thấy những người đàn-bà có chồng, có con đều phải chủng-dậu cả mà ! Lạ quá ! »

Nghĩ thế tiện-sĩ liền day lưng lại : té ra người nói câu ấy là một cô thiếu-nữ độ hai-sáu xuân-thu ! Chừng đó mới rõ rằng cô ta nói dốt : trồng lại nói chồng !

CÚC-HẢI.

CÂU THỎ, BẮN CÁ.



— Chà, bữa nay rảnh rang, nhàn du lắm sao mà đi săn đi bắn vậy anh ?

— Bữa nay nhằm ngày lễ trọng, nhà nước cho nghỉ, nằm ở nhà buồn quá, ghét vát súng đi vấy lên lối mé rừng đây, may gặp chim chóc thỏ chồn gì, lấy vài phát về xơi bữa chơ, mà. Còn anh bữa nay cũng vát cần mang đút đi câu đầu lùm cùm đó ?

— Hòm rày mắc công chuyện nhà không rảnh, nay rảnh



chút, vát cần lên lối mé gành đây thả vầy may gặp thứ chi về làm bữa gỏi chơi mà.

Cả hai vừa đi vừa nói chuyện, thỉnh linh thổ đầu trong bụi nhảy ra.

— Thổ anh, thổ, thổ, bắn đi anh, bắn bắn đi anh !

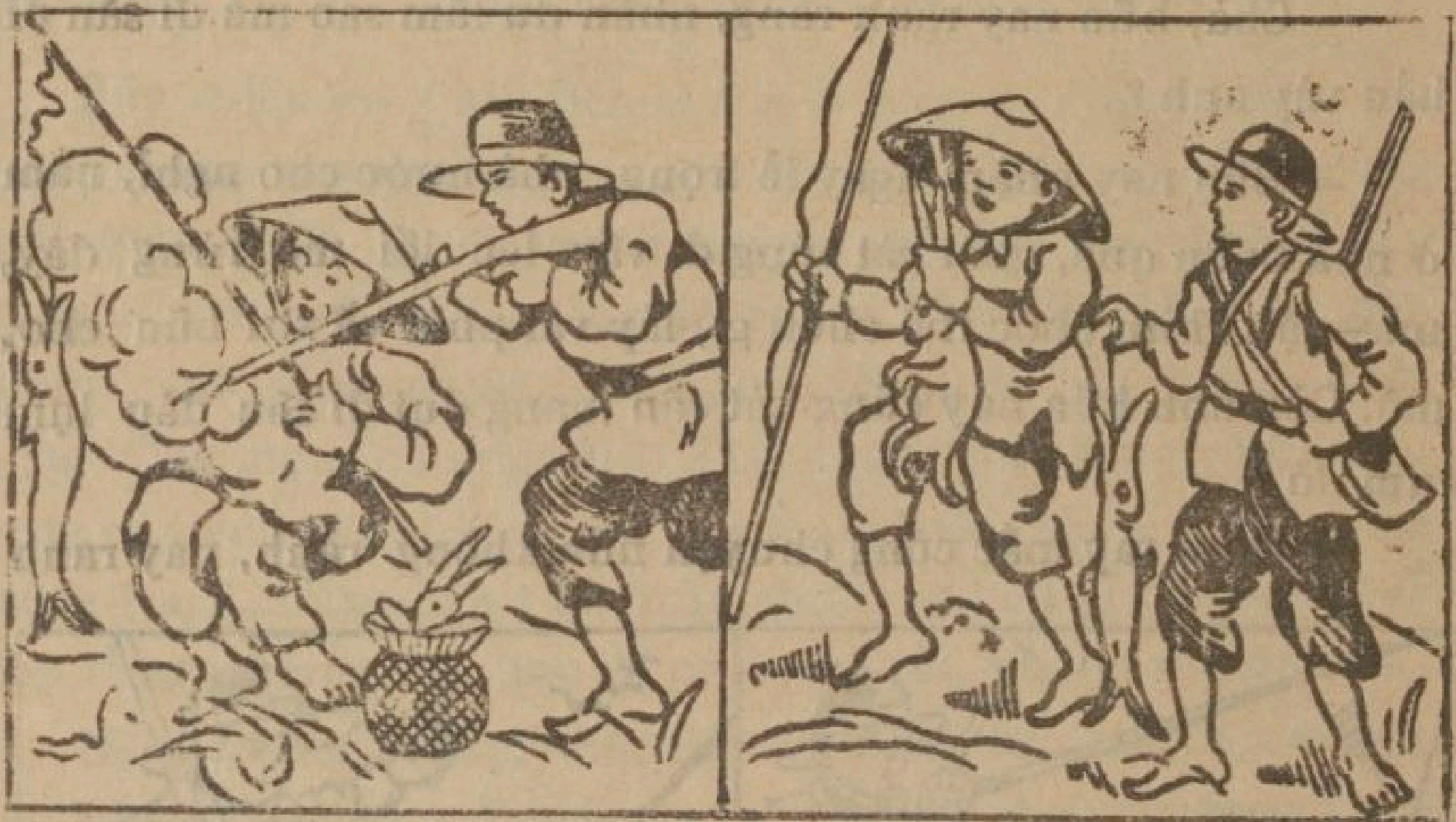
— Đầu đầu ? Đừng đừng. Trật lất rồi anh, xí hụt rồi anh. Đập anh đập, đánh anh đánh.

Anh câu lệ tay tuả nhợ nắm cần vọt vói theo thổ, thời may lưỡi câu đóng nhằm bắp đùi sau dính đó, nên nắm được thổ.

— Thôi cái ta công anh, anh bỏ quách nó vào đọt đi, để tôi kiếm con khác cũng được.

— Tôi công gì ?

— Anh không vọt cần câu theo thì con thổ chạy mất đất rồi, còn đầu của tôi. Anh cứ bỏ vào đọt đi đừng ngại. Thôi anh ghé lại mé gành kia mà thả câu đi, tôi eoi chút.



Thời may vừa thả câu thì gặp con cá to đóng câu.

— Kéo lên anh, kéo giùm với tôi anh, cá to quá. Đứt nhợ anh, đứt nhợ, bắn đũa đi anh, bắn bắn mau.

Anh bắn liền giương súng làm cho một phát, cá chết ngay.

Chừng đem lên bờ, anh câu mới nói : cái này là công ai, khi nãy anh nói thổ được là công tôi, bây giờ cá này được là công anh. Thôi anh phải xách cá này về xơi, còn tôi xách thổ này về làm một cuộc cho vui. Thôi về nè.

Chuyện của Chú Từ Dốt.

Ngày kia tôi đi ăn cơm khách... khách Annam, chứ không phải khách trú. Bõ trùm tôi thấy tôi nghèo khổ dốt nát không ai thèm màng đến, nên đem bụng thương mà kêu tôi lợi cho ăn một bữa cho lừ lừ. Ấy lòng đại độ và đức yêu người, không khinh thị kẻ thấp hèn. Tôi cảm ơn Bõ Trùm thế giùm cho những bọn nghèo chúng tôi, nên cũng ăn thế giùm cho ai nấy hết thấy, mới rán ních cho một bụng o no óc nóc.

Mà tôi không phải khoe tôi được phước ăn cơm khách, song tôi có ý thuật lại một chuyện xảy đến lúc tôi ở nhà Bõ Trùm tôi đó.

Khi gần đến bữa ăn thì không thấy thằng con ông Trùm đi học về. Đợi lâu quá, ở nhà cứ việc ăn. Đầu một lát, trò nhỏ về; cắt nghĩa có sao về trễ. — Nguyên nó đi dọc đường lượm được một cái túi đựng một cái giấy hai chục đồng: ban đầu nó mắng lắm, vì có tiền xài chơi. Song nó nhớ sức lại của ấy chẳng nên giữ, nếu giữ thì có tội trước mặt Chúa, nên mau mau đem vô nạp cho ông Cò. Tức thì bà Trùm và mấy đứa chị của trò nhỏ liền mắng rõ mà khen thằng nhỏ lòng ngay thẳng, không gian giảo. Ai nấy xúm lại tặng khen nó, nên coi bộ nó khoái lắm. Có một mình ông Trùm làm thinh, chẳng nói gì sớt. Bà Trùm thấy vậy, lấy làm lạ, nên hỏi ông sao không khen con mình.

Ông Trùm đáp rằng: Con mình nó làm vậy thì phải lắm; song có chi đâu mà nên nổi, dường như nó có công nghiệp gì trọng vọng vậy? Nó giao cho ông Cò của nó đã xí được, ấy là nó làm việc nó phải làm mà thôi. Bằng nó giữ của đó thì nó có lỗi mà chớ. » Thằng nhỏ nghe vậy hết khoái chí, mà lại thêm giận, nên nói rằng: « Mà của đó chẳng biết của ai, ai lượm được thì cũng ham giữ lấy. Ít ai mà trả lại như con vậy. » Ông Trùm rằng: « Ai không trả, thì nấy có lỗi. Ai bậy thì mặc ai, việc mình phải làm thì làm, chớ nên lấy đó mà kiêu ngạo. »

Thằng con lợi ngồi ăn một mình, ai nấy ăn rồi. Nó quên khăn hỉ mũi; nên bỏ đó, vô phòng kiếm. Khi trở ra, vừa tới bàn ăn thì vừa thấy con mèo táp miếng thịt sườn mà chạy. Thằng nhỏ giận dữ, rượt theo mà la lên rằng: « Đồ ăn cướp đồ ăn cướp ». Ông Trùm bước lợi mà nói tỉnh táo rằng: « Nè con, mèo chẳng biết miếng thịt đó của ai, cũng như con

không biết bóp tiền kia của ai. Vậy mèo đó lấy miếng thịt mà ăn đại, nên gọi nó là đồ ăn cướp, thì là thậm phải. Bởi đó nên hồi nãy nếu con lấy bóp tiền đó mà xài chơi, thì lương tâm con gọi con là làm sao ? » Thằng con hiểu lời cha nó răn dạy, xin lỗi cha nó mà rằng : « Con kiêu ngạo bấy lắm, sự con làm đó, là trả của xí được lại là sự con phải làm mà thôi, chớ không có công nghiệp gì hết. Bằng nếu con không có làm thì con có lỗi, con là một đứa ăn cướp như con mèo vậy. »

Cha mẹ biết dạy con là như vậy : chớ nên khen nó, và phải chỉ cho nó biết việc bốn phận là gì.

DỐT.

Số dân nước Tàu.

Phỏng chừng số dân nước Tàu là 440.024.953 người. Cứ mỗi tỉnh như sau này :

An-huy	Nganhoei	=	19.832.665
Bắc-kinh	Pékin	=	4.015.619
Cam-tú	Kansou	=	5.927.997
Giang-Tây	Kiangsi	=	24 466.800
Giang-tô	Kiangsou	=	28.225.864
Hà-nam	Honan	=	30 831.909
Hồ-bắc	Houpe	=	27.167.244
Hồ-nam	Hounan	=	28.443.279
Ky-hé	Kihé	=	9.258.655
Phúc-kiến	Foukien	=	17.157.791
Phụng-thiên	Fongtien	=	12 824.779
Quảng-đông	Koanglong	=	37.167.701
Quảng-tây	Koangsi	=	12.258.335
Quý-châu	Koeitcheou	=	11.216.400
Sơn-đông	Chantong	=	30.803.245
Sơn-tây	Chansi	=	11.114.951
Tân-cương	Siankiang	=	2.519.579
Tích-giang	Tchékiang	=	22.043.300
Tứ-xuyên	Setchoan	=	49.782.810
Thiểm-tây	Chensi	=	9.465.558
Thương-hải	Changhai	=	5.559.200
Trực-lệ	Tchéli	=	30.172.092
Vân-nam	Yunnan	=	9.839.180

Bản giá nhà thơ.

Thơ từ đồ đặc gửi nhà dây thép theo giá sau này :

Gửi đi Đông-pháp hay là Pháp-quốc,

và các thuộc địa Pháp.

Thơ thường, đồ gửi, đồ dán kín ; giấy tờ, đơn trương, giấy
thương mại ; nặng hết sức là 1 kilogr. 500.

	Đ-P.	P. & T.	Ng. Q.
Hễ 20 gr. sắp xuống thì dán	0\$05	0\$06.	0,10
— 50 gr. thì dán	0.10	0\$10.	
— 100 — —	0.15	0.15.	
— quá 100 gr. thêm mỗi trăm	0.04	0.04.	
Quá 20 gr. mỗi 20 gr. phải thêm			0.06
Toa đòi nợ buôn bán hễ 20 gr. thì	0.04	0.05.	
Bằng quá 20 gr. thì giữ theo giá thơ.			
Danh thiếp nhà thơ (Cartes postales)			
không chữ không hình thì	0.04	0.04.	
Có hình in thì	0.02	0.02.	
Viết vào 5 tiếng mà thôi	0.03	0.03.	
Viết vào quá 5 tiếng	0.04	0.04.	
Giấy tờ đồ đặc gửi làm kiểu			
nặng 500 gr. Hễ 100 gr.	0.04	0.04.	
Trên 100 gr. mỗi trăm	0.03	0.03.	
Danh thiếp không viết chữ nào	0.02	0.02.	
Nếu viết vào 5 tiếng	0.03	0.03.	
Viết quá 5 tiếng	0.05	0.06.	
Còn thơ gửi Recommandés	0.15	0.15.	
Đồ in hay là đồ gửi làm kiểu	0.10	0.10.	

M Ụ C L Ụ C

Tết

Tân niên	3
Vịnh Tết	<i>J. M. Huy-Hường</i> 10
Ngày tốt và ngày xấu	4
Lịch	5, 7, 9, 11, 13, 15, 16*, 19, 21, 23, 25, 27

Cách trí

Bình tưới	56	Làm cái tủ nhỏ	56
Chim phụng hoàng	86	Thử việc lạ	110
Gió mau chừng nào	86	Tu-hít hộ thân	95
Hai cái đình	56	Xạ hương	83

Chuyện có hình

Câu thỏ, bắn cá	117	Ớ các anh	34
Hả ! ngộ !	34	Tức cười	105
Lạc cực sinh bi	87	Xin anh kêu chó	29
Lịch sự	29		

Điều nên biết

Cách chùi	32**
— giữ xác	32**
— trừ bọ chết, chuột, chuột đồng, kiến	98
Đèn dầu	14
Đồ bằng aluminium	106
Gá ép để, hút trứng, săn chuột	52
Giấm	103
Heo : nuôi heo	52
Khởi cháy	14
— hư	14
Kim sét ăn.	106
Muối cần	32**
Mực viết	106
Nắc cút	103
Nhức dầu	103
Nước mặn	52
Nút ve củ	106
Ống bằng cao-su	14
Răng rụng	32**

Rét (sốt)	103
Tam hạp	103
Tê chơn	103
Thuộc xúc xe máy	106

Địa dư

Nhứt thực xứ Lào	<i>Focyane.</i>	26
Thói mọi Rơ-ngao		80
Tĩnh mọi Kontum		111
Số dân cư ở Đông-pháp		73
Số dân nước Tàu		120

Giải trí

Bài 1, 2, 3,	35	Giải bài 1, 2, 3,	51
— 4, 5	113	— — 4, 5,	114

Hình

Ảnh Cụ Sáu	80*
Đại thần Tôn-thất-Hân	32*
Đức Cha Phú	16**
Đức Khâm-Sứ	48*
Kỷ niệm trường dòng Pellerin	96**
Nhà thờ cũ La-vang	80**
Nhà thương phung Qui-hoà	48**
Nhà trường Gagelin	64**
Thánh đường Tourane	64*
Thánh đường Vĩnh	96*

Loài vật.

Con mèo cốt phật	<i>Focyane</i>	50
Con ruồi		12
Rắn lục	<i>Thomas Trir</i>	100

Luân lý

Chuyện của Chú Từ Dốt	22, 102, 115,	119
Danh tiếng		96
Giống như Mọi cả	<i>Trần-dinh-Nam</i>	97
Làm chức việc	<i>Hồ-ngọc-Cần</i>	104
Nghĩa chữ thiện là gì ?		8
Phương ngôn tạp cú	<i>Hồ-ngọc-Cần</i>	20
Tự-do lý tưởng		12

Nhân đàm.

Anh em bạn	78	Người kia ngồi	24
Chửa mặt trắng	8	Tên Anrê	113
Hai người Giudêu	24	Thầy thuốc	24
Ý dụ dằng	113	Trên ngọn cây	26
Một và hai là ba	72	Vâng lời tức thì	78

Nông gia

Nghề nuôi vịt	<i>Thomas Trứ</i>	57
---------------	-------------------	----

Sử ký

Tích hạnh Đức Khổng-Tử	<i>Pierre Thục</i>	6
Vua nước Annam		40
Nhà phước ở Đàng-ngoài	<i>Cadière và Bá</i>	99

Thơ

Bản giá nhà thơ	121
-----------------	-----

Tiểu thuyết

Bài học của một cụ lão	<i>Phụ-Thế</i>	81
Bịnh Kéc	<i>Pierre Ký</i>	30
Chuyện ngộ	<i>Ngôi-thanh-Phụng</i>	79
Chuyến xe tối	<i>Đinh-văn-Sắt</i>	53
Được ơn mà mất công	<i>Thôi-Hà</i>	35
Hộp tóc rối	<i>Đinh-văn-Sắt</i>	16
Một cái thảm-kịch không ngờ	<i>J. M. Huy-Hường</i>	75
Một gương hoa hiếm	<i>Pierre Ký</i>	77
Mưu thần hơn ngụy kế	<i>Kiều-Ngu</i>	48
Số độc-đắc	<i>Đinh-văn-Sắt</i>	107
Sư tử, chó sói, trứng gà	<i>Ngô-Xử</i>	39

Truyện

Hai người bị Mọi bắt	65
Từ bức chăn heo.....	62

Văn uyển

Tự thán phú	<i>Hồ-ngọc-Cẩn</i>	84
Thiên địa nhơn vật	<i>Trần-thị-Yến</i>	96

Y, thú-y-vệ sinh

Cách phòng bị bệnh ghíp	<i>Trần-dinh-Nam</i>	55
Cách cứu người chết đuối	<i>Thomas Trứ</i>	28
Bệnh dịch trâu bò	<i>N.g.v-Chính</i>	89

IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (*Annam*)

	Giá	sách
	kết	franco
Alleluia, tuồng.....	0\$06	0\$11
Anh Tuấn, tuồng.....	0.25	0.30
Ấu học trưởng thành thân.....	0.12	0.17
Avenir de pays d'Annam.....	0.15	0.20
Ba con thỏ, tuồng.....	0 01	0.04
Bà thánh Jeanne d'Arc, tuồng.....	0.25	0.30
Bài Evang Chúa-nhứt lễ cả.....	0.25	0.33
Bài gẫm tôn kính ông thánh Giuse.....	0.06	0.11
Bài luận quốc ngữ (T.I-II) hai cuốn.....	0.30	0.38
Bài vẽ-hoạch cho con trẻ.....	0.10	0.18
Bảy mối tội đầu.....	0.30	0 38
Biện phân tà chánh.....	0.60	0.71
Bốn nói-lối, tuồng.....	0.08	0.13
Cách đặt một câu.....	0.02	0.07
Cách học tắt.....	0.05	0.10
Cách lập đọc tiếng latin.....	0.08	0.13
Cách thức cho dễ nguyện gẫm.....	0.02	0.07
Cái chứng tôi ghét hơn hết, tuồng.....	0.01	0.04
Chasse à tir.....	1.00	1.08
Chín ngày ông thánh Phan-xi-cô, 2 tờ.....	0.01	0.04
Chớ nên lằm.....	0.01	0.04
Chơn đạo đại ích.....	0.02	0.07
Chúa Hải-dồng gọi, tuồng.....	0.08	0.13
Chúa Hải-nhi, tuồng.....	0.15	0.17
Chú Từ Dốt đi chơi ngoài vũng tàu.....	0.03	0.08
Con nít học nói.....	0.10	0.15
Con thỏ và con cọp.....	0.01	0.04
Công giáo ích gì không.....	0.03	0.08
Công tử Bọt, tuồng.....	0.06	0.11
Cours de Langue Annamite <i>đóng</i>	1.00	1.11
Của tôi tập đọc.....	0.06	0.11
Dón tắt tự tích chơn phước Xitêphanô.....	0.10	0.15
Du lịch bên Xiêm.....	0.60	0.68
Đại nguyên (T. I-II), hai cuốn.....	1.20	1.35
Đạo chi đại nguyên xuất ư thiên.....	0.03	0.08

Đi bắt ăn cướp, tuồng.....	0.06	0.11
Đi du-lịch ba ngày xe hơi.....	0.20	0.25
Đông-phương du-lịch.....	1.00	1.11
Địa dư.....đóng.....	0.30	0.38
Diễn lính, tuồng.....	0.05	0.11
Đồ của Hời, tiểu thuyết.....	0.30	0.38
Đức Bà hiện ra, tuồng.....	0.20	0.25
Exercices gradués.....	0.45	0.53
Gấm hằng ngày (Avancini) 3 cuốn.....	1.80	2.12
Gấm quanh năm (T. I-V) 5 cuốn.....	1.00	1.20
Giảng lễ Hội-thánh (T. I-III) 3 cuốn ———	0.40	0.57
Giảng về Thiên thần.....	0.30	0.38
Giáo hội chức sở tu thân.....	0.05	0.10
Giáo nhơn hành thiện.....	0.05	0.10
Gương phước.....	0.50	0.58
Gương tốt đồng nhi.....	0.20	0.25
Gương Trang-tử, tuồng.....	0.08	0.13
Hai chị em lưu lạc, tiểu thuyết.....	0.30	0.41
Hạnh ông thánh J.-B. de la Salle.....	0.10	0.15
Hạnh ông thánh G. M. Vianney.....	0.10	0.15
Hạnh ông thánh Luy Gongiaga.....	0.50	0.61
Hạnh ông thánh Phanxicô khó khăn ———	0.50	0.58
Hạnh thầy Aglibert.....	0.20	0.25
Hiền tạ, tuồng.....	0.25	0.30
Hiếu kính cha mẹ.....	0.03	0.08
Histoire d'Annam (Cadière).....	0.35	0.43
Histoire d'Annam (Cadière) et histoire Contemp. (Perreaux) ———đóng———	0.80	0.91
Hoàng-kim-Huyết, tuồng.....	0.25	0.30
Hữu Chúa tể cần khôn.....	0.02	0.07
Khuyến thiện ———.....	0.02	0.07
Kinh cầu cho dân Annam 2 tờ ———	0.01	0.04
Kinh Đền-tạ 2 tờ ———	0.01	0.04
Kinh La-tinh ———	0.08	0.13
Kinh nguyện ngày thường và C. nhật ———	0.06	0.11
Kinh và cách thừa giúp lễ ———	0.02	0.07
La-vang ———	0.12	0.17
Lập công. ———	0.04	0.09
Lễ phép... ———	0.08	0.13
Lexique des termes de religion ———	0.15	0.20

Lịch Lờ-thăm 1930.....	0.15	0.23
Lịch Lờ-thăm 1931.....	0.30	0.41
Lịch sử Cụ Sáu.....	0.60	0.68
Lục súc, texte et trad.....	0.20	0.28
Lục súc tranh công.....	0.04	0.09
Lương thiện.....	0 02	0.07
Memento Indochinois 1926, 1927, 1928, mỗi cuốn.....	1.00	1.08
Mẹo tiểu học.....	0.20	0.25
Méthode de langue français et annamite.....	0.50	0.58
Một cha khác mẹ, tuồng.....	0.20	0.25
Một trăm năm đất khách (Xiêm).....	0.60	0.68
Mưa nhuần, tuồng.....	0.03	0.08
Mưa thâm, tuồng.....	0.10	0.15
Ngai vàng, tuồng.....	0.06	0.11
Nghề trồng dâu nuôi tằm.....	0.06	0.11
Nghĩa trọng tài khinh, tiểu thuyết.....	0.30	0.38
Nghị luận.....	0.03	0.08
Nhơn linh chỉ trọng.....	0.15	0.20
Nhứt khoá.....	0.12	0.20
Nhứt trình Phạm-ần-Sĩ.....	0.04	0.09
Ơn nghĩa.....	0.05	0.09
Ông già hà-tiện, tuồng.....	0.06	0.11
Ông th. Gioan và Chúa Cứu-thế, tuồng.....	0.20	0.25
Ông thánh Vitô, tuồng.....	0.25	0.30
Pháp tự khúc ca.....	0.12	0.17
Phép đánh vần.....	0.03	0.08
Phép lịch-sự tây.....	0.30	0.35
Programme officiel de l'Enseignement.....	0.20	0.25
Quả đào tiên, tuồng.....	0.06	0.11
Quang minh.....	0.03	0.08
Quatre Conférences sur Angkor.....	0.40	0.48
Sấm truyền cũ.....	0 35	0.46
Sanh ký tử qui.....	0.02	0.07
Sánh thế gian như đi cầu khỉ.....	0.04	0 09
Song nghĩa tự, tiểu thuyết.....	0.30	0.38
Sử ký nước Annam.....	0.30	0.38
Tám lòng bạc bẽo, tiểu thuyết.....	0.20	0.28
Tán mỹ khúc ca.....	0.10	0.15
Tây hành lược ký.....	0.30	0.35

Thận chung truy viễn	0.03	0.07
Tháng Trái-tim	0.20	0.28
Thăng Trời	0.20	0.28
Thánh Giáo yếu lý (Sách thiên)	0.06	0.11
Thánh giáo sấm ký diễn ca	0.04	0.09
Thánh mẫu hạnh thật	0.05	0.10
Thánh tích đạo cũ và đạo mới	0.12	0.17
Thế tình hài kịch, tuồng	0.10	0.15
Thiên Chúa luận	0.02	0.07
Thiệt phận thuyền quyền, tiểu thuyết	0.30	0.38
Thương khó Đ C G	0.05	0.10
Thương khó Đ C G. tuồng (Đức)	0.25	0.30
Thương khó Đ C G. tuồng, (Tòng)	0.25	0.30
Tiếng gọi bà Jeanne d'Arc, tuồng	0.06	0.11
Tìm của báu, tiểu thuyết	0.30	0.38
Tình thâm nghĩa trọng, tuồng	0.15	0.20
Tĩnh thân thường nhật	0.40	0.51
Toán pháp và lượng pháp	0.25	0.30
Tóm lại sấm truyền cũ mới	0.04	0.09
Tôn Trái tim Đ C G	0.05	0.10
Trê cóc (texte et traduction)	0.20	0.28
Trê cóc tân truyện	0.04	0.09
Truy tầm chơn đạo	0.03	0.08
Trung học tri thủ phận	0.30	0.38
Trước cửa Thiên đàng, tuồng	0.10	0.15
Tử hầu	0.15	0.23
Tự tích Đức Cha Thề, văn	0.05	0.10
Vạn phúc vạn hoa	0.01	0.04
Vạn vật chơn nguyên	0.03	0.08
Vấn đề Cộng-sản	0.10	0.15
Vấn đề Luân-lý ngày nay	0.10	0.15
Vers la France	1.00	1.08
Việc liễu minh, tuồng	0.01	0.04
Viện tu trình nữ	0.50	0.61
Vi nhơn đáng làm người	0.03	0.08
Vì thương chẳng nệ, tuồng	0.06	0.11
Voyage à travers l'Allemagne	1.50	1.58
Voyage en Orient et en Palestine	1.50	1.61



Coi Lịch LỜI THĂM 1931

KHỎI TỐN TIỀN

(Hạn đến cuối tháng Février 1931 thì mãn)

Những ngài đã mua quyền Lịch Lời-thăm, nếu muốn trừ tiền mua quyền lịch ấy lại, thì hãy lựa lấy một cuốn sách nào trong bảy cuốn rao sau đây tùy ý ; (Phải chọn hai cuốn, vì sợ rủi cuốn thứ nhất hết, thì sẽ gởi cuốn thứ nhì thế lại) ; và hãy cắt miếng giấy này với số tiền (hoặc mandat, hoặc bằng tem 0\$05 dán thơ thường cũng được) mà gởi cho

Monsieur LE DIRECTEUR

DE L'IMPRIMERIE DE QUINHON

QUINHON (Annam)

Thì được bớt giá mỗi cuốn 0\$30 ; lại khỏi chịu tiền cước gởi nữa. Trừ ra mình muốn gởi *Recommandé* phải thêm 0\$10 mà thôi.

Sách quốc-ngữ

Hoa-Huệ : Một trăm năm đất khách (0\$68) thì gởi 0\$38

J. Đức : Du lịch bên Xiêm (0.68) » 0.38

J. Đức : Đông phương du lịch (1.11) » 0.81

Sách tiếng Pháp

J. Đức : A travers l'Allemagne (1\$62) thì gởi 1\$31

J. Đức : Voyage en Orient (1.58) » 1.28

J. Đức : Vers La France (1.08) » 0.78

Chochod : Chasse à Tir en Annam (1.08) » 0.78

Sách truyền-bá Công-giáo.

Mỗi cuốn 48 trang có bìa.

Xin các ngài hãy mua lấy sách nhỏ này mà phân phát cho những người chưa truy tầm được đàng ngay lẽ chánh, chưa nhận được Chúa cả tạo thành vạn vật, thời khác nào các ngài giờ tay rộng rãi làm phước bố thí vậy.

Các ngài hãy bỏ rơi ngoài đàng dọc sá, hoặc trên xe lửa, xe điện, hoặc trong khách sạn, v. v.

Trong chín cuốn có lẽ vô ích, mà cuốn thứ mười sẽ được kết quả. Kia người chánh tâm thiện tánh, trong nước xứ ta kể trên hằng ngàn hằng triệu, lượm lấy mà đọc, và sẽ đem lòng chiêm nghiệm, sẽ nương đó mà nắm giữ đạo Đức Chúa Trời; nghĩa là chắc phần phước thanh nhân đời đời. Các ngài dùng của bố thí nhỏ nhen này, mà công các ngài chắc sẽ nên trọng trước mặt Chúa.

Bố thí cho phần xác, thì cũng hãy phân phát cho phần hồn; hãy lấy sách tốt này mà bố thí, ấy là như bố thí một xu nhỏ vậy.

Mua nhiều thì rẻ, chỉ có một xu, thiệt có một xu một cuốn mà thôi.

100 cuốn | \$ 00 — Franco | \$ 70

50 » 0 , 70 — » 1 , 05

10 » 0 , 20 — » 0 , 32

1 » 0 , 03 — » 0 , 06

Đã in rồi và đã bán

Ngô-Đình-Khả : Đạo chỉ đại nguyên xuất ư thiên.

Nguyễn-dinh-Hiến : Công-giáo ích gì không.

LỜI - THĂM

TẠP CHÍ

Xuất bản mỗi tháng 2 kỳ

Đăng những bài về :

I ĐẠO LÝ

II KHOA HỌC

III CÔNG NGHỆ

IV TIỂU THUYẾT

V TÂN VĂN

Một năm (24 số) 1\$50

Hãy gửi thư và mandat cho

MONSIEUR LE DIRECTEUR

du LỜI THĂM

QUINHON (Annam)